

Văn nghệ GIA LAI

TẠP CHÍ CỦA HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH GIA LAI

<https://vannghelialai.vn/>



Số 07

Tháng 4.2026

- ★ Tổng Biên tập:
TRẦN QUANG KHANH
- ★ Tòa soạn:
103 Phan Bội Châu
Phường Quy Nhơn - Gia Lai
- ★ ĐT: (0256) 3822167
(0256) 3822187
- ★ Email:
vannghelialai@gmail.com
- ★ Tạp chí điện tử:
<https://vannghelialai.vn>
Email: vannghelialaidientu@gmail.com

TRONG SỐ NÀY

Thời đàm

- DƯƠNG HIẾU * Khơi thông “huyết mạch” 3
NGUYỄN HOÀN * Chế Lan Viên - Hàn Mặc Tử, đôi tri kỷ thơ hiếm có 5

Thơ

PHẠM ĐỨC LONG, THỰC LINH, TRẦN HÀ, LÊ GIA HOÀI, LÊ TRỌNG NGHĨA,
VÔ THỊ MỸ HẠNH, NGÔ VĂN CỨ, XUÂN TRƯỜNG, THU NGUYỆT, TRƯƠNG
CÔNG TƯỜNG, HỒ THẾ HÀ, BÙI VIỆT MỸ, BÌNH NGUYỄN TRANG, ĐÀO AN
DUYÊN, TRẦN QUANG KHANH

Truyện ngắn

- HƯƠNG VẪN * Tấm bảng hiệu cũ 31
PHẠM HỮU HOÀNG * Bão tan 38

Gương mặt hội viên

- VĂN PHI * Nhà văn Nguyễn Thị Thanh Thúy: Đi qua hiện thực để viết 45
NGUYỄN THỊ THANH THÚY * Thên thang M'Đrăk 46

Nghiên cứu - Phê bình

- NGUYỄN VĂN HÒA * Bộ kinh Gia Hưng tạc tại chùa Thập Tháp: Giá trị tư liệu
và ý nghĩa đối với nghiên cứu lịch sử Phật giáo Nam Trung bộ 54
NGUYỄN VĂN DŨNG * Một khảo cứu về họa sĩ Hồng Cao 58

Đọc sách

- BẢO NHI * Thi phẩm tiếng quê trong *Chuyện của làng* 62

Văn học nước ngoài

AKUTAGAWA RYUNOSUKE (Nhật Bản) * Giấc mơ * MẠNH HÀO (dịch) 65

Văn trẻ

Thơ VÕ ĐÌNH DUY, NGUYỄN CHÍ NGOAN 72

Văn học thiếu nhi

NINH LÊ * Quà của rừng 78

Thơ PHAN PHƯƠNG LOAN, ĐẶNG TOÁN 82

Văn học trong nhà trường

MY TIỀN * *Trái tim Đan-ko* - Bi kịch của lửa 86

Đất và người Gia Lai

TS. VÕ MINH HẢI * *Dinh bà Yá Đố ở xã Cửu An*: Không gian tín ngưỡng nữ thần
và ký ức văn hóa vùng Tây Sơn Thượng đạo 89

Tản văn

NHẬT HẠ * Pleiku, bản tình ca trong sương 92

TRẦN THU HÀ * Vị quê 94

Âm nhạc - Mỹ thuật - Nhiếp ảnh

HOÀNG THÔNG, NGUYỄN THẾ TUYẾN, TRẦN VĂN LỘC, PHAN THANH HÙNG - LÊ TRỌNG NGHĨA,
PHẠM THẾ BỘ, NGUYỄN VĂN CHUNG, MAI QUỲ NGỌC, LÊ THỊ KIM THÚY - ĐỖ ĐÌNH THỊ, NGÔ HUY
TỊNH, TRẦN PHONG, TRẦN QUANG HỒNG

Tranh Bìa 1: *Chiều trên cửa biển*. Chất liệu: Acrylic. Họa sĩ LÊ DUY KHANH

Bìa: Họa sĩ **Lê Duy Khanh**

Trình bày: **Kim Sơn**

*Giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử số 17/GP-BTTTT
của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 13.01.2023
In 500 quyển, khổ 16x24cm, 108 trang tại Công ty In Nhân Dân Bình Định,
339-341 Trần Hưng Đạo. ĐT: 02563822810
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4.2026
Giá bán: 20.000 đồng*

Khơi thông “huyết mạch”

DƯƠNG HIẾU

Tháng 4 năm 2026 ghi dấu mốc lịch sử với hạ tầng giao thông cả nước khi toàn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông: các đoạn cuối cùng (từ Quảng Ngãi đến Khánh Hòa, bao gồm đoạn qua tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk) đã thông xe, chính thức đưa vào khai thác, giúp rút ngắn đáng kể thời gian di chuyển giữa các vùng, tạo ra một “động mạch” hiện đại, thông suốt hơn, giúp giảm chi phí logistics, tăng khả năng kết nối giữa các trung tâm kinh tế như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, thu hút đầu tư vào các khu đô thị dọc tuyến, mở ra cơ hội phát triển vùng và bảo đảm tốt hơn cho an toàn giao thông...

Với tỉnh Gia Lai, nhất là khu vực phía Đông, khi cao tốc thông suốt đã trở thành mắt xích quan trọng trong trục kinh tế Bắc - Nam và hành lang Tây Nguyên với biển; đặc biệt các địa chỉ du lịch vốn rất hấp dẫn nhưng bị cản trở bởi di chuyển đã kết nối thuận lợi hơn, thành liên vùng biển du lịch từ tiềm năng sang tăng trưởng...

Với tỉnh Gia Lai, tháng 4 này không chỉ có sự “khơi thông huyết mạch” từ việc thông xe tuyến cao tốc Bắc - Nam mà cả một hệ thống các dự án giao thông đang vào guồng mạnh mẽ, quyết liệt. Với phương châm “Giao thông đi trước, kinh tế theo sau”, lãnh đạo tỉnh đang đặt ưu tiên hàng đầu vào việc hoàn thiện mạng lưới giao thông để phá thế “ngõ cụt”, biến tỉnh thành trung tâm kết nối khu vực Tây Nguyên với duyên hải miền Trung.

Chỉ riêng trong năm 2025, Ban QLDA các công trình giao thông và dân dụng tỉnh được giao làm chủ đầu tư 56 dự án, trong đó có 6 dự án giao thông trọng điểm đang triển khai thi công, gồm: Dự án đầu tư xây dựng đường cất hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát; Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; Dự án đường ven biển đoạn Cát Tiến - Diêm Vân; Dự án tuyến đường ven biển (ĐT. 639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới; Dự án tuyến đường kết nối từ cao tốc Bắc - Nam về Khu công nghiệp Phù Mỹ và Bến cảng Phù Mỹ; Dự án tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đến đường ven biển (ĐT. 639), kết nối với cảng Đê Gi. Đây được coi là những công trình mang tính chất bản lề, tạo ra trục xương sống cho sự phát triển bền vững của toàn khu vực.

Dự án đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku chính là tâm điểm trong chiến lược hạ tầng của tỉnh được coi là “dự án sinh mệnh” với mục tiêu tiến độ là cơ bản hoàn thành vào năm 2029. Với chiều dài 125km và tổng vốn đầu tư hơn 44.000 tỷ đồng, đây được coi là hành lang kinh tế nối liền cảng biển Quy Nhơn với cửa khẩu quốc tế và vùng nguyên liệu rộng lớn tại Tây Nguyên. Để thực hiện dự án này, khối lượng giải phóng mặt bằng (GPMB) là cực lớn với quy mô thu hồi hàng trăm héc-ta đất, ảnh hưởng đến hàng nghìn hộ dân và tổ chức. Công việc giải phóng mặt bằng, thu hồi đất đòi hỏi sự tinh tế cùng với đồng thuận cao từ phía người dân.

Dự án đầu tư xây dựng đường cất hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát đang là một công trường rộn ràng với hơn 1.000 kỹ sư, công nhân và 500 phương tiện thiết bị. Việc nâng cấp lên cảng hàng không cấp I không chỉ giải quyết tình trạng quá tải hiện tại mà còn mở cánh cửa đón các dòng tàu bay lớn (Code E), đưa du lịch và thương mại Gia Lai vươn tầm quốc tế. Dự án đang khẩn trương thi công với tinh thần “3 ca, 4 kíp” cùng phong trào thi đua 150 ngày đêm để hoàn thành đúng cam kết, đảm bảo đến tháng 7.2026 đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

Dự án Đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam (đoạn qua Gia Lai dài hơn 115km) là dự án trọng điểm quốc gia. Tỉnh đã đi trước một bước trong việc cắm mốc, kiểm kê đất đai và quy hoạch 42 khu tái định cư để sẵn sàng mặt bằng “sạch”.

Dự án Tuyến đường kết nối từ cao tốc Bắc - Nam về KCN Phù Mỹ có tổng mức đầu tư hơn 2.100 tỷ đồng, dài khoảng 16,3km, bắt đầu từ đường phía Tây (ĐT.638) kết nối trực tiếp với cao tốc Bắc - Nam hiện hữu để dẫn về khu công nghiệp và bến cảng Phù Mỹ đóng vai trò “cửa ngõ” ra biển cho hàng hóa từ Tây Nguyên đang triển khai thi công và được coi là mắt xích quan trọng để tối ưu hóa năng lực logistics của tỉnh.

Hoàn thiện mạng lưới giao thông liên vùng đối với các dự án như đường ven biển Cát Tiến - Đê Gi, đường nối từ Quốc lộ 1 đến cảng Đê Gi, hay dự án nâng cấp tuyến ĐT.638... đều đang được đôn đốc tiến độ từng ngày. Những cung đường này không chỉ làm thay đổi diện mạo đô thị mà còn mở ra quỹ đất rộng lớn cho phát triển dịch vụ, du lịch và bất động sản.

Có lẽ chưa bao giờ Ban QLDA các công trình giao thông và dân dụng tỉnh đảm nhận một khối lượng công việc khổng lồ như hiện nay. Rõ ràng những “siêu” dự án hôm nay chính là nền tảng vững chắc để tỉnh bút phá, khẳng định vị thế là trung tâm kinh tế quan trọng, nơi giao thoa hài hòa giữa bản sắc rừng núi Tây Nguyên và tiềm năng biển cả duyên hải miền Trung. Để “huyết mạch được khơi thông” trên mọi vùng dự án đi qua, rất cần sự minh bạch, công bằng trong công tác đền bù giải tỏa; sự nghiêm túc của đơn vị thi công trong thực hiện tiến độ, đảm bảo vệ sinh, an toàn công trình, không gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Và đặc biệt là sự đồng thuận của người dân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vùng dự án.

D.H

Chế Lan Viên - Hàn Mặc Tử, đôi tri kỷ thơ hiếm có

NGUYỄN HOÀN

Chế Lan Viên và Hàn Mặc Tử là hai nhà thơ lớn của văn học Việt Nam hiện đại. Cả hai đều phát lộ tài thơ từ rất sớm. Hàn Mặc Tử làm thơ từ năm 14 tuổi, xuất bản tập thơ *Gái quê* năm 1936, tập thơ được in duy nhất khi ông còn sống. Chế Lan Viên có thơ đăng báo lúc 15 tuổi, xuất bản tập thơ *Điều tàn* năm 1937, lúc 17 tuổi. Cả hai đều có những tìm tòi, cách tân mới lạ cho thơ Việt Nam hiện đại. Điểm tương đồng này khiến cả hai sớm đến với nhau, trở thành đôi tri kỷ thơ hiếm có.

Cả hai có mặt trong nhóm *Bàn Thành tứ hữu* (bốn người bạn ở thành Đồ Bàn, Bình Định) gồm: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Yến Lan và Quách Tấn. Vì yêu quý tình bạn, tình thơ của nhóm này, có người đã dùng tên của bộ tứ linh “long, lân, quy, phụng” để đặt cho từng người trong nhóm: Hàn Mặc Tử là rồng (long), Chế Lan Viên là phụng, Yến Lan là lân và Quách Tấn là rùa (quy). Tên tứ linh chỉ là “đặt chơi” nhưng đã thể hiện đúng về con người và văn nghiệp của mỗi người, trong đó, Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên là rồng, phụng. Và rồi, cả hai đều có mặt trong Trường thơ Loạn, một hiện tượng độc đáo của phong trào Thơ Mới. Ở đây, “Loạn” chính là tìm kiếm cái mới lạ, kỳ dị, siêu thực. Theo nhà thơ Quách Tấn: “Trường thơ Loạn ra đời năm 1938, lúc bấy giờ Chế Lan Viên đã xuất bản tập *Điều tàn*, Hàn Mặc Tử đã hoàn chỉnh tập *Thơ điên*, Yến Lan đã hoàn thành tập *Giếng loạn*. Nhân đó ba bạn Hàn - Chế - Yến mới cao hứng dựng nên Trường thơ Loạn. Bài tựa tập *Điều tàn* và bài tựa tập *Thơ điên* thay thế lời tuyên ngôn lúc Trường thơ mở cửa”⁽¹⁾. Qua hai bài tựa “tuyên ngôn” về xu hướng, tính chất của Trường thơ Loạn này, cho thấy cách nghĩ tương đồng của Chế Lan Viên và Hàn Mặc Tử trong việc làm thơ, trong cùng “trường thơ”. Khi viết lời tựa cho tập thơ *Điều tàn*, Chế Lan Viên nghĩ ngay đến Hàn Mặc Tử, người bạn chủ trương “thơ điên”: “Hàn Mặc Tử nói: Làm thơ tức là điên. Tôi thêm: làm thơ là sự phi thường. Thi sĩ không phải là Người. Nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ, là Tinh, là Yêu. Nó thoát Hiện Tại. Nó xoắn Dĩ Vãng. Nó ôm trùm Tương Lai”. Cùng mối hòa điệu với Chế Lan

Viên, Hàn Mặc Tử khi viết tựa tập thơ *Đau thương* (Thơ điên) đã tỏ nỗi bàng hoàng, “mê sảng” khi được sống tận cùng nhờ thơ, vì thơ: “Tôi làm thơ? Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của Tình yêu. Tôi đã vui, buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống”, “vườn thơ tôi rộng rinh, không bờ bến. Càng đi xa càng ớn lạnh”.

Hàn Mặc Tử là đàn anh của Chế Lan Viên (hơn Chế Lan Viên 8 tuổi), “vốn Hàn coi Chế như em ruột và quý như bạn thân” (Quách Tấn). Khi tập thơ *Điều tàn* xuất hiện, Hàn Mặc Tử đã nhiệt thành chào đón và khen ngợi hết mực. Hàn Mặc Tử đã làm bài thơ *Thi sĩ Chàm* tặng Chế Bồng Hoan (tên Hàn Mặc Tử đặt cho Chế Lan Viên), lột tả cái hay lạ lùng của *Điều tàn*: *Người lắng nghe, lắng nghe trong đáy giếng/ Tiếng vàng rơi chìm lìm xuống hư vô/ Tiếng ngọc địch nhớ nhung còn uyển chuyển/ Bên cầu sương lưu đọng ánh trăng mơ/ Người thổn thức tiếc buồn bao cảnh sắc*. Hàn Mặc Tử còn viết bài “*Chế Lan Viên - một thi sĩ “điên”*” (Tựa tập thơ *Điều tàn* của Chế Lan Viên)” đăng trên báo “*Công luận*”, số 7800, ra ngày 09.9.1938 với nhiều dòng phấn khích trước tài thơ độc đáo của Chế Lan Viên: “Chế Lan Viên quả là một tướng giặc đã can đảm xách giáo, mang gươm, xông vào trận mạc để chém lão tướng “Đường”, quét “thất luật”, đánh “kháng vận”, dẹp “tám câu”, chặt “năm vắn”. Chế Lan Viên quả là một dũng sĩ, dám xông pha giữa cung cấm, gào thét trong khi các “lá ngọc cành vàng” yên lặng ngủ...”, “sau khi đọc xong quyển *Điều tàn* của anh thì bao nhiêu cái buồn, cái chán, cái rùng rợn, cái hãi hùng đã làm cho tôi khóc, tôi cười, tôi vui, tôi khổ!”. Hàn Mặc Tử qua bài thơ *Trường thọ* còn vẽ nên hình ảnh Chế Lan Viên quỳ nguyện Thần Thơ, tức là Khúc Tinh chiếu mạng cho người thơ có được nguồn thơ sáng láng, chan chứa ly tao và sống mãi, trường thọ (theo Tử vi Đẩu số, Khúc Tinh là hai sao Văn Khúc, Vũ Khúc chiếu mạng ai thì người đó văn hay chữ tốt): *Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuỗi hạt/ Cầu Khúc Tinh hằng chiếu mạng người thơ/ Nên đường trăng sáng láng tự bao giờ/ Lạy chín phẩm thiên thần xin chứng giám!*

Với tập thơ đầu tay *Điều tàn*, Chế Lan Viên có được tiếng tăm và vị trí trang trọng trên chiếu thơ của làng Thơ mới, như Hoài Thanh - Hoài Chân đã khẳng định: “Quyển “*Điều tàn*” đã đột ngột xuất hiện giữa làng thơ Việt Nam như một niềm kinh dị”, “Giữa đồng bằng văn học Việt Nam ở nửa thế kỷ hai mươi, nó đứng sừng như một cái tháp Chàm, chắc chắn và lẻ loi, bí mật”⁽²⁾. Khác với Chế Lan Viên, đường thơ Hàn Mặc Tử gặp ít nhiều “sóng gió”. Thơ Hàn Mặc Tử mới lạ mà cái mới ban đầu đầu dễ vào được với số đông? Hoài Thanh - Hoài Chân cho biết: “Tôi đã nghe người ta mạt sát Hàn Mặc Tử nhiều lắm”. Đến như Xuân Diệu, một chủ tướng của Thơ mới đã không hiểu được Hàn Mặc Tử lại còn “bóng gió” chê thơ Hàn Mặc Tử: “Hãy so sánh thái độ can đảm kia (thái độ những nhà chân thi sĩ) với những cách đột nhiên mà khóc, đột nhiên mà cười, chân vừa nháy, miệng vừa kêu: Tôi điên đây! Tôi điên đây! Điên cũng không dễ làm như người ta tưởng đâu. Nếu không biết điên, tốt hơn là cứ tỉnh táo như thường mà yên lặng sống”. Nhưng thơ hay thì không thiếu tri kỷ, nhất là tri kỷ ở “cấp độ” Bá Nha - Tử Kỳ. “Đương thời

không ai yêu Hàn Mặc Tử hơn Chế Lan Viên” (Ngô Văn Phú). Trong hồi ức thăm sâu của mình, Quách Tấn nhớ đến lúc Chế Lan Viên nằm gối đầu lên vế Quách Tấn mà ngâm thơ Hàn Mặc Tử. Giọng ngâm của Chế Lan Viên rất hay, trong và cao, khi ngâm thường nhấn vào những chữ tuyệt bút trong bài thơ làm tăng sức truyền cảm. Chế Lan Viên thích ngâm nhất là bài “*Một nửa trăng*” của Hàn Mặc Tử: *Hôm nay có một nửa trăng thôi/ Một nửa trăng ai cần vỡ rồi/ Ta nhớ mình xa thương đứt ruột/ Gió làm nên tội buổi chia phôi*. Quách Tấn cho biết, thơ Hàn Mặc Tử bấy giờ chưa xuất bản, nhưng được nhiều người nhớ, nhiều người thuộc, đó là nhờ Chế Lan Viên. Từ hồi còn ngồi trên ghế trường Quy Nhơn, Chế Lan Viên đã chép thơ Hàn Mặc Tử đem vào trường phổ biến. Học sinh xúm nhau chép và học thuộc lòng. “Thơ Tử từ trường Quy Nhơn bay ra trường Khải Định, trường Đồng Khánh Huế. Lần lần thơ Tử lan rộng ra ngoài. Thanh danh Tử được truyền trong giới trí thức”⁽³⁾. Sau khi Hàn Mặc Tử mất trong cô độc vì bệnh nan y, chỉ hơn mười hôm sau, Chế Lan Viên đã viết bài *Những kỷ niệm về Hàn Mặc Tử*, khóc Tử thống thiết và tỏ rõ “chính kiến” đầy bản lĩnh của mình khi xưng tụng Tử là một thiên tài với tài thơ vượt thời gian: “Tử là một thiên tài. Tử mới chính thật là thiên tài trên cái nghèo kém của đất nước này”, “Tử không có tầm tiếng. Tử không được nâng chiều, nhưng đó chỉ là bây giờ mà thôi. Chứ mai sau, tôi xin hứa hẹn với các người rằng, những cái tầm thường mực thước kia sẽ biến tan đi, và còn lại của cái thời kỳ này, chút gì đáng kể đó là Hàn Mặc Tử”. Cho dầu còn có những ý kiến khác nhau về bài viết này, Quách Tấn đã bày tỏ sự tán đồng cao với Chế Lan Viên trong đánh giá về Hàn Mặc Tử: “Bài của Chế Lan Viên được chú ý nhiều là vì có nhiều ý kiến trái với phần đông các thi sĩ đương thời... Thật là táo bạo nhưng cũng thật là chân thành. Nếu lời nói ấy là của một kẻ tầm thường thì người ta sẽ cho là một lời đại ngôn, vô giá trị. Nhưng đây là lời một thiên tài đã có tác phẩm đảm bảo chắc chắn, lời một người chưa hề ca tụng ai. Do đó mà người ta bàn tán nhiều. Kẻ tán đồng, người phản đối. Lúc ấy tôi chưa quen thân cùng Chế Lan Viên, nhưng đọc văn tôi rất khoái ý, khoái không phải vì Tử được khen mà chính vì được nghe một lời nói khác thường”⁽⁴⁾.

Năm 1987, Chế Lan Viên lần giở thơ Hàn, tuyển chọn, viết lời giới thiệu để làm *Tuyển tập Hàn Mặc Tử*. Bài *Hàn Mặc Tử, anh là ai?* của Chế Lan Viên viết cho tuyển tập này là một bài viết công phu, tài hoa, đánh giá khá đầy đủ và đúng tầm về thơ Hàn Mặc Tử: “May thay Tử là một đỉnh cao, lóa chói trong văn học của thế kỷ, thậm chí qua các thế kỷ”. Chế Lan Viên đã nêu bật hành trình thơ Hàn Mặc Tử, từ một nhà thơ vốn làm thơ Đường luật, được cụ Phan Bội Châu ca ngợi và họa thơ cùng, Hàn Mặc Tử đã tiến đến thơ hiện đại như những nhà thơ hiện đại nhất châu Âu. Cho rằng, Hàn Mặc Tử trước sau vẫn là nhà thơ lãng mạn nhưng Chế Lan Viên đánh giá thơ Hàn Mặc Tử dùng nhiều yếu tố siêu thực và “chưa có ai dùng đậm đặc như anh”, “anh vẫn là của hiếm”. Đặc biệt, Chế Lan Viên nhấn mạnh cái siêu thực của Hàn Mặc Tử không đến từ lý thuyết sách vở mà từ chính trải nghiệm sống đầy đau thương của Hàn Mặc Tử: “Hơn nữa, thiên hạ hiện đại bằng óc, bằng lời còn

Hàn Mặc Tử thì bằng máu: *Ta nằm trong vũng trắng đêm ấy/ Sáng dậy diên cuồng mưa máu ra*, “siêu thực của anh không phải từ sách vở ra, từ châu Âu đến, mà từ thâm kịch của anh mà ra”. Qua cảm nghiệm sâu về chất thơ Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên đã thấy rõ một chân lý nghệ thuật: “Tân là mới. Nhưng sau tân, lại còn tân của tân nữa, đó là kỳ (lạ)”. Trong bài viết *Thơ Bích Khê*, Chế Lan Viên có một phát hiện sâu sắc, tinh nhạy: Bích Khê “làm thơ”, còn Hàn Mặc Tử “bị thơ làm”⁽⁵⁾. Chính Hàn Mặc Tử, qua lời tựa viết cho tập thơ *Đau thương* (Thơ diên) của mình đã bộc bạch: “Nàng (tức là *Nàng Thơ - chú thích của người viết*) đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú... Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi?”. Tức là thơ đã “ốp đồng” lên hồn Hàn Mặc Tử, cho ra loại thơ dị thường, khiến người đọc cộng cảm, “lên đồng” theo nhà thơ kỳ tài.

Từ khi Hàn Mặc Tử qua đời, phải chờ đến năm mươi năm sau (tức là năm 1990, dịp kỷ niệm 50 năm ngày mất Hàn Mặc Tử), “thiên tài trác tuyệt ấy mới được công nhận trong cả nước” (Nguyễn Viết Lãm). Nhưng ngay từ năm 1940, lúc Hàn Mặc Tử mới mất, Chế Lan Viên đã sớm “tiên tri” về sức sống “vượt thời gian” của thơ Hàn Mặc Tử. Chế Lan Viên đã giữ bền mối tri kỷ với Hàn Mặc Tử lúc Tử còn sống và cả sau khi Tử về cõi thiên thu. Một mối tri kỷ hiếm có của hai tài thơ vào loại hiếm của đất nước. Một mối tri kỷ “biệt nhãn liên tài” dành cho nhau của hai thiên tài có chung ý hướng đem đến cho thơ ca Việt Nam một dòng thơ mới mẻ, tân kỳ và hiện đại. Ở xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị có Nhà lưu niệm nhà thơ Chế Lan Viên. Nơi đây trưng bày khá nhiều hình ảnh, hiện vật, tác phẩm của Chế Lan Viên, thể hiện phong phú về cuộc đời và sự nghiệp Chế Lan Viên. Nhưng nơi đây cần bổ sung trưng bày sâu, có tính chuyên đề về “*Chế Lan Viên với Hàn Mặc Tử và Hàn Mặc Tử với Chế Lan Viên*” để làm rõ hơn về mối tri kỷ thơ đặc biệt của hai nhà thơ lớn này, nhất là khi cả hai đã về với nhau trong tỉnh Quảng Trị. Việc hiểu sâu về hai nhà thơ độc đáo này giúp bạn đọc có những cơn sáng khoái “toát mồ hôi” trí tuệ khi đọc thơ Chế Lan Viên và mê sảng “toát mồ hôi” thần trí khi đọc thơ Hàn Mặc Tử: *Thơ chưa ra khỏi bút/ Giọt mực đã rụng rồi... / Lòng tôi chưa kịp nói/ Giấy đã toát mồ hôi... (Mùa thương - Hàn Mặc Tử)*.

N.H

Chú thích:

- (1) Quách Tấn, *Bóng ngày qua*, NXB Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 5.
- (2) Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 221, 225.
- (3) Quách Tấn, sđd, tr. 134.
- (4) Quách Tấn, sđd, tr. 97-98.
- (5) *Chế Lan Viên tuyển tập (Văn xuôi nghệ thuật)*, NXB Văn học, Hà Nội, 2020, tr. 335.

Buôn xa

PHẠM ĐỨC LONG

Mấy cây xà gạc là đến văn minh
Bao nhiêu đời buồn không tới được
Con bò quen sống bãi rừng
Người quen hơi bến nước

Cái gùi suốt ngày trên vai
Mang cuộc đời qua hoang dã
Quả bầu tay cầm đã chai
Không ưng những gì xa lạ

Bước chân quen lối đường rừng
Tai quen nghe lời chim hót
Mắt quen thả giữa mông lung
Hồn quen nắng mưa lấm láp

Mấy cây xà gạc
Mà xa vời xa...

THỤC LINH

Lại biển... và đêm nữa...

Những chai đời rỗng không, biển ném ngược vào bờ
Người vẫn đi trong tâm tã sóng
Đêm ập về đánh sập ngáy thơ
Cát quân từng đôi, và tôi có bóng

Hai mươi năm, tôi sống bám ghe em
Vỏ hóa đá trên ván sàn rời rã
Trăng nạy tôi ra làm gì đêm nay?
Tuyệt vọng xô ào chất nhầy nhuyển thể

Sau mỗi sóng là một phiên bản biển
Sau mỗi tôi một nhợt nhạt quá nhiều
Em trí trá gợi hàng cây rì rào bóng mát
Trùng dương nào mắc lưới rã họng kêu

Em lấp tôi làm môi như bão
Rồi rút đi... những tháng ngày bùn nhão

Tôi nổ mắt ánh điện những thuyền câu
Biển tắt đêm, ngăn đá, những con tàu.

Đưa em hương lân tinh

Đưa em xuôi hai tay
Đưa em tóc dựng đứng
Chân, huyết sâu, đá cứng
Dung nham, tàn, dung nham

Đường dài hơn tầm mắt
Em dài hơn ký ức
Bụi mù nào cho tôi
Kỷ niệm nào miệng vực?

Lời nào dao nát mắt?
Tiếng nào qua vuốt mắt
Đưa em khuyu hai chân
Lưỡi run Ba La Mật

Môi em phồng hơi ngạt
Ngực em ghế điện êm
Những lông tơ thông lọng
Tôi tử tù từng đêm

Đưa em dài cơn điên
Cười gãy cành cúc trắng
Cười mười năm chết lặng
Tôi cười như cầu kinh

Đưa em đường lân tinh
Tôi cháy, thời gian cháy
Sáng lối em thanh bình.

T.L

Sông Ba mùa hò hẹn

TRẦN HÀ

Chết chiu từ ruột núi
Sông Ba trôi lạch nước cuối cùng
Đàn bò thủng thủng qua sông
Nhường nhau từng ngụm khát.

Cầu gỗ long đình tếch toác
Khoẻ bóng mình giữa cát bóng lòng sông.
Em về bên ấy lấy chồng
Khi vỏ dưa rám vàng, ruột dưa đỏ thắm.

Mùa này thơm bò một nắng
Rượu ghè đang lên men
Cây phơi lang mồi côi thấp lửa đèn
Trai gái nhớ mùa hò hẹn
Sông Ba ngày anh đến,
Lạch nước cuối cùng với tình yêu đang nhen.

Tháng Tư ơn mẹ

LÊ GIA HOÀI

Bông gạo cuối mùa đã rụng xuống tháng Tư
Tiền nàng xuân về bên kia bến cũ
Nơi cánh đào phai đã thối không còn nhớ
Hương sắc thuở kiêu sang

Chỉ còn lại đây một tháng Tư đa mang
Một tháng Tư dịu dàng, đắm sâu như lòng mẹ
Buổi đón tiếng khóc con chào đời khe khẽ
Trong vòng tay cha - thiếu tháng, thiếu ngày

Bao mùa lá đã rơi xuống lòng tay
Để tuổi con cứ đầy lên theo năm tháng
Con chẳng thể đếm hết
những truân chuyên đời mẹ trong dĩ vãng
Nên vẫn thấy mình chẳng lớn khôn hơn

Qua bao bến bờ con chỉ biết nhiều thêm
Dọc dài quê hương có vô vàn người như mẹ
Trải bao phong ba, một đời dâu bể
Vấn vện lòng, thương từng bước con đi

Tháng Tư hiền hòa, tháng Tư chẳng nói chi
Chỉ lòng con ước mình mãi như bông loa kèn trắng
Để thấu được tình yêu mẹ dành cho con sâu nặng
Hơn cả biển trời bao la!

Chiều lau trắng

LÊ TRỌNG NGHĨA

Giữa chiều lau trắng
bóng em mỏng như sương
còn nỗi buồn
dài như bãi vắng.

Em đi qua những khuya khoắt một mình
qua bến sông một mình
vớt một nhánh cây khăng khiu
của mùa đông sót lại.

Nhặt sợi tơ đỏ nơi cánh hoa
khâu lại đôi chỗ rạn bầu trời
nhưng không khâu kín được
nỗi hiu quạnh trong em.

Người đàn bà
lỡ chuyến đò ngang
ai gói giùm một cành hương
ướp vào chiếc váy em mặc
Chiều lau trắng
gió vẫn thơm làn da nâu
thương em áo vải không nhà

Người đàn bà
lỡ chuyến đò ngang
môi má phai theo thời gian
mất chờ ai phía sông rộng
ai về qua bến xưa
ôm dấu hương
niềm yêu trắng cũ
trôi theo con nước lặng.

L.T.N

Ngày con bằng tuổi má

VÕ THỊ MỸ HẠNH

Bài thơ đầu tiên con viết dành tặng má
Ngày chùng chình con cò trắng công mưa
Cống những buổi trưa trời chang chang nắng
Sông vắng mình cò. Gọi ai thưa?

Chuông phía cũ ngân ngày vọng lại
Con bình yên trong tiếng ạ ời
Cò nhỏ ơi sao mày chấp chới
Trắng một đời mà cay cực cả tương lai?

Bằng tuổi má ngày xưa tập bẻ con
Mà con vẫn chưa một lần làm mẹ
Lòng người đi trước làm sao cân mọi nhẽ
Đêm thở dài trộn lẫn tháng cùng năm.

Đôi gánh đời con nghiêng hoài một phía
Sửa bên này lạnh chóng chánh bên kia,
Má ơi má! May mà con có má
Nên cuộc đời bớt những chênh chao.

Đêm thanh vắng cùng má nghe tiếng dế
Chùng chiềng về đau buốt trái tim con.

Ký ức dã quỳ

NGÔ VĂN CƯ

Lặng lẽ vàng trong đôi núi
Mang mang một nét dã quỳ
Sương chùng thời gian ngưng đọng
Thần thờ những dấu chân đi.

Lặng lẽ vàng trong góc phố
Giữa màu xanh nhạt nhòa sương
Bước chân người xa bờ ngõ
Nao lòng một cánh hoa vương.

Lặng lẽ vàng trong nỗi nhớ
Lối xưa còn đó ai về
Tháng năm đổi hờn ký ức
Dã quỳ vẫn ngợp trời quê.

Những thanh âm cuộc sống

XUÂN TRƯỜNG

Biển vẫn dâng trào con sóng
Cá tôm ngụp lặn bao ngày
Góc ruộng trâu nằm quên ngủ
Ngẩng đầu nhìn cánh vạc bay

Mang những mùi hương chín mọng
Người đem trái phía sân nhà
Bé thả cánh diều no gió
Bay vào trời đất bao la

Lặng lẽ trăm ngàn con suối
Vặn mình đổ nước ra sông
Chỉ thấy mồ hôi của mẹ
Thâm rơi để lúa xanh đồng

Chắt lọc thanh âm cuộc sống
Viết nên đoản khúc mong chờ
Sống đẹp lòng người thanh thản
Cho đời sáng những hồn thơ.

Chiếc bóng

THU NGUYỆT

Chiều rơi chiếc bóng qua thềm
Thời gian lặng lẽ gợi thêm nỗi người
Bao năm gió bụi một thời
Ngoảnh nhìn chỉ thấy bóng đời chênh chao
Sân xưa cỏ mọc xanh rào
Dấu chân năm cũ rơi vào lãng quên
Bếp nghèo khói đã ngủ quên
Mẹ như chiếc bóng bên hiên đợi chiều
Một đời lặng lẽ thương yêu
Giờ theo ngọn gió hiu hiu cuối vườn
Con đi qua mấy đoạn trường
Giật mình tóc đã nhuộm sương tự hồi
Bóng mình đổ xuống đơn côi
Nghe như bóng mẹ lần hồi phía sau
Mai kia khép lại nhịp cầu
Bóng con xin đổ chung màu... bóng xưa.

Trong trái tim của người làng tôi

TRƯƠNG CÔNG TƯỜNG

Trong màu áo của người làng tôi
Có cái nắng miền Trung chan chất mặt người
Có tiếng nước sông đêm âm thầm khua mái dầm ngược bến
Có câu hát hò khoan trên bãi khuya

Sông chảy về đâu mà nước mắt xuôi dòng
Mồ hôi mặn nuôi lớn thân xương rồng
Đàn ông công nắng công mưa mà không công nổi mái nhà
trước mùa mưa bão
Đàn bà công cả cánh đồng dòng sông
mà không công nổi lòng mình khô ráo
Thương nhau núi lở
Thương nhau sông cạn
Thương nhau sen thắm dịu dàng

Trăng lên trên núi Chéo
Trăng về ngã ba sông
Trăng làm ngực em cong, má em hồng
Trăng kết đôi người làng nên duyên chồng vợ
Trăng lặn vào mắt mẹ hao khuyết bao mùa nhớ
Trăng phủ vai người một dải khăn tang

Trong tiếng nói của người làng tôi
Mát lành như gió rừng, ngọt trong như giếng cổ
Lặn vào mỗi sắc âm là đất trời nắng gió
Là nỗi đời riêng trong phận người chung

Trên gương mặt của người làng tôi
Là gương mặt của những người nằm xuống
Nước mắt, nụ cười, những vòng tay ấm
Khắc khổ, âu lo, lạc quan, yêu đời, hạnh phúc
Tỏa bóng quê hương trên mỗi dặm đường

Trong trái tim của người làng tôi
Dòng máu đỏ đập cùng nhịp tim đất nước.

Mỏng manh

Sương đã tan rồi
mây đã trắng
đò vừa rẽ đôi dòng nước rời đi

Ta vừa rời bến thuyền
chia giấc mơ của người xuôi biển
ai trở lại ngôi nhà xưa ngòi đò
bóng thời gian phủ kín mái đầu

Ai kết lại hoàng hôn
một chặng đường đã vừa đêm tối
ai nhóm lửa
thắp lên tim người đã nguội

Ai kể chuyện mặt trời
ai gánh biển lên non
nghĩa cả tình sâu mòn mỏi héo hon
trăm năm ngàn năm lòng chưa bao giờ hóa đá

Sương đã thấm vai rồi
trăng đã khuyết
mái dầm vừa khua nước rời đi.

T.C.T

Trung tuần tháng 4.2026, Liên hiệp các Hội VHNT thành phố Huế đăng cai tổ chức trại sáng tác chủ đề “Huế quyến rũ” dành cho các Hội VHNT vùng kinh đô Việt Nam. Có 30 thành viên của 6 Hội VHNT các tỉnh, thành: Hà Nội, Phú Thọ, Ninh Bình, Thanh Hóa, Huế và Gia Lai (Hội VHNT Gia Lai vừa được kết nạp vào tổ chức “Các Hội VHNT vùng kinh đô Việt Nam” trong dịp này). Đoàn của Hội VHNT Gia Lai cử hai nhà thơ Trần Quang Khanh và Đào An Duyên cùng nhạc sĩ Hoàng Thông tham dự trại.

Tạp chí Văn nghệ Gia Lai chọn đăng một số bài thơ của các tác giả sáng tác ở trại.

Ngược Phá Tam Giang

HỒ THẾ HÀ

Trót hẹn tôi ngược Tam Giang
tìm trong bóng nước đờ ngang chút buồn
tôi làm ngư phủ chiêu hồn
không buông cần trúc, không còn tỉnh say.

Ngõ là nước của trời mây
tôi vung ngọn sóng cho đầy mắt ai
ngõ là trường rộng, phá dài
tôi núp xa cách cho ai khỏi tìm.

Nào ngờ chỉ gặp lặng im
từ trong chồn chợn lim dim hiện về
có người hát khúc sông quê
gọi con thuyền với trăng về bến xưa.

Hóa là tôi bị bùa mê
tỉnh ra lạc giữa sáu bề không gian
động chèo khóa bóng trăng tan
cho tôi cùng với Tam Giang đờ buồn!

Tản mạn một chút với Huế

BÙI VIỆT MỸ

Mặt trời xanh như ngọc - đứng bóng phá Tam Giang
Màu đước sáng dưới làn mưa bay bay trong nắng
Những chùm rế thả buông tạo khoảng không gian
yên bằng đến lạ
Dù phía bên này - nơi cửa biển mở ùa ra.

Nước sông Hương lại dùng dằng không nỡ chia xa
Vẫn những mái chèo nhẹ nhàng đưa sắc tím
Âm thanh cũ vẳng đâu đây nghe quen, xa dần vào ngọt lịm
Sâu lắng, trầm tư nhịp nhịp sinh tiền.

Em nổi dài lời hát tự xa xưa, nay vẫn mới như nguyên
Dân nước có điều chi mà đau đau da diết thế?!
Có lẽ sự cần lao bản năng tạo khuôn dáng dịu dàng xứ Huế
Bóng kính đô lóng lánh hắt vàng nhắc nhớ điều chi?

Cảm ơn những người con đã dày công vun đắp lương tri
Để Huế được vẹn nguyên những đền đài văn hiến
Lối mòn vệt bản làng Kơ Tu in nếp gia phong người Việt
Hiện hữu sự trường tồn đạo nghĩa đời đời Huế đã hy sinh..

Chúng tôi hướng tâm từ hai đầu một dải đất hòa bình
Mang sắc đồng từ đất Tổ, màu men gốm Bát Tràng, vết chai sạm
đá xứ Ninh, Thanh và hương rượu Bàu Đá Gia Lai...
Muốn góp gom chút men tình nhuộm tím màu sắc tím
Để Huế - văn đàn của nhân gian mãi còn quyến rũ
Sẽ chẳng nơi nào yêu đắm thể Huế ơi.

B.V.M

Cây trong thành Đại Nội

BÌNH NGUYỄN TRANG

Một cái cây rồi một cái cây
Em cứ đếm dọc con đường nhỏ
Giữa tháng Tư gió về thổ lộ
Chuyện ngày xưa rồi chuyện ngày sau

Em tìm một mùa xuân dưới bóng nước chân cầu
Sông chảy xiết những đền đài đã mất
Những tình yêu đã chôn cùng thành quách
Những rêu phong phủ lấp mặt người

Em là khách lạ giữa Huế buồn vui
Khóc khoảng trời kinh đô đã xa hàng thế kỷ
Mộng thể nhân người ôm và khổ đau người hái
Trôi đi không còn rõ hình hài

Một cái cây cho đời sống hôm nay
Một cái cây cho người kể chuyện đêm khuya bởi bởi thế sự
Một cái cây xóa vào lịch sử
Nâng bước ai ngược gió tháng Tư về

Rồi mùa xuân cũng bỏ lại cơn mê
Sông lặng chảy giữa hai bờ quên nhớ
Rồi em đi mưa về dấu xóa
Cây rồi cây lã chã sớm mai buồn.

Đôi mắt Cơ Tu

ĐÀO AN DUYÊN

Mở ra buổi chiều
Có sợi khói thờ lên mái bếp
Cánh dơi vỗ nhẹ thình không
Bông hoa nở bên bờ vắng lặng
Tiếng chổi tre quét lá đốt mùa

Mở ra miền xưa
Em lò cò mảnh sành ném vòng tròn nụ cười răng sún
Quả chuyền bay lên câu hát đồng dao
Vớt mảnh trăng đêm
Lúng liếng hút ta vào vùng xoáy giếng khơi thăm thẳm

Mở một sớm ban mai ruộng đồng mùa gặt
Thảo thơm rơm rạ áo mẹ mận mồ hôi
Cha đánh trâu thập thững qua sông lở bồi một kiếp
Ngõ quê rộng một lối về

Mở một chân trời mờ côi
Có kẻ tha phương học bơi một đời đuối vào trong mắt
Đôi mắt Cơ Tu
Khẽ mở những chân trời chưa bao giờ xa gái
Ngày vừa buông đượm một mắt cười...

Khúc trăng bên Lăng Gia Long

TRẦN QUANG KHANH

Trăng buông mảnh sương mỏng
gió khua cội sứ khẽ khàng
đêm mộng寐
vỡ lòng thạch thất
khói và khói lá vào nhau.

Bốn mươi hai ngọn đồi nghiêm ngặt
núi Đại Thiên Thọ cúi đầu
hoàng bào vương bụi
nhật bình phủ sương.

Hãy ngồi xuống đây
như ngày xưa
cùng lênh đênh góc bể
như ngày xưa
mặt đấng nơi đầu lưởi
lưng tủa máu gai
rách toác chân trời.

Hậu còn nhớ không?
sau cuộc tàn khốc
sau bi phần tột cùng
ta bước ra
từ bể máu.

Hai mươi lăm năm
truy cùng
đuổi tận
trái tim dày vết xước
vì Hậu mà không thành đá cuội

Trầm gánh chín đời tiên chúa
dựng lại non sông
đất nước này
từng là của Trầm
muôn dân kia
từng là của Trầm..

Mà sao
đâu còn ong ong câu hỏi cũ
“ai rước voi...?”
tai còn nỉ non
tiếng khóc những oan hồn..

Bốn mươi hai ngọn đồi
ri ri
ri ri trong đêm..
Bệ hạ ơi,
đất nước còn đây
muôn dân còn đây
mà Người
cũng chỉ là mong manh làn khói
bay chưa tới Hoàng Thành

Bệ hạ ơi,
có những vết thương
không lành bằng ngai vàng
có những câu hỏi
không thể chôn theo lăng mộ
có những sai lầm
mắc kẹt giữa nhân gian.

Như chúng ta
nằm cách nhau một gang
đã ngàn trùng xa thẳm..

T.Q.K

Tấm bảng hiệu cũ

Truyện ngắn HƯƠNG VĂN

Quán tạp hóa của Lài nằm cạnh ngã tư. Hai tuyến đường cắt nhau đều được đổ bê tông và khá dài rộng. Từ quán rẽ phải sẽ gặp chùa Minh Phước, theo hướng trái hơn năm trăm mét thì tới xí nghiệp may. Mấy cái bảng chỉ dẫn to tướng dẫn đến chùa, xí nghiệp... cùng những ngôi nhà cao tầng quanh ngã tư khiến quán tạp hóa bé xíu của Lài bị lọt thỏm vào một góc khuất. Mấy anh tiếp thị khuyên Lài nên mở rộng mặt bằng, gắn cái bảng hiệu có kích thước lớn hơn, thêm cả thông tin địa chỉ, số điện thoại của chủ quán để khách tiện liên hệ mua bán. Xu thế bán hàng online, làm như vậy mới cạnh tranh được. Lài tìm cách lảng đi. Cầu kì mà làm gì, khách toàn quen cả. Người đi chùa hay làm công nhân... đều ghé vào quán mua trực tiếp. Lài không muốn đầu tư nhiều mà chỉ bán những món hàng thông dụng. Nhạng trầm, đèn nấn, bánh trái cho người đi chùa

được trưng bày trên cùng. Khăn mặt, kem đánh răng, giấy vệ sinh, xà phòng và những thứ lật vật khác thì đặt ở kệ dưới. Nếu cần số lượng lớn, Lài sẽ nhờ con gái đặt mua hàng trên thành phố.

Như mọi hôm, Lài vừa dọn mâm cơm ra thì vợ chồng con gái cũng về tới. Một ngày chỉ ăn chung hai bữa. Thức ăn không nhiều nhưng được nấu rất bài bản. Ngay cả thời điểm dọn cơm cũng đúng lúc. Lài chăm chú nhìn từng động thái của các con. Chúng đi làm về đã mệt mà ăn không đúng bữa hoặc không ngon miệng thì thương lắm. Đứa con gái cẩn trọng gấp miếng thịt kho tàu to nhất bỏ vào chén mẹ rồi mới gấp cho chồng, miếng nữa mới dành cho nó. Lài cảm động quá. Từ bé đến giờ nó là đứa chịu thiệt thòi nhưng rất hiểu chuyện. Ở một nơi không ai thân thích ruột rà,

chỉ có hai mẹ con nhưng Lài cũng rất vững tâm. Hồi còn làm công nhân, Lài được chính quyền cấp cho ba trăm mét đất. Khi đó, nơi đây toàn đá sỏi và cỏ dại, làm gì đông dân như bây giờ. Theo chính sách quy hoạch, đường sá mở thêm ra và đan nhau như bàn cờ, công ty xí nghiệp mọc lên, người ta kéo đến ở mỗi ngày một nhiều, giá đất cũng tăng vọt. Con gái tới tuổi lấy chồng, Lài cắt hẳn một nửa diện tích khu vườn và sang tên cho con bé. Nó đi làm dâu, Lài cũng có thứ để ăn nói với sui gia. Phía họ nhiều của ăn của để thì mình cũng được chút ít gọi là. Nó đáo để lắm. Thành chồng phải về ở rể mới chịu làm giấy kết hôn. Còn miếng đất ấy, hai vợ chồng cầm hết số vàng cưới đem bán, cộng cả tiền bạn bè đi mừng được hơn bốn trăm triệu, nó dúm vào tay Lài và bảo: “Giữ tiền của, đất đai phải sòng phẳng, rõ ràng, mẹ phải cầm lấy để sau này dưỡng già. Như thế chồng con mới dễ sống”. Lài miễn cưỡng nghe theo ý con và đem số tiền ấy đi gửi tiết kiệm. Lúc hai đứa làm nhà, Lài cũng góp vào đấy một ít. Một lần xây nhà một lần khó, thế là làm luôn. Minh cho con thì vẫn còn đó chứ mất đi đâu.

Ăn tối xong, hai đứa con thay nhau lau bàn, rửa bát đĩa rồi chào mẹ về nhà riêng nghỉ ngơi. Thấy chúng cứ tíu tít bên nhau như đôi chim sẻ, Lài mừng lắm, ước gì nhanh có cháu ngoại để được ẵm bồng.

Đêm dần trôi vào tĩnh mịch. Lài đã đi nằm nhưng không tài nào chợp mắt được. Cơ thể cứ như cỗ máy bị khô dầu

mỡ lâu ngày, da thịt lỏng lẻo, xương khớp rệu rã. Cả ngày bận bịu với hàng quán, tiền bạc, nội trợ, Lài bằng quên đi mọi cảm giác ấy. Cứ đến lúc lên giường là đau nhức khắp người. Những luồng suy nghĩ mông lung cũng ùa kéo đến. Người xưa nói có sai bao giờ. Trẻ làm nhiều, già mau bệnh. Thời còn ở quê, mới lên bảy tuổi Lài đã phải theo mẹ ra đồng cấy cỏ, cấy lúa. Lớn thêm một chút thì được cậu dạy cho cách trồng mía, trồng mì. Mười chín tuổi, Lài gửi con cho cậu mẹ lên đây làm công nhân gánh gạch. Việc làm mười tiếng trên hai bốn giờ mà có biết mệt là gì đâu. Đặt lưng xuống chiếu làm một giấc đã tới sáng, chỉ mong cuối tháng được nhận lương để về thăm con. Hai mươi lăm năm trôi qua trong chớp mắt, có lẽ trời thương kẻ mồ côi nên Lài làm gì được nấy, cũng chưa phải uống một viên thuốc cảm cúm nào. Bây giờ bốn mươi sáu tuổi, chưa thể gọi là già nhưng cũng không còn trẻ nữa. So với năm ngoại, Lài thấy sức mình xuống hẳn. Chân chậm lại, mắt mờ dần. Nhiều món hàng phải đeo kính mới đọc rõ hạn dùng. Ăn ít, ăn kiêng kiểu gì thì cũng tăng cân, cũng thừa mỡ máu, chân tay nhức mỏi và đặc biệt mắt ngủ liên miên.

Nửa chiếc giường không ai nằm trống huơ trống hoác. Lài thấy lạnh từ gót chân lên. Lỡ cất một tiếng rên cũng sợ con gái nghe thấy. Nó thính lắm. Thỉnh thoảng, nó vẫn qua nằm với mẹ chuyện trò thâu đêm, thấy mẹ ngủ im rồi mới rón rén rời đi. Nó làm thế vì muốn xoa dịu nỗi cô đơn trong lòng mẹ nhưng nó cũng không thể bỏ chồng ngủ một mình mãi. Con bé từng



Mỹ thuật: Nguyễn Văn Cường

vui vẻ vì những tưởng Lài đã tìm được người đàn ông tử tế như Dũng để lấp đầy khoảng trống vô hình đó. Nhưng cuộc sống mà, mọi điều bất thường đều có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Ngót nghét hơn hai năm rồi, Dũng vẫn biệt vô âm tín. Mỗi khi mẹ con ở cạnh nhau, con gái cố an ủi Lài, rằng thì chú ấy có nỗi khổ riêng chưa thể trở về được, rằng thì nó tin chú ấy là người tốt, rằng thì... Con nói thì nói thế thôi, nó cũng từng trách bản thân là người gián tiếp gây tổn thương cho mẹ mình rồi mà. Hai năm xa nhau, không một cuộc gọi, không một lời thăm hỏi, Lài biết tin vào điều gì ở anh được nữa. Số điện thoại của Dũng vẫn còn lưu trong máy nhưng chẳng mấy khi Lài nghĩ tới. Sự im lặng có thể khiến mình đau khổ, hoài nghi nhưng đó cũng chính là cách duy nhất để mọi thứ chìm dần vào quên lãng.

Tiếng chuông chùa từng hồi ngân vang giữa không gian. Gần sáng rồi ư? Lài đếm theo từng nhịp chuông đờ chầm chầm, đều đều. Một... mười lăm... năm mươi... Trần trọc mãi bây giờ mới tìm được giây phút thanh tịnh. Thay vì thức dậy tụng kinh, ngồi thiền, Lài sẽ nằm thêm một chút, buông lỏng người cho dễ chịu. Trước kia Lài cũng hay đem thực phẩm chay và gia vị vào chùa cho các Phật tử làm bếp và cũng có ý định ăn chay niệm Phật, mong sao mẹ con được sống khỏe mạnh, ấm no. Thấy Lài từ xa, thầy trụ trì đã chấp tay lễ nghi và chào hỏi. "Mô Phật! Buổi sáng nay thầy gặp con như thấy ánh bình minh rạng rỡ!". Lài cũng

chấp tay "Mô Phật! Con cảm ơn thầy!" để đáp lễ. Nhưng dần dà, Lài thấy ngại. Một vài Phật tử bắt đầu tranh thủ đem hàng hóa vào chùa để kiếm lời. Họ cãi nhau suốt, cãi khi đứng ở góc chùa, cãi lúc trên đường đi lễ về. Toàn những chuyện hơn thua, ganh ghét lẫn nhau. Lài ngán ngẩm và lui dần. Mình không có duyên được làm Phật tử đúng nghĩa thì tu tại tâm cho lành. Vào ngày cuối năm, mẹ con Lài mặc áo dài lịch lãm đến chùa cầu an và biếu sư thầy ít tiền công đức. Ai gieo duyên tốt ắt gặp vận may, thầy bảo cần giúp đỡ gì thì cứ báo thầy biết. Từ ngày gặp phải chuyện thị phi với Dũng, Lài chẳng muốn nhận lại bất cứ một thứ gì từ thầy cả. Nếu thường xuyên tới lui thế nào cũng có kẻ gièm pha, tránh sao khỏi tai tiếng. Vì thế, trừ những lời động viên của sư trụ trì, thứ khiến Lài thấy hữu dụng hơn cả từ ngôi chùa rộng lớn ấy chính là những hồi chuông ngân dài.

Một trăm... Một trăm lẻ một... Một trăm lẻ tám... Từng nhịp chuông chậm dần, chậm dần như dẫn Lài bước vào nơi thiền định rất đỗi an yên, không một chút muộn phiền, toan tính. Nằm thư giãn đến khi nào đài phát thanh bắt đầu phát và tiếng xe cộ xuống chợ chờ rau lấy cá, Lài sẽ trở dậy.

Dọn hàng ra cả buổi mà chưa thấy ai tới mua, Lài tranh thủ quét nhà, lau chùi đồ đạc và gom mấy thứ linh tinh định đem bán nhôm nhựa. Cái xe đạp từ thời làm công nhân dựng ngoài kho bụi phủ đầy, bộ lốp xẹp lép và nứt toác. Mấy cái chậu nhôm đúc dày cộm nhưng đã xỉn màu. Cả cái khung võng

bằng sắt sấp gãy. Bán chúng đi thì cũng thấy tiếc vì dầu gì cũng là những vật dụng gắn bó với mình từ thời khó khổ nhưng để trong kho thì bán quá. Thôi thì bán quách đi cho rộng nhà.

Lau lau quét quét một hồi lâu, Lài mới thấy vị khách đầu tiên đến mua hàng.

- Em lấy cho chị một lốc giấy và năm bánh xà phòng nghe!

Giọng Bắc pha Nam ngọt như mía lúi của bà chủ nhà trọ gần xí nghiệp may khiến Lài không thể chậm trễ. Với bà này, Lài đâu thể nhìn thẳng vào mặt. Hai hàng lông mày cong rậm và đôi môi xăm hình trái tim đỏ chót trông không thật chút nào. Đạo hai chị em kết thân đi lễ chùa, bà ta cứ chê Lài không biết cách ăn mặc. Đàn bà không tô son điểm phấn thì ai thèm ngó tới. Từ ngày Lài yêu Dũng, bà ta lại chê bai không tiếc lời. Quen gì cái thằng trên răng dưới dép, đến thuê trọ mà chẳng có đồng xu trong ví. Kỹ với chẳng sự, nghèo kiệt xác. Nhưng để gì bà ta bớt cho anh một xu nào. Lài trộm nghĩ, những kẻ sống chuộng hình thức, thị của khinh người chẳng biết khi nào thật, khi nào giả. Hôm nay cũng vậy, quay qua quán lại cũng là cái quán. Chị là chị thương em nên mới tới mua đồ đấy. Xây nhà cho con thì thật to mà hàng quán sập xệ quá, gỡ quách cái bảng cũ rách kia đi. Khiếp!

Tiếng "Khiếp!" kéo dài ra cùng những bước đi ngúng nguẩy của bà ta khiến Lài bật cười, cái cười không tròn khuôn miệng. Đang ế ẩm mà gặp người mở hàng chanh chua kiểu này có chết không. Bà ta chẳng chịu nhìn vào trong nhà để biết Lài sống sạch

hay bẩn, đủ hay thiếu mà cứ nhằm vào cái bảng hiệu để nhiech nhéo là thế nào. Đâu phải cái gì cũ kỹ cũng mất hết giá trị.

Lài nhớ rất rõ ngày mới quen Dũng. Nhờ cái bảng hiệu ấy mà hai người gắn bó suốt một thời gian dài. Năm ấy, Dũng cùng một số công nhân ngành điện đến thuê trọ tại nhà nghỉ Sao Mai. Việc chính của họ là trồng trụ điện và lắp ráp đèn cao áp cho công trình điện đường ở địa phương. Một hôm, bão to gió lớn lắm. Cả dãy nhà bị chập điện, trời nhập nhòa tối sáng, những miếng tôn che tạm cũng bay ngổn ngang xuống trước sân, mặt đường. Mưa vừa ngớt, hơn chục người đàn ông, cả già lẫn trẻ vác thang đi từng nhà sửa điện. Xong việc, Dũng quay lại quán của Lài mua một bao thuốc lá và nán lại giúp hai mẹ con che lại mái hiên. Mấy hôm sau, anh lại chở tới tấm bảng hiệu có cái tên rất gọn: "Quán cô Lài". Đứa con gái hào hứng lắm. Nó loằng quằng đi mua bát phở bò nóng hồi bồi dưỡng cho anh. Hai chú cháu từng quen biết vì Dũng là đồng hương của bạn nó thời đại học. Hồi đó, nó cũng theo bạn về quê anh một vài lần rồi. Mẹ không biết đấy! Tính chú tội sao mà tội. Điều hành cả mấy chục người trong công trình nhưng ai nói gì sau lưng chú đều bỏ ngoài tai. Miếng ăn, ly rượu cũng từ tốn không kém. Ai có việc gì cần là tới giúp ngay... Mẹ yên tâm, chú ly dị vợ rồi. Gia cảnh đã khổ mà chú cứ nay đây mai đó, gặp phải người quen ăn sung mặc sướng nên thật khó giữ.

Chưa bao giờ Lài nghĩ nhiều và khó

xử như thế. Con bé lạ thật. Cha ruột không chịu nhìn mặt mà người đứng lại cứ sáp vào. Mấy lần dẫn con về quê thăm cậu mợ, Lài nhìn thấy người cũ chớ vợ đi ngang mặt mà đau thấu ngực. Mợ bảo, nó còn thương mày lắm nhưng không thoát được gánh nặng gia đình. Đàng nào thì cha con cũng phải biết mặt nhau. Một tiếng của mợ trọng hơn ngàn vàng, Lài rậm rập dẫn con ra vườn. Vừa thấy người đàn ông lạ mặt xìa tay ra định ôm lấy, con bé giương to mắt và chạy thật nhanh về phía mẹ. Ông là ai. Ông là kẻ xấu muốn bắt cóc con à mẹ. Người ta là kẻ xấu hay tại Lài chỉ là “đứa không cha không mẹ”, “cái thứ chưa kịp nút mắt đã vội ăn cơm trước keng, cưới hỏi về để mặt cả họ sao”. Hấn hấn tâm bỏ mặc Lài đang bụng mang dạ chứa mà đi lấy vợ khác. Lài sống chết ra sao hấn có hỏi thăm một câu hay mua cho con Lài cái tã, lon sữa bao giờ. Con bé đâu thể dễ dàng chấp nhận sự thật phũ phàng ấy. Gần đây, người cũ nghe tin con sắp cưới cũng liều giấu nhem năm chỉ vàng đem tặng. Nhận quà trong ngày trọng đại chắc con sẽ rộng lòng mà tha thứ cho cha. Con bé biết chuyện như nghe phải tiếng sấm rền. Hấn chưa kịp bước chân vào nhà, nó đã nhảy xổ ra như đuổi tà ma. Cút, ông cút khỏi nhà tôi. Đồ vô duyên.

Bàn việc lấy chồng, con gái bảo chỉ có chú Dũng đứng ra làm chủ hôn mới xứng. Hai chú cháu hợp tính nhau nên Lài càng thương quý anh hơn. Đàng ông xa nhà thường giản đơn tới mức tuỉnh toàng. Anh chẳng có gì ngoài chiếc balo chứa mấy bộ quần áo đã bạc màu, cái ví da cũ sờn đụng giấy

tờ cùng mấy đồng bạc lẻ. Lài cố công chăm chút từng li từng tí, từ cái áo đến đôi giày đều láng bóng. Dũng chuyển công tác đi nơi khác vẫn mặn mòi với mẹ con Lài. Một tháng vài ba lần được ở cạnh nhau, bữa cơm đoàn tụ tuy đạm bạc mà thật ấm cúng.

Nhưng Lài đã làm gì sai? Lí do gì mà Dũng không trở lại?

Tiếng chuông chùa thông thả buông từng nhịp gọi chiều. Những thanh âm chậm chậm, đều đều như báo hiệu cho hoàng hôn buông xuống. Qua giờ tăng ca, công nhân trong xí nghiệp cùng ủa ra một lúc. Vài người có ghé lại quán mua mấy thứ lặt vặt rồi cũng vội vã chào ra về. Chuông ngừng đổ, ngoài đường và cả trong nhà đều nhập nhoạng tối. Lài như rơi vào khoảng không mênh mông. Hàng hóa đã cất hết vào trong nhưng vẫn chưa muốn tắm rửa, ăn uống gì. Hôm nay cuối tuần, con gái bảo mẹ đừng chờ cơm vì vợ chồng nó bận tiếp khách. Có việc gì để làm trong lúc này cũng phần nào xua tan nỗi cô quạnh. Hàng xóm thì nhà ai nấy ở. Lài bật hết các bóng điện lên, đi ra lại đi vào, mắt cứ ngó lơ ra đường. Giá như có Dũng lúc này, hai người sẽ rủ nhau đi bộ một lát, hoặc chị sẽ ngồi nhổ tóc bạc cho anh và chờ các con về cùng ăn cơm... Những thứ gọi là hạnh phúc đối với Lài sao cứ ngắn ngủi hoặc xa xôi quá.

Chờ đến nửa đêm mới thấy cánh cổng xích mở, Lài tỉnh người hẳn. Chắc hẳn là các con đã về. Chưa kịp ngồi dậy ngay ngắn đã nghe con gái cất tiếng gọi:

- Mẹ chưa ngủ ư?

Một bàn tay mềm mại khẽ chạm vào vai Lài như đánh thức bao điều. Hai mẹ con bắt đầu thủ thủ. Lài muốn các con đi kiểm tra sức khỏe xem sao, nếu trực trực gì thì phải chữa trị thật sớm. Có chồng là phải có con, giờ mẹ còn sức chăm cháu thì lo mà đẻ đi. Phía sui gia họ cũng sốt sắng không kém rồi. Tiếng thở của con phả vào lưng Lài âm ỉ. Chuyện của mẹ phải đầu vào đấy thì con mới nghĩ đến việc sinh nở. Tụi con vừa đi gặp chú Dũng về. Chú vẫn khỏe nhưng gầy và đen hơn trước. Vừa nghe tới đó, tim Lài đã muốn bật tung ra ngoài. Chẳng lẽ vốn vĩa hỏi con anh đang ở đâu, vì sao... Lài cố giữ bình tĩnh. Gặp để mà làm gì, tình nghĩa còn đâu mà gặp cho phiền phức. Con bảo với mẹ rồi. Chú ấy là người tốt nhưng có nỗi khổ riêng. Năm đó người em ruột chơi bởi gì không rõ nhưng vỡ nợ, mẹ chú cũng bị vạ lây. Bà đổ bệnh và nằm liệt giường. Một thân một mình chú phải nai lưng ra làm trả nợ nần và thuốc thang cho bà. Chú không liên lạc với mẹ, thậm chí nhiều lần có đi ngang qua đây nhưng không tiện ghé thăm vì chỉ mong mẹ tìm được một ai đó vững vàng hơn, sớm hôm đỡ đần cho mẹ con mình. Chú không muốn mẹ phải lo nghĩ nhiều về gia đình chú. Bây giờ, nếu mẹ còn thương...

Tuổi này rồi mà Lài còn ầm ức và khóc được ư. Nước mắt cứ ứa ra từng dòng và chảy đầy trên má. Tại sao Dũng không thể chia sẻ với mình những chuyện từng xảy ra với anh. Lài

khác gì cánh đồng gặp nắng hạn dài ngày mong mỗi đợt chờ mà chẳng thấy hạt mưa nào. Cái đèn pin anh dùng khi cùng đội thợ đi chữa điện chập, cái bảng hiệu treo trên quán cũ kỹ đến bay hết màu mực mà Lài có vút đi đâu được. Biết bao nhiêu đàn ông tìm cách tiếp cận và xin số điện thoại mà Lài không thể tiếp được nửa câu. Hai năm biết bao biến cố, có thật là Dũng không yêu ai khác. Làm sao để biết đích xác anh còn thương mình.

B...o...o...ng...! B...o...o...ng...!
B...o...o...ng...! Từng hồi chuông ngân vang như vọng vào tâm thức của những người đang háo hức đón chờ ngày mới. Lài dụi mắt và ngắm con thật lâu. Khuôn mặt thanh thoát của nó tỏa ra một thứ ánh sáng diệu kỳ. Vì mình mà con gái phải khổ sở, liệu chồng nó có thấu hiểu và cảm thông. Cậu mợ ở quê già yếu từng ngày. Công ơn của họ như trời biển, bản thân Lài đã làm tròn đạo nghĩa chưa. Trách giận một người vì chữ hiếu mà đành phải gác lại hạnh phúc riêng tư, Lài thấy mình sai quá.

Đếm từng nhịp chuông đều đều, Lài chợt nhớ đến những lời giảng của sư trụ trì. "Con với Dũng gặp nhau là duyên, yêu nhau nên thành nợ. Nếu đã hết duyên, dẫu con có đi tìm nơi chân trời góc bể vẫn không bao giờ gặp lại Dũng. Nhưng nếu duyên vẫn còn, ta cứ ở tại đây và người sẽ đến!".

H.V

Bão tan

Truyện ngắn PHẠM HỮU HOÀNG

1.

Gần đây, mỗi sáng thức dậy, Huyền thấy trong đầu nặng như đá. Căn phòng ngủ trở nên ngột ngạt. Ngoài kia, tiếng xe cộ, tiếng còi inh ỏi, tiếng người đi làm trò chuyện vọng vào như khuấy tung sự yên tĩnh mong manh. Mỗi âm thanh chạm vào tai làm anh thêm bực bội. Có cái gì đó cựa quậy trong lồng ngực. Đôi lúc, nó dồn lên cổ họng, nghẹn lại. Cảm giác ấy đeo bám Huyền suốt thời gian qua, kể từ khi công ty địa ốc nơi anh làm việc tuyên bố phá sản. Một người từng bận rộn với dự án, hợp đồng, giờ trở thành kẻ thất nghiệp, ngày ngày quanh quẩn đến ngán ngẩm trong căn nhà thuê chật hẹp. Không ít lần, Huyền nằm thừ trên sofa, đếm đi đếm lại từng vết nứt trên trần nhà, mở tivi hờ hững xem rồi ngán ngẩm tắt, nghe tiếng đồng hồ treo tường tích tắc đơn điệu, mở hộp thư email trong điện thoại tìm vô vọng một thông báo mời làm việc trong hàng chục hồ sơ anh gửi tìm chỗ

làm... Tìm được việc mới đúng chuyên môn lúc này quá khó. Huyền hiểu điều đó. Nhưng sự hiểu biết ấy chỉ khiến anh nhận ra rõ hơn sự bất lực của chính mình.

Điều làm Huyền buồn nhất lúc này là Thảo Nhi, vợ anh. Ngày trước, cô tin anh, yêu anh. Họ quen nhau từ giảng đường đại học, cùng đi qua những năm tháng lập nghiệp gian khổ, rồi nắm tay bước vào lối đường. Một cuộc hôn nhân ấm áp, hạnh phúc đong đầy. Nhưng từ khi anh không còn việc làm, gánh nặng mưu sinh dồn hết lên vai cô. Lương kế toán siêu thị điện máy không đủ gồng gánh tiền thuê nhà, điện nước, chợ búa, rồi học phí cho bé Khang, thằng con mới năm tuổi. Thảo Nhi bắt đầu thay đổi. Những câu nói nhẹ nhàng thưa dần. Căn nhà nhỏ vắng tiếng cười. Thay vào đó là những lời ca cẩm, than vãn, ánh mắt buồn bã mệt mỏi. Huyền chọn im lặng. Anh hiểu áp lực mà vợ đang mang, chỉ nuốt

tiếng thở dài vào trong, để nó mắc lại đầu đó nơi lồng ngực.

Giữa những ngày tháng nặng nề đó, Huyền bắt đầu lo lắng vì sự đổi thay khác thường ở Thảo Nhi. Cô ăn diện hơn trước, quần áo chần chu, gương mặt được trang điểm kỹ khi đi làm. Buổi chiều, cô dẫn về muộn, có hôm gần khuya, người nồng mùi rượu. Huyền nhẹ giọng hỏi: “Gần đây sao em thay đổi nhiều quá vậy? Anh... không còn nhận ra em nữa”. Thảo Nhi gắt gỏng: “Thì sao? Tôi phải ra ngoài vất vả nuôi cả cái gia đình này. Giờ về nhà còn bị anh tra hỏi à?”. Huyền đặng họng. Một nỗi ảm ức dâng lên, căng tức trong ngực. Rồi mọi thứ vỡ ra khi anh nhận được tấm ảnh do người bạn thân gửi đến. Thảo Nhi ngồi trong một nhà hàng sang trọng, đối diện là một người đàn ông. Trên bàn, những món ăn đắt tiền và một chai vang đã bật nắp. Kèm theo là dòng tin nhắn ngắn ngủi: “Tao tình cờ gặp. Vợ mày với gã kia thân mật lắm, không thể bình thường được”. Huyền nhìn chằm chằm vào bức ảnh. Ánh mắt Thảo Nhi trong đó rạn vỡ, một kiểu rạn vỡ đã rất lâu rồi anh không còn thấy dành cho mình. Chỉ cần liếc qua, anh nhận ra ngay người đàn ông ấy. Một gương mặt quen thuộc khiến da đầu anh tê rần. Như có ai đó cầm dao cứa thẳng vào tim. Một nhát ngắn, sâu, buốt đến tê người. Phải rất lâu sau, Huyền mới thở được. Cơ giận bốc lên. Anh nghiêng rặng, bật ra thành tiếng: “Hóa ra là vậy...”.

Gần tám giờ tối, Thảo Nhi về tới nhà. Vừa bước qua ngạch cửa, cô khựng lại. Trong phòng khách, dưới

ánh điện trắng nhợt nhạt, Huyền ngồi trên sô pha, gương mặt lạnh tanh. Chai rượu trước mặt đã vơi đi một nửa. Đôi mắt anh đỏ ngầu. Thảo Nhi hoảng hốt, bước lại gần, giọng mềm xuống: “Anh có chuyện gì không vui sao?”. Cô đưa tay định cầm lấy chai rượu thì Huyền giật lại, cười nhạt: “Cô còn quan tâm tới tôi à?”. “Anh nói gì vậy? Anh là chồng em, không quan tâm anh thì quan tâm ai?”. Huyền nhìn thẳng vào mắt vợ: “Chiều nay tan làm, cô đi đâu?”. Thảo Nhi bối rối: “Em... em tặng ca...”. Đôi mắt Huyền tối sầm. Anh bật điện thoại, đưa thẳng tấm ảnh ra trước mặt cô: “Đây là tặng ca hả?”. Thảo Nhi sững người. Bàn tay vô thức đưa lên che miệng, thói quen mỗi khi cô rơi vào thế bí. “Không... không phải như anh nghĩ... chỉ là...”. Đầu óc cô rối tung. Nước mắt trào ra, lăn dài trên gò má nhợt nhạt. Cô biết mình đã sai, dù giữa cô và người kia chưa vượt quá giới hạn, nhưng không còn lời nào đủ sức giải thích. Cô lắp bắp: “Em... em...”. Huyền giận dữ quay lưng bước vào phòng ngủ. Hai bàn tay siết chặt đến tê dại. Anh không còn muốn nghe thêm điều gì nữa. Cánh cửa đóng sầm lại. Một tiếng động khô khốc, như chấm dứt tất cả. Ở góc phòng, bé Khang đứng từ lúc nào. Đôi mắt trẻ thơ hoe đỏ, lặng lẽ nhìn ba mẹ...

2.

Hôm sau, Huyền nhét vội ít bộ quần áo vào ba lô, bỏ vài vật dụng cá nhân vào túi xách. Khi anh ra phòng khách, Thảo Nhi và bé Khang đã ngồi trên sô pha từ lúc nào. Gương mặt Thảo Nhi lộ vẻ mệt mỏi, mắt thâm quầng. Khi

Huyền xuất hiện, cô đứng bật lên rồi lại ngồi xuống, né tránh cái nhìn của anh. Huyền cúi xuống ôm đứa con trai, nhỏ nhẹ: “Con ở nhà ngoan nhé!”. Bé Khang níu chặt cổ áo anh, giọng trẻ thơ hồn dỗi: “Ba đi đâu?”. Huyền nghèn nghèn: “Ba đi làm ăn xa, ít hôm sẽ về”. Bé Khang nắm ống quần anh níu kéo: “Con không cho ba đi đâu! Ở nhà với con nghen!”. Sống mũi Huyền cay cay. Anh thoáng mềm lòng, muốn ngồi thụp xuống, ôm con thật chặt, nói rằng ba không đi đâu cả. Nhưng lòng tự ái và cơn tức giận dồn nén trở dậy, anh đứng thẳng lên, quay mặt đi, sợ chỉ cần nhìn thêm một giây nữa, mình sẽ không đủ can đảm rời khỏi căn nhà này. Anh cần phải đi, cần phải cách xa một thời gian để bình tĩnh trở lại, trước khi có thể đưa ra quyết định cuối cùng.

Huyền tìm đến căn hộ của người bạn thân sống độc thân ở khu chung cư thuộc phường bên cạnh nương nhờ trong những ngày chông chênh nhất đời mình. Những ngày tiếp theo trôi qua như một khoảng lặng ngắt. Người bạn đi làm suốt ngày, căn hộ im ắng đến nặng nề. Một mình, Huyền mang chiếc ghế xếp ra ban công, ngồi thừ hàng giờ, mắt dõi theo những áng mây trắng bàng bạc trôi lững lờ nơi chân trời xa. Những gì đã xảy ra trong căn nhà nhỏ, nơi từng là tổ ấm, cứ âm thầm quay đi quay lại trong đầu anh, như một thước phim cũ sờn, tua mãi không chịu dừng. Mỗi góc tường, mỗi đồ vật, mỗi lời nói hôm ấy đều trở thành mảnh vỡ cửa vào tâm trí, khiến anh không sao thoát ra được.

Huyền cố nghĩ đến một cách giải quyết ổn thỏa, mong tháo gỡ mở hẳn

động để làm lại từ đầu. Nhưng có những ràng buộc không dễ gì cắt đứt. Nhất là bé Khang, đứa con anh yêu thương hơn chính bản thân mình. Nó có tội tình gì đâu. Tương lai của nó sẽ ra sao khi mái ấm gia đình tan vỡ? Càng nghĩ, đầu óc anh càng rối bời, mọi thứ trước mắt trở nên mịt mờ.

Lập đông, bầu trời xám xịt. Mưa dầm ngày này qua ngày khác, lòng Huyền thêm nặng nề. Lướt điện thoại cho quên thời gian, những bản tin thời tiết liên tiếp hiện lên trước mắt anh. Dự báo một cơn bão lớn đang hình thành ngoài khơi, hướng thẳng vào thành phố anh đang sống. Ban đầu, Huyền chỉ liếc qua, thờ ơ như đã quen với những cảnh báo lặp đi lặp lại mỗi mùa mưa. Nhưng rồi những cụm từ “bão mạnh”, “gió giật cấp cao”, “nguy cơ ngập sâu trên diện rộng” xuất hiện dày đặc. Đường đi của bão mỗi lúc một áp sát. Những vòng tròn đỏ trên bản đồ đang lặng lẽ tiến vào bờ. Ngoài đường, không khí chông bão bắt đầu khẩn trương. Người ta chặt tỉa những tàng cây ven đường, buộc chằng cửa sổ, chất bao cát lên mái nhà. Các lực lượng chức năng triển khai phương án cứu hộ, loa phường khàn giọng nhắc đi nhắc lại những khuyến cáo quen thuộc. Thành phố chưa chìm trong bão, nhưng đã thấp thoáng nỗi bất an.

Huyền thấy lòng mình cồn cào. Trong đầu anh bắt chợt hiện lên căn nhà thuê cũ kỹ với mái tôn mỏng manh, chỉ cần một cơn gió mạnh cũng đủ làm rung lên bản bật. Dáng Thảo Nhi lặng lẽ ôm con vào lòng mỗi khi trời trở gió. Một ý nghĩ bật lên, rõ ràng và gấp gáp: “Về đi. Nổ máy, chạy một quãng ngắn



là tới. Đẩy cửa bước vào, mọi thứ vẫn còn ở đó". Nhưng rồi Huyền lại ngồi xuống. Anh không thể quay về dễ dàng như thế. Có một thứ gì đó cứ níu anh lại, dai dẳng và không cưỡng nổi. Nỗi lo dâng lên, anh cố tình đê xuống. Huyền thở dài. Mắt dán vào màn hình điện thoại, nhưng không còn chú ý tới những dòng cảnh báo bão. Những cơn chữ nhật nhòa trôi qua như những tin tức vật vãnh đời thường. Huyền tắt điện thoại, kéo chăn trùm kín đầu, như thể chỉ cần không nhìn thấy, mọi thứ ngoài kia sẽ tự yên ổn.

3.

Một vật va đập mạnh vào vách tường khiến căn phòng rung lên. Huyền giật mình tỉnh giấc. Anh choàng dậy, tim đập thình thịch. Đã quá nửa đêm. Ngoài kia, gió gào thét dữ dội. Từng cơn gió vỗ mạnh vào mặt tường. Cửa sổ ban công bằng nhôm oằn mình như sắp vỡ tung. Những giọt mưa nặng trĩu quất xuống mái nhà liên hồi. Điện cúp. Bóng tối đặc quánh. Một vệt chớp xé toạc bầu trời soi rõ những mảng tường lạnh lẽo, ẩm ướt. Đồ đạc nghiêng ngả, lảo đảo. Người bạn đi trực chống bão ở cơ quan. Huyền ở nhà một mình. Qua khe hở bức tường, anh nhìn ra bên ngoài. Không gian xám đục vang vọng những âm thanh cuồng nộ. Gió rít từng hồi ghê rợn. Tiếng cây cối gãy đổ rảng rác. Mái tôn bị bút phẳng, va đập vào nhau loảng xoảng rồi bay sập xuống mặt đất. Những tấm biển quảng cáo đổ xuống mặt đường, phát ra tiếng rầm choang chói tai.

Thành phố chìm trong một cơn hỗn loạn mù mịt. Ranh giới giữa mặt đất và

bầu trời dường như đã bị xóa nhòa. Từng trận gió hung hãn, điên cuồng từ biển lao vào đất liền như một cơn quái thú đang nổi cơn thịnh nộ, muốn cuốn phăng đi tất cả những gì cản trở nó...

Lòng Huyền hoảng loạn. Không phải vì đông tố lồng lộn bên ngoài. Giờ đây, tâm trí anh hướng về căn nhà nhỏ nơi Thảo Nhi và bé Khang đang ở. Làm sao căn nhà tạm bợ ấy có thể chống chọi được sự tàn phá khủng khiếp của cuồng phong? Ý nghĩ đó khiến ngực anh thắt lại. Trong bóng tối, nhịp tim anh đập gấp gáp. Huyền vội lấy điện thoại tìm số Thảo Nhi bấm gọi. Chuông đổ trong vô vọng. Huyền gọi lại. Rồi lần nữa. Chỉ có tiếng tút dài, lạnh lùng. Anh cắn chặt môi. Lần đầu tiên, Huyền hiểu, những mâu thuẫn, tự ái từng khiến anh quay lưng bỏ đi bỗng trở nên nhỏ bé, vô nghĩa. Một nỗi lo sợ trào lên, khiến hai bàn tay anh run bắn, ngực đau đớn như bị ai bóp chặt. Huyền càng tự trách mình vì thái độ cố chấp, lạnh lùng, đã bỏ mặc vợ con, không che chở bảo vệ lúc cần anh nhất. Nếu vợ con có mệnh hệ gì, anh không bao giờ tha thứ cho tội lỗi của mình. Câu nói của bé Khang hôm ấy vọng lại trong đầu Huyền nghe rõ mồn một: "Con không cho ba đi đâu! Ở nhà với con nghen!". Sống mũi Huyền cay xè. Giọt nước mắt ứa ra. Trong Huyền, có cái gì đó đang sụp xuống. Mọi kiêu hãnh. Mọi lớp vỏ cứng cáp anh khoác lên bấy lâu bị xé toạc. Lúc này, Huyền nhận ra: có những lúc, quay về không phải là yếu đuối, mà là cơ hội duy nhất còn kịp. Và điều đáng sợ nhất với anh là có thể vĩnh viễn không còn nơi để quay về.

4.

Gần sáng, bão tan. Phố phường tiêu điều đến lạnh người, như vừa bị cơn thịnh nộ của thiên nhiên cào xé thô bạo để lại một mớ hỗn độn. Những cây cổ thụ bật gốc, đổ rạp xuống lòng đường. Nhiều ngôi nhà tốc mái, tôn cong queo, gạch ngói vỡ vụn rải rác khắp nơi. Dọc các trục lộ, trụ điện ngã nghiêng, dây cáp đứt lìa, buông thõng sát mặt đường. Mưa vẫn rỉ rả, dai dẳng như chưa chịu buông tha sau một đêm kinh hoàng.

Huyền dắt xe máy ra đường. Lòng nóng như lửa đốt. Trong đầu anh lúc này chỉ còn một ý nghĩ duy nhất: về nhà trọ, càng nhanh càng tốt. Hình ảnh Thảo Nhi và bé Khang xoáy sâu vào tâm trí anh. Cầu trời cho hai mẹ con được bình an. Mưa tạt vào mặt lạnh buốt. Đường trơn trượt. Bất chấp nguy hiểm, Huyền đạp mạnh chân ga. Chiếc xe lạng lách qua những vũng nước đọng, né những chướng ngại vật trên đường. Thỉnh thoảng, vài chiếc xe cứu hộ lướt qua, ánh đèn xanh đỏ nhấp nháy chói mắt trong màn mưa mờ mịt. Trong ánh sáng nhợt nhạt buổi sớm, hai bên đường lố nhố người dân dọn dẹp hậu quả sau bão. Đầu đó vang lên tiếng khóc nức nghẹn... Cảnh tượng ấy khiến lòng Huyền càng thắt lại. Cổ họng anh khô rát. Bàn tay nắm chặt tay lái đến tê dại.

Trời sáng dần. Con đường quen thuộc hiện ra rõ hơn, nhưng trong lòng Huyền, cơn bão vẫn chưa tan. Nó cuộn lên từng đợt, thúc anh lao nhanh hơn nữa, như thể chỉ cần chậm lại một nhịp thôi, anh sẽ đánh mất điều quý giá nhất đời mình. Con hẻm nhỏ quen

thuộc hiện ra. Huyền dừng xe đầu hẻm. Căn nhà trọ nằm đó. Anh gấp gáp bước lại gần. Cảnh tượng trước mắt khiến đầu óc anh tê dại. Mái nhà đổ sụp, những tấm tôn bị gió xé toạc, đê lên nền xi măng bong tróc. Cây xà gỗ gãy chẵn ngang trước cửa. Huyền khó nhọc trèo qua đống gạch đá, gỗ vụn ngổn ngang, bước vào và đứng lệt thõm ở phần nền bằng phẳng còn sót lại. Trước mắt anh, giường, tủ, bàn ghế, nôi niêu xoong chảo... vỡ vụn; nước mưa đọng thành những vũng đen sì. Trong khoảnh khắc ấy, Huyền bỗng thấy mình nhỏ bé và bất lực. Mọi đúng sai, tự trọng hay cố chấp đều tan biến. Chỉ còn một nỗi cầu mong câm lặng dâng lên nghẹn ngào trong lồng ngực: "Xin đừng để con phải nhìn thấy điều tồi tệ nhất...".

Anh gọi khẽ. Rồi gọi to hơn. Không tiếng trả lời. Huyền lật tung từng góc ngách, quan sát từng khe hở trong đống hoang tàn. Thời gian trôi chậm chạp, nặng nề, khi chắc chắn Thảo Nhi và con không bị kẹt dưới đống đổ nát, anh mới bớt lo phần nào.

Huyền cúi xuống nhặt chiếc xe cứu hỏa, món đồ chơi yêu thích của bé Khang. Chiếc xe móp méo, bánh rơi mất gần hết. Vật nhỏ bé ấy khiến lòng anh nhói lên. Anh từng hứa sẽ mua cho con một chiếc mới, nhưng lời hứa ấy đã bị bỏ quên giữa những bộn bề mưu sinh. Trong góc phòng, nơi từng là chỗ ngủ của hai vợ chồng, chiếc tủ quần áo bẹp dúm, quần áo rơi vãi khắp nền. Chiếc áo dài Thảo Nhi mặc trong lễ cưới mắc lại trên một thanh gỗ gãy, nhàu nát, rách bươm, lấm lem bùn đất. Ký ức về những ngày tháng êm ấm bất

chợt tràn về. Mắt Huyền đỏ hoe. Đúng lúc anh còn loay hoay, không biết phải đi đâu tìm vợ con, chị chủ nhà quần áo lấm láp, tất tả chạy tới: “Chú Huyền! Chú tìm mẹ con cô ấy phải không? May quá, chiều hôm qua, trước khi bão vào, đội cứu hộ đã kịp đưa hai mẹ con sang trú tạm ở Nhà Văn hóa phường. Chỗ đó cao ráo, kiên cố. Tội vừa từ đó về”.

Một giọt nước ấm lăn qua khóe mắt, hòa vào giọt mưa còn đọng trên gương mặt Huyền. Không rõ đó là nước mưa hay nước mắt. Chỉ biết rằng, trong khoảnh khắc ấy, điều quan trọng nhất của đời anh vẫn còn nguyên vẹn. Anh ngậm ngùi nhìn căn nhà trọ chỉ còn lại những vật quen thuộc bị vùi lấp: chiếc xe cứu hỏa hư hỏng, chiếc áo dài cưới tả tơi, và những mảnh đời cũ nằm im lặng giữa tàn tích sau bão, như một lời nhắc nhở muện màng.

Mưa đã ngừng tự lúc nào. Bầu trời trong dần, ánh nắng yếu ớt len qua những tầng mây xám. Cảnh vật sáng lên. Trong khoảnh khắc ấy, Huyền chợt thấy lòng mình dịu lại, như vừa bước qua một lần ranh mong manh giữa mất và còn.

Huyền gặp Thảo Nhi và con trong gian phòng rộng ở Nhà Văn hóa phường, nơi trở thành nơi tạm trú cho những gia đình chưa kịp trở về sau bão. Người ra vào tấp nập, ồn ào. Thảo Nhi ngồi dựa lưng vào tường. Nhìn thấy Huyền, cô sững sờ, như không tin người đứng trước mặt mình là thật. Cô trông tiều tụy, bơ phờ, quầng mắt sẫm lại, mí sưng đỏ. Bé Khang đang ngủ thiếp trên chiếu. Huyền và Thảo Nhi ra ngồi trên chiếc ghế đá ngoài sân.

Im lặng. Tim cả hai đập dồn dập trong khoảng lặng ngắn ngủi ấy. Một lúc lâu sau, Thảo Nhi thở dài: “Em nghĩ anh sẽ không về nữa”. Không phải lời trách, chỉ là một sự thật đã được giữ kín quá lâu.

Rồi cô nói tiếp về những tháng ngày bế tắc trước bão: khó khăn chồng chất, cuộc sống nặng nề; về sự yếu đuối, lạc lối như một phản xạ khi quanh quẩn quá lâu trong ngõ cụt. Nhưng trong đêm bão, cô đã giạt mình hoảng sợ. Giữa những âm thanh gào thét cuồng nộ, cô sợ hãi, run rẩy, yếu ớt, không biết phải bám víu vào đâu. Cô liền nghĩ ngay tới Huyền, bóng dáng vững chãi của anh hiện lên ấm áp trong căn nhà nhỏ. Giây phút này, cô mới hiểu Huyền quan trọng với mẹ con cô đến dường nào. “Giờ anh ở đâu? Có biết tình cảnh tội nghiệp của mẹ con em lúc này không? Lẽ nào em mất anh mãi mãi? Và nếu điều đó xảy ra, phần đời còn lại của em sẽ là một khoảng trống không gì bù đắp nổi...” Giọng Thảo Nhi hạ thấp, trầm buồn: “Em đã tự dừng lại”, cô nói khẽ. “Người quan trọng nhất với em vẫn là anh... Cho em xin lỗi, vì đã từng làm tổn thương anh”.

Huyền nhìn Thảo Nhi. Ánh mắt cô trầm lặng, u hoài. Anh chợt hiểu, có những thứ tưởng như đã mất, thực ra chỉ đang chờ được gọi đúng tên. Hai người không chạm vào nhau. Không có lời hứa nào được đưa ra. Chỉ có sự cảm thông thầm lặng. Con đường phía trước còn lắm gian truân, không dễ dàng, không chắc chắn. Nhưng lần này, Huyền biết, mình sẽ không bước đi một mình nữa.

P.H.H

NHÀ VĂN NGUYỄN THỊ THANH THÚY

Đi qua hiện thực để viết...

Nhà văn Nguyễn Thị Thanh Thúy (sinh năm 1985, hiện sống và làm việc tại Pleiku, Gia Lai) đến với văn chương khá muộn, từ độ chín của trải nghiệm và ý thức nghề nghiệp.

Tốt nghiệp cử nhân Văn học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM và lấy văn bằng 2 Đại học An ninh Nhân dân, từng có nhiều năm làm báo rồi chuyển sang công tác trong lực lượng Công an. Trang viết của chị thể hiện sự chắc tay, nghiêm cẩn với chữ nghĩa, khả năng quan sát sắc sảo cùng sự trải nghiệm đời sống dày dặn. Những lần thay đổi nghề nghiệp đã giúp các trang văn của chị ngồn ngộn sức sống, giàu tính phản biện nhưng vẫn giữ được giọng điệu trầm tĩnh, nhân hậu.

Thanh Thúy định hình hướng đi cho sáng tác của mình là khắc họa hình ảnh người chiến sĩ Công an trong đời sống thường nhật và trong những chiến công thầm lặng đồng thời khám phá vẻ đẹp văn hóa, phong tục và chiều sâu tâm hồn con người Tây Nguyên cũng như những vùng miền chị đã đi qua. Liên tiếp những năm gần đây, tác phẩm của chị được ghi nhận với nhiều giải thưởng. Đặc biệt, năm 2025 chị ghi dấu với tập truyện ngắn *Sao cát xanh* (Giải C - Giải thưởng Văn học nghệ thuật năm 2025 của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam) và tiểu thuyết *Khó khăn đi* (Giải C cuộc thi viết về đề tài "Vi an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống" do Bộ Công an và Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức).

Văn xuôi của Nguyễn Thị Thanh Thúy vừa mang hơi thở thời sự, vừa gợi mở những suy tư nhân văn sâu lắng về con người trong xã hội đương đại.

Tạp chí Văn nghệ Gia Lai trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc truyện ngắn *Thành thang M'Đrăk* của nhà văn.



Nhà văn Nguyễn Thị Thanh Thúy

VĂN PHI (chọn và giới thiệu)

Thênh thang M'Đrăk

Truyện ngắn NGUYỄN THANH THÚY

Y Pher lấy vợ.

Cái tin đó theo gió bay khắp buôn Hoang, buôn Tai, theo tiếng lục lạc bò tràn khắp miền cao nguyên M'Đrăk. Buổi chiều, khi từng đàn bò khô khát lũ lượt kéo về dãy hồ nước nằm giữa thảo nguyên bao la, đám người du mục túm tụm xì xầm bàn tán chuyện Y Pher, gã thanh niên chăn bò đẹp trai, lực lưỡng nhất thảo nguyên này lấy vợ. Từng đàn bò lấn nhau đổ xuống thung lũng, ổ ạt. Cả vùng đồng cỏ phủ kín sắc bò vàng. Từ trên triển đồi, H'Ril chống gậy lùa bò đứng đó. Gió thổi tung mái tóc cháy khô, khảm khét mùi nắng, mùi bò. Lũ bò háu nước vẫn lúi lúi tràn ngang qua, quệt vào cả người H'Ril, nhập vào thắm sóng vàng đang dập dềnh tràn lên phía trước.

Sóng cũng cuộn lên trong lòng H'Ril.

Thế là Y Pher sẽ lấy vợ. Nhưng người đó chẳng phải H'Ril.

Mùa mưa trên thảo nguyên chưa bao giờ kéo dài đến thế. Mặt trời chẳng lộ dạng, suốt cả tháng trời. Nắng ngấm nhiên trở thành một thứ hình hài xa xỉ.

Sau những ngày sấm sập, mưa lại nhơn nhơ, lê thê, dai dẳng. Những dãy đồi trọc lờ mờ, nặng trĩu trong màn nước. Mưa mù mịt giăng kín các đồng cỏ. Đám bò ướt sũng lặng lẽ di chuyển từ những lưng đồi xuống thung lũng từ sáng sớm, rồi lại lặc lè từ thung lũng lên các sườn đồi, bia rừng, tràn về các buôn để tránh mưa lúc tối trời. Thời gian treo thật chậm giữa không gian chỉ rất một màu xám trắng. Lũ bò, và cả đám người chậm chạp băng qua mùa mưa ủ dột.

Mặc kệ đất trời ẩm ương, Y Pher và H'Ril vẫn lùa bò vào thảo nguyên. Những bãi thả gần, dấu chân bò dẫm nhoe nhoét đầy mặt đất. Cỏ lưa thưa vừa nứt ngọn sau mưa đã cụt lùn, bè bết giữa bùn nước lẩn phân bò. Cả hai

đưa đàn bò vào những bãi thả xa hơn, nơi dấu chân bò chọc chi chít những vết hằn trên đất mới. Cỏ non xanh rợp trải ra giữa bao la đất trời. Mùa mưa ghé ngang qua M'Đrăk đã lột phẳng lớp thảm cỏ cháy xám, xơ xác của mùa khô đàng đẵng, phủ lên đó một màu xanh ngon mắt. Ở đó, đàn bò gần hai trăm con của Y Pher và hơn một trăm con của H'Ril sẽ nhập làm một, lững thững đội mưa đi qua những triền cỏ xanh rào rào.

Trừ những buổi chiều mưa lớn phải lùa bò ra khỏi thảo nguyên tìm chỗ trú, những ngày khác, đám người chăn bò đều tập trung nhau lại dưới tán rừng keo khuất gió, hạ trại nghỉ ngơi. Gần chục con người quây quần, giúp nhau dựng lán, chia sẻ thức ăn. Một nửa trong số này không phải là người của thảo nguyên. Dặm đường mưu sinh đã đưa họ từ khắp các nơi kéo về M'Đrăk. Họ trở thành đội quân chăn bò thuê lang bạt, một phần quan trọng làm nên sự sống động trên đồng cỏ bát ngát này. Chỉ đôi ba người ít ỏi trong số đó là chủ thực sự của đàn bò. Mùa nắng, đám người chăn bò đốt những đồng lửa lớn, cùng nhau ăn uống, nói chuyện đến khuya. Mùa mưa, dựng lán xong, người nào người nấy rúc vào lều tránh nước. Mặc cho gần ngàn con bò đứng nằm la liệt, đen trĩu, lấm lũi trong màn mưa xiêu vẹo. Giống bò vàng trên cao nguyên M'Đrăk, sinh ra đã mang trong mình dòng máu lang bạt và thể trạng dẻo dai, thích nghi tuyệt đối với khí hậu khắc nghiệt xứ này. Nơi mà ngoài bò và cò, không có bất cứ một quần thể sinh vật nào sinh sôi mãnh liệt, sung mãn đến thế.

Y Pher dựng lán luôn cho cả H'Ril. Bao giờ cũng vậy. Những ngày mưa lớn, không kịp làm lán riêng, Y Pher dựng một cái lán lớn rồi ngăn đôi bằng tấm bạt mỏng, phập phồng gió thổi. Y Pher nằm một bên, vừa đặt mình đã ngáy. H'Ril nằm bên kia, khi nào cũng trần trở, phập phồng theo tiếng bạt lay. H'Ril đã cùng Y Pher bắt đầu cuộc sống lang bạt trên thảo nguyên này từ khi cả hai tròn mười tuổi. Số phận hai người quá giống nhau. Đôi lúc H'Ril nghĩ, Y Pher có lẽ là phiên bản nam hoàn hảo của chính bản thân mình. Cũng nước da đen như cột nhà, đôi mắt rừng rực sáng và mái tóc cháy vàng khét nắng. Cả tình yêu với đàn bò, với những tháng ngày lang thang trên đồng cỏ, giữa nắng gió vùng thảo nguyên mênh mông. Y Pher không có mẹ. H'Ril chẳng có cha. Người ta bảo cha H'Ril, một gã chăn bò thiện nghệ, kẻ đã dẫn đôi chân trần đi qua hết thủy vùng cao nguyên bao la này, vào một buổi sáng gió lộng đã rời bỏ đàn bò, dẫn mẹ Y Pher bỏ đi biệt xứ. Y Pher không tin có thứ tình yêu nào lớn hơn cả tình yêu một gã đàn ông dành cho đàn bò và kiếp sống lang thang, mê mải. Gió tự do, bò tự do, và con người cũng tự do tuyệt đối. H'Ril cũng không tin, nguyên cớ gì một người đàn bà có thể dễ dàng rũ bỏ cuộc sống này, mảnh đất này, để lại những người đàn ông của mình, dứt khoát rời đi. Vậy mà rõ ràng họ đã biến mất, cùng lúc. Tựạ hồ như chưa từng tồn tại, chưa từng vương bận, chưa từng đau nỗi đau của những người bị bỏ lại.

H'Ril không nói được. Người ta kể, ngày cha rời đi, mẹ đã mang theo H'Ril

gieo mình xuống dòng Ea Krăng. Người buôn Hoang vớt được cả hai giữa dòng nước cuộn cuộn. Nhưng kể từ đó thì H'Ril không nói nữa. Người già trong buôn chụm đầu thăm thĩ, có lẽ, thần suối đã đổi lấy giọng nói của đứa con gái kia, để trả hồn người sống trở lại lên bờ. Không nói được, nhưng H'Ril nghe được. Tất thấy những âm thanh trên đồng cỏ trở nên sống động hơn, nhiều màu sắc hơn, chảy về phía cô như nước suối. H'Ril ùa vào thảo nguyên khi ngực còn chưa nhú, Y Pher cũng chỉ mới cao chạm u con bò đực to nhất đàn. Cuộc mưu sinh của những đứa trẻ lớn lên trên thảo nguyên tự nhiên như đồng cỏ đại trải bao mùa sinh diệt. Y Pher nhận chăn đàn bò hai chục con. H'Ril cũng thế. Đàn bò cùng một chủ, quen hơi chẳng tách được nhau. Nhưng Y Pher thì tránh H'Ril. Như thể chính cô mới là người phải chịu trách nhiệm cho sự biến mất của người lớn năm nào. Bao lần bò sụp hố, bị bẫy, bò lạc đàn, bao lần chủ bò quở trách, trừ công, đôi mắt Y Pher vẫn lặng câm như bầu trời những ngày không có nắng. Phía sau hàng mi dày, đen trũi như màn mưa đan chéo trước khoảng trời xám ngắt, H'Ril chưa bao giờ thấy mình hiện hữu trong đó. Bầu trời kia dấu bao lần khép mở, nhưng luôn đóng kín với H'Ril. Hết mùa mưa, qua mùa khô, Y Pher vẫn tránh H'Ril, như người buôn Hoang tránh đi qua buôn Cùi. Buôn Cùi nằm ở bãi đất gần suối, cuối buôn Hoang. Ở đó có hơn hai chục nóc nhà. H'Ril vẫn gọi đó là buôn của những con người bị ruồng bỏ. Nhưng dấu bị cả thảo nguyên này ghẻ lạnh, người buôn Cùi ít ra vẫn còn có nhau. Còn H'Ril, đôi lúc

cô không biết mình có thật đang tồn tại. H'Ril thấy mình như một ngọn cỏ, cô đơn, câm lặng, đôi khi vô hình. Vô hình với mẹ sau ngày cha đi mất. Và vô hình ngay ở đây, trên thảo nguyên này, với cả Y Pher.

Cho đến ngày đông ấy thì H'Ril biết, rõ ràng, mình hiện hữu. Một ngày trời căm căm rét. Hoàng hôn nuốt chửng chiều trong khoảng không đồ ối. H'Ril cũng suýt bị buổi chiều ấy nuốt chửng, lần đầu tiên trong đời. Gã chăn bò tóc bạc đổ ập vào người cô không một dấu hiệu nào báo trước, không một ai bên cạnh, ngoài lũ bò. Cả tảng thịt người đè nghiêng, vùi sâu H'Ril xuống dưới đám cỏ. Cơ thể cô bị trói chặt vào đất. H'Ril không thở được, cũng không vùng vẫy được. H'Ril hoảng loạn giữa những ngấu nghiêng điên dại, kinh hãi dưới hai bàn tay vô vậ, cào xé. Cô ngửi thấy mùi máu trên môi, mẩn mẩn, tanh nồng. Cô thấy bầu trời trên cao đồ lộng, thấy những lá cỏ bị cào xới, văng lên tung tóe. Cô nghe thấy tiếng từng sỏi vãi trên người bị xé rách, giạt tung ra. Mùi của cỏ hăng hắc, mùi của hơi rượu phả vào mặt H'Ril khê khảm, chua lè. H'Ril đã nghĩ mình sẽ chết, hôm nay, ngay giữa đồng cỏ này. Cho đến khi tảng thịt ấy bị hất văng qua một bên. Y Pher đứng đó, lưng lửng dưới chiều, ngay trước mặt H'Ril, trên tay lăm lăm con dao lưỡi dài, sáng quắc. Lão tóc bạc hăm hè chồm dậy bị Y Pher bổ đến đâm phập một nhát. Nhát dao chỉ cách chân lão già vài ngọn cỏ nát. Miếng vải quần bị lưỡi dao chôn chặt dưới đất khiến lão già vừa loạng choạng đứng lên lại đổ sập thêm lần nữa. Mắt Y Pher có lửa. Lửa rực hơn cả màu chiều. Lửa

thieu nốt những ham muốn tàn cuộc của lão chăn bò nghiện rượu. Y Pher ném cho lão bình rượu trước khi lão khật khưỡng lê người xuống thung lũng, khuất giữa đàn bò. H'Ril co ro khóc. Y Pher cầm lặng, ngồi gom góp những vụn vặt, tả tơi còn lại, đắp lại lên người H'Ril. Buổi chiều ấy, lần đầu tiên trong đời, H'Ril đã nhìn thấy nắng. Những tia nắng ấm áp đầu tiên lóe lên từ sâu trong đáy trời thăm thẳm, xám ngắt. Nắng hừng lên phía sau hai hàng mi dài, vàng như mắt bò cái.

H'Ril không nói được, Y Pher hi hụi đánh tơi những sợi tre, trang trí thành những sợi tua rua nửa trắng, nửa đỏ treo nơi đầu gậy. Bất cứ nơi đâu giữa đàn bò, chỉ cần nhìn thấy chòm tua rua, Y Pher sẽ biết H'Ril ở đó. Những sợi tua rua xinh đến nỗi, H'Ril không nỡ dùng gậy để quật đàn bò. Buổi tối, Y Pher treo một chiếc lục lạc bò ngay bên trong lán của H'Ril, phòng khi biển cố, H'Ril sẽ biết cách gọi Y Pher dậy từ cách đó không xa. H'Ril cười nhiều hơn từ đó. H'Ril thấy bóng mình ngày càng rõ, soi trong đáy trời thăm thẳm, sau hàng mi dày.

Càng về sáng, mưa nặng hạt hơn. Gió quật rào rào trên tán keo lai, gió lật tung từng chồi bạt. Đám người chăn bò vật lộn cả đêm để giữ lán. Bảnh sáng, gió không khoan nhượng nữa, thẳng thừng xé toạc những tấm bạt quây. Tán rừng keo bị gió bẻ gãy, ngổn ngang đổ ngã. Đám người hối hả thu dọn đồ đạc, nhanh nhẹn lùa bò rời thảo nguyên. Bão rồi. Y Pher nhìn H'Ril. Di chuyển cùng đàn bò lúc này

quả là một trở ngại lớn. Tiếng Y Pher hét méo đi trong tiếng gió: Mày về trước nhé H'Ril, lo cho người già nhé, nhanh lên. H'Ril trùm áo mưa lên mình, rào rào băng người chạy. Đôi chân trần dẫm lịch bạch trên đồng cỏ trũng nước. H'Ril biết Y Pher sẽ biết cách đưa đàn bò ra khỏi thảo nguyên nhanh nhất, đến các làng dọc ngoài thảo nguyên kia tránh bão. Tâm trí cô lúc này đã bay ra khỏi thảo nguyên, vượt qua hàng dãy đồi úp trọc lưa thưa cỏ, hướng về phía ngọn Cư Prao, nơi dòng Ea Krăng đổ xuống, lặng lẽ chảy qua hết buôn Hoang, buôn Tai. Nhà H'Ril và Y Pher ở đó.

Ngôi nhà của cha con Y Pher nằm gần gốc cây sao cát lớn. Cây sao còn nhiều tuổi hơn người già nhất buôn Hoang. Trong nhà tối om, nước mưa tạt qua hàng vách cửa bên hông, ướn cả vào trong. H'Ril đi hạ từng tấm vách. Khi bếp lửa được khơi to hơn, bóng ông Y Wut hiện ra, một nửa người trên chiếc chiếu cũ mòn, nửa còn lại vắt trên sàn nhà, tiếng ngáy to át cả tiếng mưa. Mùi rượu chua nồng vẫn còn đằm đặc trong căn bếp. Có lẽ, ông lại say. H'Ril thở dài. Căn nhà vắng mùi đàn bà gần chục năm, tất cả những tuềnh toàng, tạm bợ phơi ra dưới ánh lửa. Có lẽ, Y Pher cũng đã sống những tháng ngày như thế, đã có lúc thấy vô hình trong chính căn nhà này, giống như H'Ril. H'Ril lục được một cái nổi sứt cả hai quai, vét ít gạo còn lại trong bếp, cô vò gạo với nước mưa. Đợi cho mùi cơm sôi nồng nã thổi khắp xung quanh, H'Ril vùi cái nổi sứt vào đồng than đỏ hồng, bắt thêm ấm nước nóng rồi mới trùm áo mưa lao về nhà.

Mẹ đón H'Ril bằng gương mặt bình thản, như thể cô chưa bao giờ vắng nhà lâu đến thế. Mặc cho đất trời ngoài kia vẫn đang tầm tã, mẹ lẳng lặng quay vào nhà, ơ hồ ngồi xuống, vai tựa vào cột nhà, thỉnh thoảng đẩy thêm củi vào ngọn lửa chực tàn. Nếu không có cử động đó, H'Ril nghĩ, mẹ không khác gì một pho tượng gỗ ngoài rừng ma. Lửa hắt lên một nửa gương mặt mẹ, phập phù lên đó một thứ ánh sáng nửa trắng toát, nửa đỏ vàng, ủ dột, lay lắt đến buồn tẻ. Mẹ H'Ril đã từng đẹp, nét đẹp phẳng phất u buồn. Người ta bảo, mẹ là cô gái ủ rượu ngon nhất buôn Hoang, thứ rượu lên men bằng vỏ cây đem về từ tận đỉnh Cư Prao. Chỉ cần nghe mùi thơm, đàn ông buôn Hoang

đã ứa nước miếng. Nhưng mẹ, và cả rượu, không giữ được chân cha. Vì sao? H'Ril không biết. Có lẽ mẹ cũng không biết. Thế nên mẹ mới để nửa cuộc đời còn lại của mình chơi vơi đến thế. Như thể mẹ và cả H'Ril đã chết hẳn dưới dòng Ea Krăng năm đó. Mẹ lẳng câm, như cột gỗ giữa nhà. H'Ril cũng quen với ngôi nhà chẳng mấy khi có tiếng nói. Thứ lẳng câm như mối một âm thầm gặm nhấm, đục rỗng H'Ril từ bên trong. Lớn hơn chút, H'Ril lại thấy mẹ như thể cây hoa mọc giữa lưng chừng vực thẳm, không vươn nổi về phía mặt trời, nhưng cũng không thể rơi hẳn xuống đáy vực mà chết. Thế nên mẹ cứ ơ hồ sống. Như đơn giản không chết được thì sống, thế thôi.



Minh họa: Lê Duy Khanh

Một đêm, mẹ lôi mớ ghè rượu bụi phủ từ góc nhà ra uống, tận lực. Mẹ say. Khuya, mẹ vùi đầu vào mớ tóc của H'Ril, hít ngửi mùi khét lẹt tỏa ra từ mớ tóc xác xơ như rễ tre bật gốc. Đó là mùi của cỏ, mùi của đàn bò. H'Ril à. Mùi của thảo nguyên. Thứ mùi quen thuộc thỉnh thoảng người đó mang về từ những miền phiêu bạt, chưa bao giờ kịp làm đủ ấm căn nhà này.

H'Ril à! Ta đã làm một cuộc giành giật với thảo nguyên kia, trong suốt cuộc đời mình. Nhưng những người đàn ông ở buôn Hoang này, họ thuộc về bình nguyên bao la.

H'Ril à, bên ngoài thảo nguyên kia có gì? Có phải mày cũng đang làm một cuộc tranh giành như thế. Nhưng H'Ril à, thằng Y Pher, nó cũng thuộc về đồng cỏ. Đàn ông trong thảo nguyên này, họ chẳng thuộc về chúng ta...

Đó là lần cuối cùng H'Ril thấy mẹ nói nhiều đến thế.

Y Pher to cao như một con bò đực tốt giống. Ai cũng bảo thế. H'Ril đã nhìn thấy Y Pher từ một thằng con trai đen nhằng, trở mã thành gã trai cổ cộ, vòm ngực rộng và bờ môi dày mê muội. Có lẽ, Y Pher cũng ngạc nhiên như thế khi chứng kiến những thay đổi sau quãng dậy thì rực rỡ của H'Ril. Có lẽ, ở H'Ril cũng toát ra cái mùi ấy, mùi của một con bò cái giống, mắt vàng, vú đẹp. H'Ril đã nghĩ như thế. Cho đến một ngày, cái ngày H'Ril đã gom đủ rạ rục, lột trần truồng bản thân mình, lăn qua phía bên kia tấm bạt. Nhưng khác với cô, Y Pher sau phút ngỡ ngàng đã cuộn cô lại, giữa lớp chăn bông dày, lăn trở về chỗ cũ. H'Ril à, tao là Chim Mta, mày là nàng H'Bia Plêô, anh em

thì không được như thế. Câu trả lời của Y Pher trở thành vết thương của mũi cung nhọn, đâm vào tim cô, nhức nhối suốt nhiều mùa khô, kéo dài qua nhiều mùa mưa, âm ỉ.

Đất trời vẫn đang tầm tã. Ngoài kia, Y Pher và đàn bò đang chạy bão. H'Ril nóng lòng muốn trở lại đồng cỏ. Đàn bò không thể thiếu cô, Y Pher càng không được phép vắng cô. H'Ril dịch người vào gần bếp lửa. Cả người nhức buốt. Cô nhớ mùi tóc khét nắng của Y Pher. Hơi nóng từ bếp lửa bập bùng phả vào người H'Ril, mơ màng trên bầu ngực căng tràn, nóng hổi.

Người đàn bà xuất hiện trên thảo nguyên sau đợt bão. Khuôn mặt thiên sứ và đôi vai gầy nhô lên dưới làn áo mỏng. Y Pher bảo người buôn Tai vớt được cô trên sông, ngay trong đêm bão. Có lẽ cô đã trôi về từ đâu đó trên lòng hồ la Chía, trên một thân gỗ lớn. Người đàn bà không nhớ mình là ai, không nhớ tên, cũng không nhớ nơi mình từng ở. Đám người du mục đoán, có lẽ cô là một cán bộ của thủy điện la Chía, một kỹ sư, hoặc ít ra là một khách du lịch kém may mắn, gặp nạn phía thượng nguồn. Y Pher cùng đám người đã mang theo người đàn bà suốt nhiều ngày trên thảo nguyên, lang thang qua nhiều nơi, tìm cách hỏi tin về tung tích người đàn bà trôi lạc.

Mưa tan. Nắng rải vàng trên núi đồi M'Đrăk.

H'Ril quay lại thảo nguyên, người đàn bà đã ở đó, cùng với Y Pher, dưới bầu trời lộng gió. Người đàn bà không thuộc về nơi này. H'Ril tin thế. Nhưng

những buổi chiều rắng đỏ góc trời, người đàn bà ngẩn ngơ ngồi ngắm hoàng hôn, bên cạnh dãy hồ nước, giữa đàn bò, Y Pher cũng ngồi cả buổi chiều như thế. Đôi mắt người đàn bà như những bông hoa dại sau mưa.

H'Ril không thở được. Cô băng mình chạy trên đồng cỏ. Mùi của thảo nguyên ùa vào lồng ngực. Gió thênh thang kéo cô đi giữa thình không bát ngát.

Những sáng sớm, Y Pher dẫn người đàn bà lang thang trên thảo nguyên. Họ cùng nhau đi qua những miền gió thổi, hoang vu và ngào ngạt. Người đàn bà ngồi trên lưng bò, thả tóc xoắn vào miền gió. Tiếng cười trải ra trên khắp thảo cỏ vô cùng.

H'Ril giật tung chùm tua rua nửa trắng, nửa đỏ, ném chiếc lục lạc bò xuống giữa hồ. Cô nhập vào đám người du mục, giữ mình thật xa Y Pher, đủ xa để không buồn tủi. Cô cũng giữ mình tránh xa ngọn đồi có mái đầu bạc khật khưỡng, đủ xa để giấc ngủ nửa đêm không bồn chồn.

Đôi lần, cô thấy bóng Y Pher thấp thoáng gần bãi chăn của lão già nghiện rượu. Dường như họ to tiếng, dường như đôi mắt Y Pher lại thấp lửa, rùng rục. Lão già tóc bạc dọn sang bãi thả xa hơn, suốt nhiều ngày liền. H'Ril lại khao khát soi bóng mình trong đáy mắt hun hút, như bầu trời lồng lộng nắng sau mưa.

Đôi lần, cô nghe tiếng Y Pher hát. Giọng hát trầm đặc, phiêu bồng. Tiếng hát lang bạt, đuổi theo tiếng cười của người đàn bà, tan ra trên khoảng trời bao la, bời bời, bất tận. Buổi tối, Y Pher dựng một lán lớn. Căn lán chung cho

cả người đàn bà. H'Ril lùa đàn bò sang ngọn đồi khác. Trong đầu H'Ril chỉ có tiếng gió phập phồng lay bạt. Trong căn lán ấy, hẳn Y Pher cũng sẽ làm một tấm bạt ngăn?

Đôi lần, cô mơ thấy Y Pher. Gã trai đẹp như một con bò đực tốt giống. Giữa thảo nguyên, chỉ có cô và người đàn ông cô khao khát. Bàn tay cô miết từng thớ thịt vạm vỡ, vắn vò trên mái tóc vàng khét nắng. Đôi môi cô chạm lên làn da nóng rẫy, vỗ vập trên gương mặt như được chạm khắc. Hai cánh tay Y Pher riết lấy cô trong hơi thở nồng nhiệt. Họ làm tình với nhau, trần truồng, giữa trời đất, giữa đàn bò, giữa thảo nguyên bát ngát. Họ trút vào nhau những hân hoan tận lực. Nắng hoang lạnh trên da thịt. Và họ tan vào nhau.

Y Pher và H'Ril đã làm tình với nhau, cả trăm lần như thế, trong những giấc mơ của H'Ril. Để rồi hàng trăm lần, khi thức dậy giữa thảo nguyên, H'Ril nhận ra chỉ có cô và đàn bò.

H'Ril về đến chỗ đàn bò khi nắng đã già lắm. Đám người du mục lô nhô đứng, ngồi trên bãi. Bên trong lán bạt, tiếng Y Pher quát tháo vẫn ùng ùng vọng ra. Bãi cỏ bên ngoài ngổn ngang những đống đạo văng tung tóe. H'Ril bước trên nền cỏ, cố nhặt lại những vòng tay bằng đồng. Những vòng tay này, cả những chiếc áo này, chỉ vừa mấy hôm trước thôi, chính tay Y Pher đã nhờ người gửi lên từ thị trấn, có lẽ để chuẩn bị cho đám cưới. Giờ thì hết rồi.

Y Pher đã lùa mười con bò đẹp nhất

về đây từ mấy hôm trước. Đám bò đẹp như những hạt đậu trên đồng cỏ. Chúng sẽ được bán để lo cho lễ cưới. Thế mà sớm nay, đàn bò, và cả người đàn bà biến mất. Y Pher thịnh nộ cũng đứng. Cơn thịnh nộ chưa từng có. Đồ đạc tung hết ra bãi cỏ. Đám người du mục lặng lẽ nhìn nhau, không ai nói với nhau câu nào. Chiều đó, Y Pher lòi rượu ra uống. Uống đến mềm đi, tiếng mắng chửi nhỏ dần.

Có lẽ, họ đi từ lúc nửa đêm. Vì sáng nay, thằng Y Pher đã đuổi xuống thung lũng rồi, nhưng không thấy. Đám người du mục thì thầm với nhau. Đầu ai cũng ngổn ngang bao nhiêu câu hỏi.

H'Ril biết hết chuyện gì xảy ra, cô là người biết rõ nhất. Nhưng H'Ril cũng không nói câu nào. H'Ril đã xua đàn bò đi trong đêm, bằng qua thảo nguyên, rẽ về thị trấn. Ở đó có đám người buôn bò đợi sẵn. Người đàn bà đã đuổi theo cô, giữa đêm, quyết liệt, mê mải. Nhưng bước chân mềm mại đó làm sao đuổi kịp dấu chân của kẻ đã quá quen thuộc với thảo nguyên này. H'Ril cũng đã nhìn thấy người đàn bà khi quay trở lại. Người đàn bà đứng ngoài căn lán, lặng câm nghe tiếng mắng chửi của Y Pher từ bên trong, nhìn từng thứ đồ bị ném tung qua cửa. Người đàn bà bỏ chạy xuống đồng cỏ, lần thứ hai. Dường như, người đàn bà khóc.

H'Ril vẫn đứng đó, ngắm đàn bò nhập vào ánh hoàng hôn. Có lẽ, gió

trên thảo nguyên mênh mông là thứ xoa dịu tâm hồn người nhanh nhất.

Lão đầu bạc đã đổ vào người cô một lần nữa, ngay giữa lúc cô đang tái tê, bấn loạn. Ngay giữa lúc cô đang muốn hét thật to, muốn trừng phạt tội lỗi của mình thật nặng. Nhưng lần này đã khác, H'Ril không còn là đứa trẻ. Lão chăn bò cũng không còn sức vóc cũ sau bao năm ôm bầu rượu ngả nghiêng. Cô dồn lão xuống đất, đè cây gậy bò lên cổ lão, bằng tất cả sức lực. Lão già trong cơn giãy chết, đã thều thào đổi mạng. Tao biết cha mày đi đâu. H'Ril à, cha mày đang ở làng cùi Ea Na, phía bên kia đèo Phụng Hoàng. Lão ra đi khi những đót chân đầu tiên rụng xuống. Lão chọn một làng cùi xa, thật xa người buôn Hoang, buôn Tai này...

Tao cũng biết mẹ thằng Y Pher đã đi đâu, H'Ril à, trên một bè lớn, thả trôi xuống phía hạ nguồn. Hôm đó, tao đã uống say quá, H'Ril à...

H'Ril tung người bỏ chạy. Cô nghĩ về mẹ, về ông Y Wut, những gương mặt người câm lặng như tượng gỗ giữa rừng ma. Mẹ đã không biết, vì sao cha không trở lại.

Chân H'Ril khựng lại. Phải rồi, H'Ril à, có lẽ, Y Pher cũng không biết, vì sao người đàn bà đã không quay lại.

Cô quay đầu, chạy nhanh về phía thung lũng, nơi có đàn bò đang lững thững đi qua những triền cỏ rào rào xanh.

N.T.T

LTS: Sáng 04.4, tại Trường Đại học Quy Nhơn (phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai), Viện Triết học (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) phối hợp với nhà trường tổ chức hội thảo khoa học “Di sản tư liệu chùa Thập Tháp: Hiện trạng, giá trị và triển vọng”. Hội thảo quy tụ nhiều tham luận thiết thực, tập trung vào việc bảo tồn và phát huy các di sản tư liệu tại chùa Thập Tháp, nổi bật là bộ Đại tạng kinh Gia Hưng (Gia Hưng tạng) cùng hệ thống mộc bản hiện còn lưu giữ. Đáng chú ý, bộ Gia Hưng tạng tại chùa hiện gồm khoảng 1.377 tập thuộc 479 bộ, tương đương gần 4.826 quyển kinh, bao quát đầy đủ các hệ Kinh, Luật, Luận và Ngũ lục. Đây được xem là một trong những bộ tạng kinh Hán văn còn khá đầy đủ ở Việt Nam hiện nay.

Tạp chí Văn nghệ Gia Lai số này trân trọng giới thiệu bài tham luận của ThS Nguyễn Văn Hòa (Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn) về giá trị và ý nghĩa của bộ kinh quý này.

BỘ KINH GIA HƯNG TẶNG TẠI CHÙA THẬP THÁP

Giá trị tư liệu và ý nghĩa đối với nghiên cứu lịch sử Phật giáo Nam Trung bộ

NGUYỄN VĂN HÒA

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, khu vực Nam Trung bộ - với trung tâm là vùng Bình Định - giữ vai trò đặc biệt như một không gian giao thoa văn hóa - tôn giáo giữa Đại Việt, Champa và thế giới Đông Á rộng lớn. Tuy nhiên, trái với vị thế lịch sử ấy, việc nghiên cứu Phật giáo Nam Trung bộ hiện nay vẫn tồn tại một hạn chế mang tính cấu trúc. Trong *Việt Nam Phật giáo sử luận* (NXB VHNT, 1994, tr.123), Nguyễn Lan đã khẳng định, đó là sự “thiếu vắng hệ thống tư liệu nội tại của Phật giáo, đặc biệt là các thư tịch kinh điển có thể phản ánh trực tiếp đời sống tư tưởng và thực hành tôn giáo của tầng đoàn”.

Phần lớn các công trình nghiên cứu hiện nay vẫn dựa vào chính sử, địa chí hoặc các ghi chép mang tính hành chính - xã hội, trong khi kinh điển - vốn là

“trung tâm tri thức” của Phật giáo - lại ít được khai thác như một nguồn sử liệu độc lập⁽¹⁾. Điều này dẫn đến một thực trạng: lịch sử Phật giáo khu vực thường được “kể lại” từ bên ngoài, thay vì được “tái cấu trúc” từ bên trong hệ thống tri thức của chính nó. Trong bối cảnh đó, bộ *Gia Hưng tạng* 嘉興藏 hiện lưu giữ tại chùa Thập Tháp (An Nhơn, Bình Định cũ; nay là phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai) mang lại một cơ sở tư liệu có ý nghĩa đặc biệt. Đây không chỉ là một bộ Đại tạng kinh có quy mô lớn, mà còn là một sản phẩm của quá trình tái cấu trúc tri thức Phật giáo Đông Á trong giai đoạn Minh - Thanh, với những đặc điểm nổi bật về tính mở, tính xã hội hóa và khả năng lưu thông rộng rãi.

Vi vậy, việc tiếp cận bộ *Gia Hưng tạng* tại Thập Tháp ngoài bổ sung một nguồn tư liệu mới còn góp phần định hình lại cách tiếp cận đối với lịch sử Phật giáo Nam Trung bộ: từ nghiên cứu dựa trên sử liệu ngoại quan sang nghiên cứu dựa trên văn bản kinh điển như một hệ tri thức sống động.

1. Bộ Gia Hưng tạng góp phần nhận diện vị trí Phật giáo Nam Trung bộ trong không gian Đông Á

Gia Hưng tạng ra đời trong bối cảnh Phật giáo Trung Hoa bước vào giai đoạn tái cấu trúc sâu sắc từ cuối Minh sang Thanh, khi mô hình “quan bản” (đại tạng do triều đình bảo trợ) dần nhường chỗ cho mô hình xã hội hóa tri thức, với sự tham gia rộng rãi của tăng sĩ, cư sĩ và các lực lượng ngoài nhà nước. Khác với các bộ Đại tạng kinh trước đó như *Khai Bảo tạng* hay *Vĩnh Lạc tạng*, *Gia Hưng tạng* mang tính “mở”, cho phép bổ sung liên tục các trước tác, đặc biệt là các ngữ lục thiền tông và các tác phẩm hậu kỳ. Đồng thời, sự chuyển đổi từ hình thức “phạn giáp bản” sang “phương sách bản” đã làm tăng khả năng lưu thông của kinh điển, biến chúng từ biểu tượng quyền lực tôn giáo thành đối tượng tri thức có thể tiếp cận rộng rãi.

Trong bối cảnh đó, sự hiện diện của *Gia Hưng tạng* tại chùa Thập Tháp mang một ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi địa phương. Nó cho thấy rằng Phật giáo Nam Trung bộ không nằm ngoài dòng chảy của Phật giáo Đông Á, khu vực Bình Định đã tham gia vào mạng lưới lưu thông kinh điển từ khá sớm và các tự viện địa phương không chỉ là nơi tu hành, mà còn là điểm tiếp nhận và trung chuyển tri thức.

Điều này phù hợp với nhận định của nhiều học giả rằng Phật giáo Việt Nam thời Đàng Trong không phải là một hệ thống biệt lập, mà là một phần của mạng lưới Phật giáo khu vực, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ Trung Hoa và Nhật Bản⁽²⁾. Từ góc độ này, bộ *Gia Hưng tạng* tại Thập Tháp có thể được xem như một chứng tích vật chất của sự hội nhập tri thức Phật giáo Nam Trung bộ vào không gian Đông Á.

2. Tái cấu trúc lịch sử Phật giáo Nam Trung bộ

Một trong những đóng góp quan trọng nhất của bộ *Gia Hưng tạng* là cung cấp lớp tư liệu nội tại của Phật giáo, cho phép tái cấu trúc lịch sử không chỉ dựa trên sự kiện, mà dựa trên cấu trúc tư tưởng và thực hành.



Nhóm nghiên cứu tiến hành số hóa bước đầu bộ *Gia Hưng tạng* tại chùa Thập Tháp.
Ảnh do nhóm nghiên cứu cung cấp

Thứ nhất, xét về cấu trúc văn bản, *Gia Hưng tạng* bao gồm đầy đủ các thành phần như Kinh, Luật, Luận, Ngũ lục..., phản ánh một hệ thống tri thức Phật giáo hoàn chỉnh. Việc khảo sát thành phần kinh điển hiện còn tại Thập Tháp có thể giúp nhận diện các dòng tư tưởng được tiếp nhận, mức độ phổ biến của từng loại văn bản; sự ưu tiên của tầng đoàn đối với những hệ tư tưởng nhất định. Điều này cho thấy, việc phân tích thành phần Đại tạng kinh có thể cho thấy bản đồ tri thức của một cộng đồng Phật giáo cụ thể.

Thứ hai, các yếu tố phụ văn bản như bài tựa, bài bạt, ấn triện, ghi chú... cung cấp thông tin quan trọng về quá trình lưu truyền. Đây là những dữ liệu cho phép truy vết người tham gia khắc in và lưu giữ hoặc mạng lưới cúng dường và bảo trợ và nhận diện sự dịch chuyển của kinh điển qua các không gian xã hội khác nhau. Theo đó, việc nghiên cứu đời sống của văn bản (life of texts) có thể giúp tái dựng không chỉ nội dung, mà cả hệ thống xã hội xung quanh văn bản. Trong trường hợp *Gia Hưng tạng* tại Thập Tháp, điều này đặc biệt quan trọng, bởi nó giúp nhận diện mạng lưới xã hội của Phật giáo Nam Trung bộ, bao gồm mối quan hệ giữa chùa viện, cư sĩ và cộng đồng.

Thứ ba, việc so sánh giữa cấu trúc chuẩn của *Gia Hưng tạng* và thực trạng lưu giữ tại Thập Tháp cho phép nhận diện những biến đổi mang tính khu vực. Những thiếu hụt, sai lệch hay lựa chọn văn bản không phải là "khiếm khuyết", mà chính là dấu hiệu của quá trình tiếp biến văn hóa. Qua đó, có thể đặt ra những câu hỏi quan trọng như sau:

- Vì sao một số kinh điển được lưu giữ đầy đủ, trong khi những văn bản khác bị thiếu hụt?
- Những dòng tư tưởng nào được ưu tiên trong môi trường Phật giáo Nam Trung bộ?

- Quá trình địa phương hóa kinh điển diễn ra như thế nào?

Những câu hỏi này mở ra khả năng tái cấu trúc lịch sử Phật giáo không chỉ như một chuỗi sự kiện, mà như một quá trình lựa chọn, tiếp nhận và biến đổi tri thức.

3. Ý nghĩa phương pháp luận đối với nghiên cứu lịch sử Phật giáo Nam Trung bộ

Từ việc khai thác giá trị tư liệu của bộ *Gia Hưng tạng*, có thể rút ra một số định hướng có tính phương pháp luận quan trọng như sau:

Thứ nhất, cần chuyển từ cách tiếp cận sử học truyền thống sang tiếp cận văn bản học. Điều này có nghĩa là đặt kinh điển vào vị trí trung tâm của nghiên cứu, coi đây không chỉ là tài liệu tôn giáo, mà là nguồn sử liệu phản ánh trực tiếp cấu trúc tri thức và đời sống tinh thần.

Thứ hai, cần kết hợp thu thập học với các phương pháp liên ngành, đặc biệt là nhân học tôn giáo và lịch sử văn hóa. Do vậy, tôn giáo không chỉ là hệ thống niềm tin, mà là một hệ thống ý nghĩa gắn với thực hành xã hội. Do đó, việc đọc văn bản cần được đặt trong mối quan hệ với con người, cộng đồng và không gian thực hành.

Thứ ba, cần đặt nghiên cứu Phật giáo Nam Trung bộ trong bối cảnh Đông Á. Việc xem Phật giáo khu vực như một phần của mạng lưới tri thức rộng lớn sẽ giúp vượt qua cách nhìn địa phương hóa, đồng thời làm rõ các dòng ảnh hưởng và tương tác.

Cuối cùng, bộ *Gia Hưng tạng* gợi mở một hướng tiếp cận mới, tức là cần nghiên cứu Phật giáo như một hệ tri thức động, trong đó văn bản, con người và không gian liên kết chặt chẽ với nhau. Đây là cách tiếp cận phù hợp với xu hướng nghiên cứu hiện đại trong khoa học xã hội và nhân văn.

4. Kết luận bước đầu

Bộ *Gia Hưng tạng* tại chùa Thập Tháp là một di sản thư tịch có giá trị, đồng thời là nguồn tư liệu nền tảng cho việc tái tiếp cận lịch sử Phật giáo Nam Trung bộ từ góc nhìn nội tại và liên ngành. Thông qua việc khai thác bộ tư liệu này, có thể nhận diện lại vị trí của Phật giáo khu vực trong không gian Đông Á, đồng thời tái cấu trúc lịch sử dựa trên văn bản, mạng lưới xã hội và cấu trúc tri thức. Từ đó, mở ra khả năng hình thành một hướng nghiên cứu mới, trong đó Phật giáo Nam Trung Bộ được nhìn nhận không chỉ như một hiện tượng địa phương, mà như một bộ phận năng động của hệ thống Phật giáo khu vực, gắn kết giữa văn bản, con người và lịch sử.

N.V.H

(1) Dẫn lại theo: *Journal of the Oxford Centre for Buddhist Studies*, <http://jocbs.org> > jocbs > article > viewFile

(2) Xin xem: Văn Thanh (1974), *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam qua các thời đại và phát nguồn của các giáo phái Phật giáo*, Phật lịch 2518; Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1993), *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; 2.

TÁC GIẢ BỨC CHÂN DUNG QUỐC SƯ PHƯỚC HUỆ TẠI CHÙA THẬP THÁP DI ĐÀ:

Một khảo cứu về họa sĩ Hồng Cao

TS. TRẦN VĂN DŨNG

(Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế)

Trong chuyến khảo sát, nghiên cứu chùa Thập Tháp Di Đà (Bình Định, nay thuộc tỉnh Gia Lai), một trong những tổ đình Phật giáo danh tiếng bậc nhất miền Trung, điều gây ấn tượng với chúng tôi không chỉ là giá trị kiến trúc và lịch sử của ngôi chùa, mà còn ở hệ thống pháp tượng, cổ vật và tư liệu quý hiếm được lưu giữ tại đây. Trong số đó, đặc biệt đáng chú ý là bức tranh chân dung Quốc sư Phước Huệ do họa sĩ Hồng (Hường) Cao vẽ vào năm 1931.

Không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo và tinh thần, bức chân dung này còn là một tác phẩm hội họa có giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật đặc biệt, gắn với một giai đoạn chuyển tiếp quan trọng của Mỹ thuật Việt Nam đầu thế kỷ XX. Từ tác phẩm ấy, đặt ra hai câu hỏi cơ bản: Hồng Cao là ai? Và ông là người như thế nào mà có thể để lại một họa phẩm vừa trang nghiêm, vừa đạt đến khả năng truyền tải thần thái nhân vật như vậy?

Bức tranh chân dung Quốc sư Phước Huệ

Hiện nay, bức chân dung Quốc sư Phước Huệ được tôn trí trang trọng tại phương trượng chùa Thập Tháp. Tranh vẽ bằng chất liệu bột màu trên giấy, thể hiện Quốc sư trong tư thế đứng trang nghiêm, khoác áo cà sa, tay cầm gậy như ý - biểu tượng của trí tuệ và đức hạnh trong Phật giáo. Các họa tiết trang trí trên y áo được thể hiện tinh tế, vừa mang tính ước lệ truyền thống, vừa gợi cảm giác tả thực.

Đặc biệt, bức tranh còn bảo lưu hệ thống lạc khoản có giá trị tư liệu cao. Lạc khoản bên trái ghi: “Long Phi Tân Mùi niên, Phật hoan hỷ nhật - 龍飛辛未年, 佛歡喜日” (Ngày Phật hoan hỷ, tức Rằm tháng Bảy, năm Tân Mùi 1931). Lạc

khoản bên phải ghi: “Xuân Kinh, Thừa Thiên phủ, Trúc Lâm giảng đường, Tỳ kheo Cư sĩ chúng đặng đồng bái; Khánh Phổ trung nhân, Hồng Cao, Sĩ Chánh Thị, huân mộc kính họa - 春京承天府竹林講堂比丘居士衆等全拜, 慶譜中人洪膏士正氏薰沐敬繪” (Toàn thể chư tăng, cư sĩ thuộc Giảng đường Trúc Lâm, phủ Thừa Thiên, Kinh đô Phú Xuân kính bái; Người trong hoàng tộc là Hồng Cao, tỳ Sĩ Chánh Thị đốt hương trầm, rửa tay bằng nước thơm cúng kính vẽ).

Qua nội dung lạc khoản trên bức tranh chân dung Quốc sư Phước Huệ, có thể xác định tác giả của tác phẩm là họa sĩ Hồng Cao. Lạc khoản cũng cho biết bức tranh được thực hiện vào ngày Rằm tháng Bảy năm 1931, nhân dịp chư tăng và cư sĩ thuộc Giảng đường Trúc Lâm cúng tiến Quốc sư. Từ chính văn bản ghi trên tranh, có thể thấy bức chân dung không chỉ là một tác phẩm hội họa, mà còn là một dấu ấn lịch sử sinh động, phản ánh mối liên hệ giữa giới Phật giáo, tầng lớp trí thức và hoàng tộc triều Nguyễn đầu thế kỷ XX.

Đi tìm lai lịch họa sĩ Hồng Cao

Tên gọi HỒNG CAO (洪膏) được ghi trên tranh gợi ngay một liên tưởng quan trọng về xuất thân hoàng phái. Trong hệ thống đặt tên của hoàng tộc Nguyễn, việc sử dụng chữ Hán mang bộ “Nhục” (肉) là đặc trưng dành cho hậu duệ của đức ông Tùng Thiện Vương Miên Thẩm⁽¹⁾. Từ dấu hiệu này, chúng tôi bước đầu xác định họa sĩ Hồng Cao thuộc dòng dõi phủ Tùng Thiện Vương.



Tranh chân dung Quốc sư Phước Huệ
Nguồn ảnh: T.V.D



Tranh chân dung Thiền sư Nguyễn Thiệu
Nguồn ảnh: T.V.D

Quá trình tra cứu gia phả và các nguồn tư liệu liên quan đã củng cố nhận định trên. Đặc biệt, cuốn *Tùng Thiện vương: Tiểu sử và thi văn* do Hiệp tá Ứng Trình và cụ Bửu Dưỡng biên soạn (xuất bản năm 1970) đã nhắc đến một công tử Hồng Cao nổi tiếng về tài hội họa⁽²⁾. Đây là cứ liệu quan trọng, cho phép xác nhận chắc chắn nguồn gốc hoàng tộc của họa sĩ.

Theo gia phả phủ Tùng Thiện Vương, công tử Hồng Cao, tự Sĩ Chánh (士正) là con trai thứ 19 của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm và bà Huỳnh Thị Vô Lậu, sinh ngày 4 tháng 4 năm Đinh Mão (tức ngày 07.5.1867) tại Phủ Cam (Huế). Sinh trưởng trong một gia đình hoàng tộc tiêu biểu về truyền thống thi thư - lễ nhạc, Hồng Cao sớm được tiếp cận nền giáo dục Nho học bài bản, từng học với các danh nho và đại thần như Nguyễn Trọng Hợp, Phạm Phú Thứ, Lê Huy Miến...

Khác với nhiều huynh đệ lựa chọn con đường quan lộ⁽³⁾, Hồng Cao sớm bộc lộ năng khiếu và dành trọn tâm huyết cho hội họa. Không qua trường lớp mỹ thuật chuyên nghiệp, nhưng với khả năng tự học và cảm quan tinh tế, ông đạt đến trình độ cao trong nhiều thể loại: minh họa sách báo, tranh phong cảnh, đặc biệt là chân dung truyền thần - lĩnh vực đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ thuật và chiều sâu tâm lý.

Bên cạnh hoạt động nghệ thuật, Hồng Cao còn đảm nhiệm nhiều chức trách trong nội bộ hoàng tộc. Năm Thành Thái thứ 12 [1900], ông được cử làm quyền Giám tự phủ thờ Quy Đức Công chúa⁽⁴⁾; sau đó giữ chức Phòng trưởng phòng Tùng Thiện Vương. Năm Bảo Đại thứ 5 [1930], ông đứng ra vận động con cháu nội ngoại trùng tu phủ thờ Tùng Thiện Vương, cho thấy vai trò quan trọng của ông trong việc duy trì nề nếp và kỷ ức dòng tộc.

Một đóng góp đặc biệt khác của họa sĩ Hồng Cao là hoạt động cộng tác với tập san *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (BAVH), do linh mục L. Cadière làm chủ bút. Trong suốt 30 năm tồn tại của BAVH (1914 - 1944), Hồng Cao đã thực hiện nhiều bản vẽ khảo tả, minh họa có giá trị khoa học cao, góp phần quan trọng vào việc ghi chép, bảo tồn di sản Huế và triều Nguyễn. Chính L. Cadière từng bày tỏ sự trân trọng đối với tài năng và tinh thần cộng tác của ông trong các báo cáo đăng trên BAVH⁽⁵⁾.

Họa sĩ Hồng Cao mất vào ngày 30 tháng 12 năm Đinh Hợi (1947), hưởng thọ 80 tuổi. Mộ được an táng ở trong vườn phủ thờ Quy Đức công chúa ở làng Dương Xuân Thượng (nay thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế), cách tấm mộ Quy Đức công chúa và phò mã Phạm Đăng Thuật một đoạn không xa.

Cho đến nay, các tác phẩm của họa sĩ Hồng Cao còn lại không nhiều, chủ yếu là tranh chân dung truyền thần. Ngoài bức chân dung Quốc sư Phước Huệ tại chùa Thập Tháp, có thể kể đến các tác phẩm còn lưu giữ ở Huế như: chân dung Tùng Thiện Vương (phủ Tùng Thiện Vương), Tổ sư Nguyên Thiều (chùa Quốc Ân), Phú Bình huyện công Hường Vinh và phu nhân (chùa Thiên

Minh), Quang lộc tự khanh Tôn Thất Tu và phu nhân (nhà vườn Song Tùng). Theo học giả H. Le Breton, Hồng Cao còn vẽ một bức họa lớn mô tả toàn cảnh phủ Tùng Thiện Vương với quy mô kiến trúc bề thế⁽⁶⁾, song hiện nay tác phẩm này đã thất lạc.

Thay lời kết

Từ việc khảo cứu lai lịch tác giả bức chân dung Quốc sư Phước Huệ, có thể khẳng định họa sĩ Hồng Cao là một gương mặt tiêu biểu của mỹ thuật Huế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Ông đã dung hòa một cách tự nhiên giữa truyền thống hội họa truyền thần Á Đông với những ảnh hưởng kỹ thuật phương Tây đang du nhập, tạo nên phong cách riêng, giàu chiều sâu biểu cảm.

Đáng tiếc, do nhiều biến động lịch sử, cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Hồng Cao vẫn còn ít được biết đến, thậm chí có nguy cơ bị lãng quên. Việc tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm và hệ thống hóa các tác phẩm cũng như tư liệu liên quan đến ông không chỉ góp phần trả lại vị trí xứng đáng cho một họa sĩ hoàng tộc tài hoa, mà còn giúp làm sáng tỏ thêm diện mạo của nền hội họa Việt Nam trong giai đoạn giao thời đầy biến động.

T.V.D

Chú thích:

(1) Đức ông Tùng Thiện Vương (1819-1870) là con trai thứ 10 của vua Minh Mạng. Đức ông được nhà vua tấn phong tước Tùng Quốc công (1839), Tùng Thiện Công (1854). Về sau được truy phong tước Tùng Thiện Quận vương (1878), Tùng Thiện Vương (1936). Sinh thời, đức ông nổi tiếng giỏi chữ nghĩa, là một nhà thơ lớn để lại nhiều tác phẩm giá trị cho đất nước.

(2) Ứng Trình, Bửu Dưỡng (1970), *Tùng Thiện Vương: Tiểu sử và thi văn* (1819-1870), Huế - Sài Gòn, tr. 127.

(3) Các huynh đệ của cụ Hường Cao đều dẫn thân vào chốn quan trường như cụ Hường Phi làm Tham tri bộ Lại, cụ Hường Tích làm Tá lý bộ Hộ, cụ Hường Dực làm Phó sứ, cụ Hường Khẳng làm Thượng thư, hàm Hiệp tá Đại học sĩ, sau khi mất được truy thụy Đông các Đại học sĩ.

(4) Quy Đức công chúa Vĩnh Trinh (1824-1892) là con gái thứ 18 của vua Minh Mạng, và cũng là em gái ruột của đức ông Tùng Thiện Vương. Bà là một nữ sĩ tài hoa, để lại nhiều thi phẩm rất có giá trị.

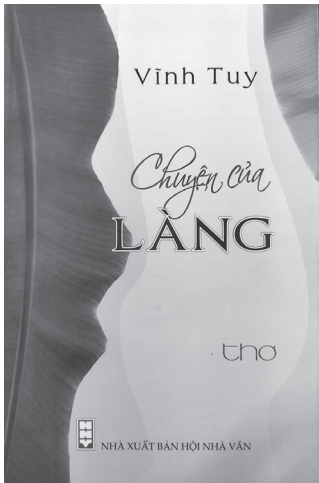
(5) Những người bạn Cổ đô Huế (1997), "Báo cáo tại cuộc họp", tập san BAVH 1916, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 485.

(6) H. Le Breton (2006), "Cuộc đời của ngài Hồng Khẳng", Tập san BAVH, 1933, tập 20, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 220.

Thì thầm tiếng quê trong *Chuyện của làng*

(Đọc tập thơ *Chuyện của làng*, NXB Hội Nhà văn, 2025 của nhà thơ Vĩnh Tuy)

BẢO NHI



Chuyện của làng (NXB Hội Nhà văn) là tập thơ mới nhất của nhà thơ Vĩnh Tuy vừa ra mắt bạn đọc cuối năm 2025. Ngay từ nhan đề, tập thơ đã gợi lên một không gian thân thuộc, nơi những câu chuyện nhỏ bé của đời sống quê nhà được nâng niu và cất giữ. Thơ Vĩnh Tuy không tìm đến những đề tài lớn lao hay những thử nghiệm hình thức cầu kỳ, anh lặng lẽ trở về với cội nguồn bằng những câu lục bát mượt mà. Trong mạch cảm xúc ấy, làng quê trở thành một “căn cước tinh thần”, là nơi nâng niu tình làng nghĩa xóm, sưởi ấm mái nhà gia đình, lưu giữ bóng dáng mẹ hiền và chở

che những bình yên của miền xứ Hoài thấm đẫm phù sa ký ức.

Trong tập thơ này, anh nhắc nhiều về tên quê, tên làng, về dòng sông, nẻo về cố xứ, cụ thể và gợi gần những Giếng Trông, dòng An Lão, sông Kim Sơn, Hoài Ân, Hoài Nhơn, xứ Hoài... Và quê nhà, không gian nơi anh gắn bó, được khắc họa bằng những nét bình yên: *Tháng Ba nắng đã lên rồi/ làng tôi nép dưới triền đồi nhấp nhô* (*Chuyện của làng*). Từ không gian ấy, những “tọa độ” quen thuộc của làng quê dần hiện ra trong những vần thơ giản dị. Một trong những hình ảnh giàu sức gợi trong tập thơ là giếng làng, biểu tượng của ký ức cộng đồng. Trong bài *Giếng làng*, nhà thơ viết: *Giếng làng/ gập gờ, nhớ, mong/ để rồi chờ đợi, người không trở về!// Phía xa vắng vắng tiếng gà/ giật mình, cứ ngỡ mình và ngày xưa*. Âm thanh “văng vẳng tiếng gà” như một tín hiệu đánh thức ký ức, gọi dậy “ngày xưa”. Trong khoảnh khắc ấy, tác giả như

gặp lại chính mình của quá khứ, tạo nên một cuộc gặp gỡ/ đối thoại trong tâm tưởng, để nâng niu mạch ngầm ký ức gắn chặt, không thể tách rời của đời sống tinh thần người quê.

Nếu giếng làng là nơi neo giữ ký ức, thì con sông quê lại là nơi nhà thơ tìm thấy sự an nhiên của tâm hồn. Trong bài *Bên sông Lại*, Vĩnh Tuy viết: *Ta về/ ngồi giữa mây bay/ bên dòng sông Lại một ngày tháng Ba// Trần ly/ ta rót mời ta/ nước sông ngọt lịm, thế mà cũng say!* Khung cảnh thật đơn sơ với một ngày tháng Ba, mây bay, dòng sông lặng lẽ... Nhưng trong sự giản dị ấy lại ẩn chứa niềm hạnh phúc của người trở về cố xứ. Câu thơ “ta rót mời ta” mang một nét thú vị. Đó là cuộc đối thoại của con người với chính mình. Không cần rượu, chỉ cần “nước sông ngọt lịm” cũng đủ khiến lòng đắm say. Cái “say” ở đây không phải say men rượu, mà là say quê hương, say ký ức, say cảm giác được hòa vào không gian thân thuộc của bình an quê nhà.

Điểm đáng chú ý trong *Chuyện của làng* là hình ảnh mẹ xuất hiện nhiều lần và luôn gợi xúc động. Đó không phải là hình ảnh mang tính biểu tượng xa vời, mà là một người mẹ cụ thể với những nhọc nhằn của đời sống. Bài thơ *Mẹ tập đi* khiến người đọc chùng lòng: *Ngày nằm xuống, đêm ngồi lên/ thời gian của mẹ cứ mênh mông dài// Tập đi cho mẹ/ một... hai...!/ vòng quanh thế giới/ chỉ vài bước chân.* Thế giới của mẹ giờ đây thu nhỏ lại trong vài bước đi chậm chạp. Nhưng trong cái vòng tròn nhỏ bé ấy lại chứa đựng cả một đời hy sinh. Ở một bài thơ khác, nỗi niềm về người mẹ góa bụa càng trở nên thấm thía: *Con hiểu rồi. Mẹ ơi!/ Nhọc nhằn đời góa bụa/ Mong manh như cây lúa/ Giữa cuộc đời bão giông// Mẹ có nghe gì không/ Ngoài kia xuân về đó/ Lời thăm thì của gió/ Nhà còn mẹ. Tết vui!* (Nhà còn mẹ Tết vui). Với nhà thơ, sự hiện diện của mẹ chính là niềm hạnh phúc lớn nhất của gia đình. Khi còn mẹ, mái nhà vẫn còn chan chứa niềm vui, sự ấm áp ngọt lành. Và mẹ, cũng là “thế giới tinh thần” của đứa con mãi hoài bé bỏng.

Bên cạnh những bài thơ giàu tính ký ức, *Chuyện của làng* còn chứa đựng nhiều suy tư về đời sống hiện đại, nơi con người đôi khi lạc mất chính mình giữa những vòng quay tấp bập và những toan tính nhỏ hẹp. Trong bài *Bâng khuâng giữa cơn mưa chiều*, tác giả viết: *Bao năm/ mòn vẹt bàn chân/ tìm xa rồi lại tìm gần. Tìm chi?/ để rồi trên những lối đi/ bước chân ta lại thăm thì với ta// Phở quen/ biết mấy lần qua// mà không tìm được hiên nhà trú mưa// Hiểu rồi/ mình của ngày xưa/ đã là quá khứ nên thừa. Vậy thôi!* Những câu thơ như một lời tự vấn. Con người đi tìm nhiều thứ trong đời. Danh vọng, thành công, hay những giấc mơ xa xôi... để rồi nhận ra rằng cái mình tìm kiếm có khi đã nằm lại trong quá khứ, chỉ còn nỗi trống vắng, lưu lạc trong chính những lập trình của nhịp sống thị thành.

Ở những tứ thơ khác, nhà thơ Vĩnh Tuy có những suy nghiệm thú vị, vừa như “chất” ra từ muôn sắc đời sống, vừa thấm đau trong sự thức ngộ muộn màng: *Này là một chén nhân - chia/ chia nhà, chia đất, chia lia anh em/ cuối đời*

đọc lại mình xem/ đến hơi thở chót lại thềm phép nhân (Uống rượu ngày mưa). Lòng tham, sự ích kỷ, những hẹp lòng cạnh tranh là thứ dễ tạo ra những nút rạn. Đến khi, con người ta sắp cạn quỹ thời gian trần thế, mới nhận ra giá trị thực thụ của sự gắn kết, yêu thương, đoàn tụ. Nhưng thử hỏi, sự chân nhận muộn màng kia, có cứu rỗi được những đổ vỡ đã từng?

Lắng lại trong *Chuyện của làng* của Vinh Tuy, ta nhận ra đây không chỉ là câu chuyện của riêng một miền quê hay một cá nhân, mà đó còn là câu chuyện chung của nhiều người Việt, những con người dù đi xa đến đâu vẫn mang trong lòng ký ức về làng quê. Làng trong thơ Vinh Tuy vì thế trở thành một “căn cước tâm hồn”, nhắc con người nhớ về nguồn cội, về gia đình, về những giá trị bền vững của đời sống.

Trước *Chuyện của làng*, Vinh Tuy đã lần lượt ra mắt bạn đọc hai tập thơ *Đi dọc sông quê* (2016) và *Tôi đi tìm tôi* (2019). Dõi theo hành trình sáng tác của anh, dễ nhận ra một mạch nguồn quê nhà luôn âm thầm neo chặt. Cái “chất quê” ấy không chỉ là cảm hứng, mà dường như đã trở thành phần tâm lõi trong thế giới thơ Vinh Tuy. Dĩ nhiên, trong tập thơ này của anh, vẫn còn những câu chữ chưa thật tròn ý, đôi chỗ hình ảnh và ngôn ngữ còn mang dáng vẻ quen cũ. Nhưng vượt lên trên những giới hạn ấy, điều đáng quý ở *Chuyện của làng* chính là sự đặt để tình cảm chân thành của tác giả vào từng trang viết. Chính sự hồn hậu ấy khiến người đọc có cảm giác như đang nghe một câu chuyện được kể chậm rãi bên hiên nhà, nơi mà quá khứ và hiện tại lặng lẽ gặp nhau, trong một nỗi thương nhớ dịu dàng...

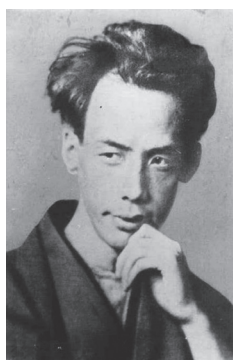
B.N



Gánh, gánh về. Ảnh: Đỗ Văn Đông

Giấc mơ

AKUTAGAWA RYUNOSUKE (Nhật Bản)



Akutagawa Ryunosuke (1892 - 1927) là nhà văn cận đại Nhật Bản nổi tiếng, là thủ lĩnh của trường phái văn học Tân hiện thực Nhật Bản, một khuynh hướng dung hòa những tinh hoa lý trí của chủ nghĩa tự nhiên và sắc màu lãng mạn phóng túng; thể hiện một phong cách riêng biệt hòa trộn giữa hiện thực và huyền ảo.

*Là một cây bút kiệt xuất với trên 140 tác phẩm thuộc thể loại truyện ngắn và các bài phê bình, trong khoảng mười năm trước khi tự tử ở tuổi 35, Akutagawa Ryunosuke đã đưa ra những sáng tác hiện thực mà sự đa dạng về nội dung và hình thức của chúng lớn hơn bất cứ tác phẩm của nhà văn nào cùng thời. Truyện ngắn **Giấc mơ** được Akutagawa Ryunosuke viết vào tháng 11.1926, chưa đầy một năm trước khi ông tự kết liễu đời mình. Bị ám ảnh vì nỗi sợ hãi rằng mình sẽ thừa hưởng chứng bệnh tâm thần của mẹ, ông bị dày vò bởi chứng mất ngủ và những ảo giác giống như trong giấc mơ.*

Tôi hoàn toàn kiệt sức. Cổ và vai tôi đau nhức, và tôi hầu như không ngủ được chút nào. Trong những lần hiếm hoi tôi chợp mắt được, tôi lại mơ đủ loại giấc mơ. Có người từng nói với tôi rằng mơ thấy màu sắc là dấu hiệu của sự suy đồi. Gần như tất cả giấc mơ của tôi đều có màu sắc, nhưng có lẽ đó là vì tôi kiếm sống bằng nghề họa sĩ.

Tôi và một người bạn bước qua cánh cửa kính vào một quán cà phê ở một khu phố tồi tàn. Ngay bên ngoài cánh cửa phủ đầy bụi là một đường ray xe lửa với những cây liễu đâm chồi nảy lộc. Chúng tôi ngồi ở một bàn trong góc và ăn thứ gì đó được đựng trong bát. Khi tôi ăn xong và nhìn vào bát, tôi thấy một vật dài khoảng một inch ở dưới đáy - đó là đầu của một con rắn. Một giấc mơ khác với màu sắc sống động.

Tôi ở trọ tại một vùng ngoại ô Tokyo, nơi có thể rất lạnh. Bất cứ khi nào tôi cảm thấy chán nản, tôi sẽ leo lên bờ kè phía sau nhà trọ và nhìn xuống đường ray xe lửa. Đường ray sáng bóng trên nền sỏi đá nhuộm dầu và rỉ sét. Ở phía bên kia đường ray, một cái cây trông giống như cây dẻ vươn cành ra che phủ đường ray. Không quá lời khi nói rằng khung cảnh ấy khiến tôi cảm thấy u buồn. Nhưng nó lại phù hợp với tâm trạng của tôi hơn là ánh đèn rực rỡ của Ginza hay Asakusa. “Lấy độc trị độc” - câu tục ngữ xưa cứ văng vẳng trong đầu tôi khi tôi ngồi xồm trên bờ kè hút thuốc, một mình.

Không phải là tôi không có bạn bè. Có một chàng trai trẻ, một họa sĩ theo phong cách phương Tây, con của một gia đình giàu có, khi nhận thấy sự uể oải của tôi, anh ấy đề nghị tôi đi du lịch đầu đó, thậm chí còn đề nghị giúp trả tiền. Nhưng tôi biết rõ rằng ngay cả khi tôi đi du lịch, nó cũng chẳng giúp tôi vui lên được gì. Tôi đã từng rơi vào trạng thái trầm cảm tương tự ba hoặc bốn năm trước, và nghĩ rằng một chuyến đi có thể xua tan nỗi buồn, tôi đã đi đến tận Nagasaki. Tuy nhiên, khi đến nơi, tôi không thể tìm được một nơi nào để ở khiến mình cảm thấy thoải mái. Rồi khi tôi cuối cùng cũng tìm được chỗ trọ, tôi lại bị quấy rầy bởi những con bướm đêm khổng lồ cứ bay vào qua cửa sổ suốt đêm. Tôi vô cùng khổ sở và quyết định quay trở lại Tokyo, dù mới đi chưa đầy một tuần.

Vào một buổi chiều khi sương giá vẫn còn bám trên mặt đất, trên đường về sau khi đi lấy phiếu chuyển tiền, tôi bỗng nảy sinh ý muốn vẽ. Chắc chắn điều đó có liên quan đến việc tôi giờ đã có tiền để thuê người mẫu. Nhưng còn hơn thế nữa - tôi khá chắc chắn mình cảm thấy một luồng cảm hứng sáng tạo dâng trào. Thay vì quay lại nhà trọ, tôi đến Salon M, quyết tâm thuê một người mẫu để vẽ chân dung cỡ trung bình. Quyết định này đã kéo tôi ra khỏi nỗi buồn - điều mà đã lâu lắm rồi tôi không cảm nhận được. Tôi nghĩ, tôi sẽ cống hiến cả đời mình để vẽ bức tranh này. Và tôi thực sự cảm thấy như vậy.

Người mẫu tôi thuê từ Salon M không có khuôn mặt xinh đẹp lắm, nhưng không thể phủ nhận rằng cô ấy có một thân hình khá quyến rũ, đặc biệt là vòng một. Mái tóc của cô ấy cũng dày và mượt, được chải thẳng ra phía sau. Tôi rất hài lòng với cô ấy, và sau khi đặt cô ấy ngồi xuống chiếc ghế mây để xem xét, tôi bắt tay vào việc ngay lập tức. Cô ấy tạo dáng khóa thân, tay cầm một tờ báo tiếng Anh cuộn tròn thay vì một bó hoa, hai chân hơi bắt chéo và đầu nghiêng sang một bên. Nhưng khi đối diện với bức tranh, tôi lại bị sự mệt mỏi giày vò. Căn phòng hướng Bắc của tôi chỉ có một lò than. Tôi đổ đầy than đến mức ngọn lửa cháy xém vành lò, nhưng căn phòng vẫn không đủ ấm. Khi cô ấy ngồi yên trên chiếc ghế mây, thỉnh thoảng các cơ ở đùi cô ấy lại run lên không kiểm soát. Tôi di chuyển cọ vẽ trên bức tranh, cảm thấy một thoáng giận dữ mỗi khi cô ấy run rẩy. Nhưng hơn bất kỳ cảm xúc nào hướng về cô ấy là sự thất vọng vì không đủ tiền mua một chiếc lò sưởi dầu hỏa. Đồng thời, tôi cũng giận chính mình vì đã quá bận tâm về những chuyện vặt vãnh như vậy.

“Cô sống ở đâu?”, tôi hỏi.



Minh họa: Lê Trọng Nghĩa

"Tôi sống ở đâu à? Chỗ tôi ở khu Sansaki-cho, Yanaka".

"Cô sống một mình à?"

"Không, tôi thuê chung với một người bạn".

Vừa nói chuyện phiếm như vậy, tôi vừa từ từ phết màu lên tấm vải bố cũ mà tôi dùng để vẽ tĩnh vật. Khi cô ấy ngồi đó, đầu nghiêng sang một bên, khuôn mặt cô ấy không hề biểu lộ bất cứ cảm xúc nào. Cả lời nói và giọng nói của cô ấy đều đều. Tôi phải kết luận rằng đó là tính khí tự nhiên của cô ấy. Tôi thấy cô ấy khá dễ gần, và đôi khi còn bảo cô ấy ngồi lâu hơn giờ đã thỏa thuận. Nhưng đôi lúc tôi lại cảm thấy hơi e ngại bởi cách cô ấy ngồi bất động - không hề cử động, ngay cả trong ánh mắt.

Việc vẽ tranh không tiến triển tốt. Hầu hết các ngày khi vẽ xong, tôi đều nằm dài trên thảm, xoa bóp cổ và da đầu, nhìn chằm chằm vào khoảng không trong phòng. Ngoài giá vẽ, đồ đạc duy nhất còn lại là chiếc ghế mây. Những thanh đan bằng mây của chiếc ghế thỉnh thoảng lại kêu cọt két ngay cả khi không có ai ngồi, có lẽ do sự thay đổi độ ẩm. Mỗi khi điều này xảy ra, tôi cảm thấy bất an và lập tức đi dạo. Nhưng chẳng có nơi nào để đi, chỉ có con đường ven kè phía sau nhà trọ dẫn xuống một nơi hoang vắng, đầy những ngôi đền nhỏ và những căn nhà tồi tàn.

Tuy nhiên, ngày nào tôi cũng ngồi trước giá vẽ, và người mẫu cũng đến mỗi ngày. Chẳng bao lâu, tôi bắt đầu cảm thấy e ngại trước thân hình của cô ấy - chắc chắn điều này một phần là do tôi ghen tị với vóc dáng khỏe mạnh của cô ấy. Cô nằm trên tấm thảm đỏ đã bạc màu, khuôn mặt vô cảm, mắt dán chặt vào các góc phòng. Thỉnh thoảng, khi tôi quét cọ lên bức tranh, tôi lại nghĩ rằng cô ấy giống động vật hơn là con người.

Một buổi chiều nọ, một cơn gió nhẹ thổi qua khi tôi đứng ở vị trí quen thuộc trước giá vẽ, bận rộn di cọ trên bức tranh. Người mẫu trông ủ rũ hơn thường lệ. Tôi cảm nhận được một nguồn năng lượng hoang dã tỏa ra từ cơ thể cô ấy. Hơn nữa, tôi có thể ngửi thấy mùi nách và các mùi cơ thể khác. Nó gợi nhớ đến mùi hôi thối của một thời kỳ nguyên thủy hơn.

"Cô sinh ra ở đâu?"

"Ở một thị trấn tên là X, thuộc Gunma".

"Thị trấn đó có rất nhiều nhà máy dệt, phải không?"

"Vâng".

"Cô có từng làm việc trên khung dệt không?"

"Tôi có làm khi còn nhỏ".

Trong lúc trò chuyện, tôi để ý thấy nhũ hoa của cô ấy bắt đầu sưng lên. Chúng trông gần giống như nụ bắp cải. Tất nhiên, tôi vẫn tiếp tục chăm chú di chuyển cọ vẽ như thường lệ. Nhưng bằng cách nào đó, tôi không thể ngừng nhìn chằm chằm vào cặp nhũ hoa đó - chúng có một vẻ đẹp kỳ dị nào đó.

Gió vẫn tiếp tục thổi suốt đêm đó. Tôi giật mình tỉnh giấc và đi đến nhà vệ sinh ở cuối hành lang. Tuy nhiên, khi tỉnh hẳn giấc ngủ, tôi nhận ra rằng mặc dù

tôi đã mở cửa, nhưng tất cả những gì tôi đang làm chỉ là đi vòng quanh phòng mình. Tôi đứng lại và nhìn quanh một cách ngơ ngác, mắt tôi dừng lại trên tấm thảm đỏ đã bạc màu dưới chân. Tôi bắt đầu nhẹ nhàng lướt những ngón chân trần trên thảm. Cảm giác của những sợi vải giống hệt như da thú. Một suy nghĩ đáng lo ngại chợt nảy ra - mặt trái của tấm thảm có màu gì? Nhưng ý nghĩ lật nó lên lại khiến tôi sợ hãi một cách khó hiểu. Sau khi đi vệ sinh xong, tôi vội vã trở lại giường.

Khi tan làm ngày hôm sau, tôi còn chán nản hơn bình thường. Tôi không thể chịu đựng được ý nghĩ về tôi đang ở trong phòng. Tôi quyết định đi ra bờ kè phía sau nhà trọ. Hoàng hôn đã bắt đầu buông xuống, nhưng bất chấp ánh sáng mờ dần, cây cối và cột điện vẫn nổi bật rõ nét. Khi đi dọc theo bờ kè, tôi cảm thấy thôi thúc muốn hét lên thật to, nhưng tôi biết mình không thể khuất phục trước cảm dỗ này. Tôi bước xuống khỏi bờ kè vào khu phố tối tăm chạy dọc bên cạnh, cảm giác như toàn bộ quãng đường đi bộ này chỉ diễn ra trong tâm trí tôi mà thôi.

Đường phố gần như vắng tanh như mọi khi. Tuy nhiên, có một con bò Hàn Quốc bị buộc vào cột điện bên vệ đường. Nó vươn cổ và nhìn chăm chăm vào tôi bằng đôi mắt long lanh, nữ tính một cách kỳ lạ. Biểu cảm của nó dường như cho thấy nó đang chờ đợi sự xuất hiện của tôi - tôi cảm nhận được một sự thách thức nhẹ nhàng. "Tôi cá là nó sẽ nhìn người bán thịt bằng ánh mắt tương tự", tôi nghĩ, điều này càng khiến tôi thêm bất an. Tâm trạng tôi càng chìm sâu vào u sầu, và cuối cùng tôi rẽ vào một con hẻm để tránh gặp lại con bò.

Vài ngày sau, vào một buổi chiều, tôi lại ngồi trước khung vẽ, cần mẫn chăm cọ. Người mẫu nằm trên tấm thảm đỏ đã bạc màu, bất động như mọi khi, thậm chí không hề nhú mào. Bức tranh vẫn chưa hoàn thiện sau gần nửa tháng. Trong thời gian đó, chúng tôi thậm chí không hề có chút gắn kết nào. Ngược lại, tất cả những gì tôi cảm nhận được là cảm giác ngọt ngào của cô ấy ngày càng mạnh mẽ hơn. Khi chúng tôi nghỉ giải lao, cô ấy không hề mặc áo lót, và khi tôi cố gắng nói chuyện với cô ấy, cô ấy chỉ đáp lại một cách hời hợt. Mặc dù vậy, hôm nay, khi quay lưng về phía tôi (tôi phát hiện ra cô ấy có một vết bớt trên vai phải) và hai chân duỗi thẳng trên thảm, không hiểu sao cô ấy lại bắt đầu nói.

"Thưa ông, ông có biết những viên đá nhỏ xếp dọc lối đi dẫn đến ngôi nhà này không?"

"Vâng...".

"Đó là những viên đá đánh dấu nơi nhau thai được chôn cất".

"Đá đánh dấu nơi nhau thai?"

"Vâng - những viên đá được đặt xuống để chỉ ra nơi nhau thai được chôn cất".

"Sao cô biết?"

"Vì một số viên đá có chữ viết trên đó". Cô ấy nhìn tôi qua vai, vẻ mặt gần như chế giễu. "Ai cũng sinh ra với nhau thai, phải không?"

"Vậy thì sao?"

"Và khi tôi nghĩ về việc mình được sinh ra với nhau thai...".

“...?”

“Nó khiến tôi cảm thấy mình giống như một con chó con”.

Tôi tiếp tục di chuyển cây cọ của mình, dường như nó trở nên bất lực trước sự hiện diện của cô ấy. Bất lực? Không phải vì tôi không cố gắng. Tôi luôn nhận thức được một điều gì đó hoang dã bên trong cô ấy cần được thể hiện. Nhưng thể hiện sự hoang dã đó nằm ngoài khả năng của tôi. Hơn nữa, một phần trong tôi không muốn thể hiện điều đó. Hoặc có lẽ là tôi không muốn thể hiện nó bằng cọ và màu vẽ. Trong trường hợp đó, tôi nên dùng gì? Khi tôi di chuyển cọ vẽ, tôi cứ nhớ đến những thứ mình đã thấy trong một bảo tàng nào đó: những chiếc dùi cui và kiếm làm bằng đá.

Sau khi cô ấy rời đi, tôi ngồi trong ánh sáng lờ mờ của phòng và lật giở một tuyển tập tranh Gauguin đóng bìa cứng dày cộp. Đến một lúc nào đó, tôi nhận ra mình đã lặp đi lặp lại một cụm từ bằng thứ ngôn ngữ hoa mỹ cổ xưa: “Tôi cho rằng nó hẳn là như vậy”. Tất nhiên tôi không biết tại sao mình lại lặp lại những lời như vậy, nhưng nó mang lại cho tôi một cảm giác kỳ lạ. Sau khi nhờ người hầu trải chiếu ra, tôi uống một hơi thuốc ngủ.

Gần mười giờ sáng tôi thức dậy. Có lẽ tôi đã cảm thấy nóng trong đêm, nên tôi đã lăn ra khỏi giường và nằm ngủ trên thảm. Nhưng điều khiến tôi lo lắng hơn là giấc mơ tôi vừa mơ thấy trước khi thức dậy. Tôi đứng giữa phòng và siết cổ cô ấy bằng một tay (mặc dù trong lúc đó tôi biết chắc chắn đó chỉ là một giấc mơ). Khuôn mặt cô ấy hơi ngẩng lên, vẫn vô cảm như mọi khi, và cô ấy dần nhắm mắt lại. Cùng lúc đó, ngực cô ấy căng tròn một cách quyến rũ. Bộ ngực nhợt nhạt đến mức dường như phát sáng, những đường gân bên trong hiện lên mờ ảo. Tôi không hề cảm thấy chút áy náy nào khi siết cổ cô ấy đến chết - thực tế, tôi cảm thấy một điều gì đó giống như sự thỏa mãn khi hoàn thành một nhiệm vụ quan trọng. Với đôi mắt vẫn nhắm nghiền, cô ấy dường như trút hơi thở cuối cùng một cách lặng lẽ.

Tôi bừng tỉnh khỏi giấc mơ và rửa mặt, sau đó uống vài tách trà đặc. Nhưng tất cả những gì tôi cảm thấy chỉ là một nỗi buồn man mác hơn. Tôi thực sự không hề muốn giết cô ấy dù đó chỉ là trong vô thức.

Khi hút thuốc, tôi chờ người mẫu đến, cố gắng hết sức để kiềm chế cảm giác hồi hộp kỳ lạ mà tôi đang cảm thấy. Đến một giờ mà cô ấy vẫn chưa đến. Việc chờ đợi cô ấy vô cùng mệt mỏi, và tôi cảm thấy thôi thúc muốn ra ngoài hơn là ngồi chờ. Nhưng ngay cả ý nghĩ đi dạo cũng khiến tôi sợ hãi. Thần kinh tôi không thể chịu đựng nổi hành động đơn giản là bước ra khỏi cánh cửa trượt của phòng mình.

Hoàng hôn đang buông xuống. Tôi đi đi lại lại trong phòng, dành cả ngày còn lại để chờ đợi người mẫu, người chắc chắn sẽ không bao giờ đến. Có lúc tôi nhớ lại một chuyện đã xảy ra khoảng mười hai năm trước. Vào một buổi chiều tà giống như thế này, tôi - hay đúng hơn là chính bản thân tôi lúc trẻ - đã đốt pháo hoa. Khi đó tôi không ở Tokyo, mà đang ở bên hiên nhà của gia đình tôi ở vùng

quê. Rồi tôi nghe thấy ai đó hét lên, “Này, tỉnh lại đi!”, và cảm thấy vai mình bị lay mạnh. Tôi cứ tưởng mình đang ngồi trên hiên nhà, nhưng khi tỉnh lại, tôi nhận ra rằng lúc nào đó tôi đã ngồi xổm xuống bên luống hành tây phía sau nhà và đang đốt lửa. Hộp diêm của tôi gần như đã hết.

Trong lúc hút thuốc, tôi phải thừa nhận rằng có những thời điểm trong cuộc đời mà chính bản thân tôi cũng hoàn toàn không nhận thức được. Không chỉ khiến tôi cảm thấy bất an, suy nghĩ đó còn khiến tôi sờn gai ốc. Trong giấc mơ đêm hôm trước, tôi đã bóp cổ cô ấy bằng chính tay mình. Nhưng nếu đó không phải là một giấc mơ thì sao...

Người mẫu cũng không đến vào ngày hôm sau. Cuối cùng, tôi đến Salon M để hỏi thăm cô ấy, nhưng chủ tiệm không nghe tin gì. Càng lúc càng cảm thấy bất an, tôi tìm hiểu xem cô ấy sống ở đâu - cô ấy nói với tôi rằng cô ấy sống ở khu Sansaki-cho thuộc Yanaka, nhưng theo lời chủ tiệm, người mẫu có một căn hộ ở Hongo Higashikata-machi. Tôi đến địa chỉ được cho đúng lúc đèn đường bắt đầu bật sáng. Đó là một con hẻm nhỏ, một tiệm giặt ủi kiểu châu Âu với lớp sơn đỏ đã phai màu bên ngoài. Phía bên kia cánh cửa kính, hai nhân viên mặc áo sơ mi cộc tay đang bận rộn là ủi. Tôi đi mở cửa, không vội vàng gì, nhưng không hiểu sao lại đập đầu vào kính. Âm thanh đó làm tôi giật mình không kém gì những người bên trong.

Tôi bước vào cửa hàng với vẻ lo lắng và hỏi một trong những nhân viên.

“Cô M có ở đây không?”

“Cô M đã không đến đây từ hôm kia rồi”.

Những lời này khiến tôi lo lắng, nhưng tôi do dự không muốn hỏi thêm. Phòng trường hợp có chuyện gì thực sự xảy ra với cô ấy, tôi không muốn gây nghi ngờ cho bản thân.

“Đôi khi cô ấy không quay lại cả tuần liền”, người nhân viên mặt mày tái nhợt kia nói thêm, vẫn không ngừng là ủi. Tôi cảm nhận được sự khinh miệt trong lời nói của anh ta, và tôi rời khỏi cửa hàng nhanh nhất có thể, tức giận với chính mình. Nhưng mọi chuyện chưa dừng lại ở đó: khi tôi đi qua những con hẻm của Higashikata-machi, đông đúc nhà cửa và ít cửa hàng hơn tôi tưởng, tôi chợt nhớ ra rằng mình đã từng thấy tất cả những điều này trước đây, trong một giấc mơ. Mặt tiền được sơn vẽ của tiệm giặt ủi kiểu châu Âu, người công nhân mặt mày tái nhợt, chiếc bàn là đang bốc hơi nghi ngút - thậm chí cả việc tôi đang ở đó hỏi về cô gái - tất cả đều giống hệt như trong giấc mơ của tôi từ nhiều tháng (hay nhiều năm?) trước. Sau khi rời khỏi tiệm giặt ủi trong giấc mơ, tôi chắc chắn mình đang đi bộ một mình trên một con phố vắng vẻ giống hệt con phố này. Và rồi - nhưng tôi không nhớ gì về những gì xảy ra tiếp theo trong giấc mơ. Tuy nhiên, tôi chắc chắn rằng dù chuyện gì sắp xảy ra, nó cũng sẽ giống hệt như những gì tôi đã mơ.

MẠNH HÀO dịch

(Từ bản tiếng Anh)

VÕ ĐÌNH DUY

Em ở đó, mơ mình trong lòng phố

Trảng đời mùa trái tựa vạt ngâu
Em ở đó, gió nghiêng về phố
Nơi giấu anh giữa những trục tung hoành
Sóng cỏ lùa ngày rộng buông nhanh
Trông về nơi có tiếng gọi ran của bầy se sẻ

Lần lửa chẳng buông
Gạt mình mỗi chiều tà
Chờ phố bên kia rục đèn ô sắc
Cuộc đua ánh sáng của bầu trời và phố
Gói em vào chính giấc mơ riêng

Bóng đổ những cây đèn
Vẫn tự đề lên thân mình xám ngắt
Vật ở đó đâu mới là sự thật
Phố xoay vần trong giao hưởng tiếng xe
Rồi đối mình em có thành người góa

Góa cả phố dài lẫn những chùm cây
Ngày pháo hoa vẽ trên đỉnh những tòa nhà
Phố lẫn lộn tìm phù phiếm sáng
Nhập nhoạng người xô người
Em chòng chành vẫn một lòng hướng phố

Thả mình trôi vào cơn ngủ dài
Vùi tóc vùi trên đường chân trời màu bạc
Gió xóa đông bằng mây vảy rồng
Một mùa nữa sắp sửa bung nhanh
Em ở đó, nhắm mắt mơ mình trong lòng phố.

Khi trời màu trứng sáo

Phía đó trời ẩn nhẫn pha sương
Nơi hành trình khói lạc chiều chẩy ngược
Mùa vọng tiếng tha hương
Quay quắt nguyện cầu
Người chôn mình trong bể nước cùng đôi cá vàng
Nhìn xuyên về miền mãi

Người cùng bể cá vàng trên chuyến tàu ngày rồi lại đêm
Đêm nhịp ray rung
Tiếng nước ngân lên chao chát
Mấy nẻo chờ ngóng sân ga
Khắp khởi tiếng người

Trùng trùng mây vỡ đặng sau núi
Lấn tiếng làng nhỏ thó dưới rặng xoan
Tiếng sôi của loài nhộng và ong mật
Kẻ thao thiết chờ
Nọ thao thiết nở

Người bây giờ cũng rong về tổ
Chái bếp quen chờ rộn tiếng thưa
Tự do khói
Lặng ngọt sắc trời màu trứng sáo
Nồng vị mất dĩa

Nơi đó má ướp xuân bằng hương từ đất
Cha bồi hồi ngắm cảnh trẩy lộc non
Sân gạch đỏ mướt trơn chân bước vội
Tàu vừa qua đồng
Nghẹn dấu chim di.

V.Đ.D

NGUYỄN CHÍ NGOAN

Giấc ngủ quê nhà...

Con trở về tìm lại dấu xưa
Giàn mướp đấng trước hiên nhà vẫn trở
Con ong bầu đập cánh bay qua miền cổ tích
Khói lam chiều cay sóng mắt rừng rừng.

Con trở về tìm lại ấu thơ
Cánh diều giấy chập chờn trong ký ức
Bờ cỏ lau trở vào con trắng xóa
Dòng sông quê tắm mát những trưa hè.

Con trở về tìm lại giấc mơ
Có chiếc cầu tre gặp ghềnh trắc trở
Có con đò quê đóng chằng đóng đụp
Có tiếng cười trong hoa nắng rơi đầy.

Con trở về nhận mặt quê hương
Bỏ lại thánng năm thị thành bấn chậ
Nghe ngọn gió thổi rào rào bên song cửa
Thấy người quê thân thuộc đến không ngờ.

Con trở về làm lại người quê
Đầu đội nắng, chân trần lội ruộng
Bưng bát cơm thơm hương đồng gió thoảng
Miền nhớ vội vàng ru giấc ngủ quê nhà...

Bóng người đã xa...

Chiều về qua ngõ ngày xưa
Nghe thương nhớ cũ cũng vừa xanh xao
Hiên nhà gió thổi xông xao
Lời ru của mẹ ngọt ngào hương quê.

Cánh chuồn thấp thoáng chân đê
Có mùa hoa dại nở mê miết buồn
Cuối chiều rơi một tiếng chuông
Gọi miền ký ức nghe muôn nỗi chờ.

Tôi về tìm lại giấc mơ
Thấy mùa xanh những bên bờ lặng im
Chiều quê nghe gió qua thêm
Lẩn trong màu nắng tiếng chim gọi ngày.

Hỏi người lỡ bước đường dài
Thị thành gửi lại khói bay lưng trời
Về nghe sông nước đầy vơi
Nhật mùa xơ xác bóng người đã xa...

N.C.N



Quà của rừng

NINH LÊ

Điểm trường trông giống như một những lán nương ai đó bỏ quên thì đúng hơn. Lần đầu tiên đặt chân lên điểm trường mà mình sẽ công tác, trong đầu tôi đã nghĩ như vậy. Điểm trường tôi dạy gồm ba gian nhà thấp tè, bao gồm một gian cho tôi ở, mái lợp bằng pờ-rô xi măng, đứng chênh vênh trên sống lưng của một quả đồi. Tôi rừng mình, cảm tưởng như chỉ cần một cơn gió hắt mạnh là cả ba gian nhà lăn lồng lốc xuống vực sâu bên dưới.

Anh Pó, hiệu trưởng phụ trách các cụm trường, dẫn tôi đi dọc cái hành lang ghép bằng ván xẻ từ thời xa lắc. Vừa đi anh vừa chỉ tay. Đây lớp Một, đây bếp, kia là đường xuống bản, cô đi cẩn thận, trời mưa hay trơn trượt lắm đấy. Tôi bước vào căn phòng của mình. Đó là căn phòng cuối dãy, vách gỗ thưa lọt những tia nắng vàng rọi sáng lấp lóa. Phía trong có chiếc giường cũ và một chiếc bàn làm việc đã lâu không ai dùng, mốc thối.

Lớp tôi đảm nhiệm dạy có mười hai học sinh. Tên các em đọc lên nghe cứ líu ríu như tiếng chim rừng: Sùng Thị Mỹ, Vàng A Páo, Thào Thị Chúc... Buổi đầu cô trò làm quen với nhau thật khó khăn. Mười hai cặp mắt đen láy, nhìn tôi vừa lạ lẫm vừa sợ hãi như nhìn một con thú lạ mới từ dưới thung lũng bò lên. Tôi hỏi gì các em trả lời nấy.

Bước sang tuần thứ hai, trời bỗng nhiên đổ mưa dồn dập, ngày này qua ngày khác. Mỗi lần nhóm bếp thật là một cực hình với tôi, củi ướt nhẹ, khói mù mịt làm mắt tôi cay xè. Chính vì thế ngày mưa tôi thường nhịn đói, hoặc chỉ nấu mì tôm ăn tạm. Một hôm, tôi lên lớp, vừa bước tới bàn giáo viên thì thấy có một bọc lá chuối bên trong có ba củ khoai mài còn dính đất, to bằng bắp tay của bọn trẻ. Tôi nhìn xuống lớp rồi hỏi ba củ khoai mài này là của ai nhưng đám học trò vẫn không chịu nói. Mãi sau cô học trò nhỏ tên Mỹ mới nhỏ nhẹ nói rằng: “Chúng em tặng cô giáo ạ!”. Khi đó tôi xúc động không nói nên lời. Đó có lẽ là món quà bất ngờ nhất trong quãng thời gian đứng lớp của tôi.

Sang tháng thứ hai, anh Pó tới điểm trường thăm tôi và các em học trò, tôi buột miệng than thở về lũ chuột. Chúng to và lì lợm vô cùng, tối nào cũng chạy rầm rập trên mái nhà, cắn nát cả cái áo khoác tôi treo đầu giường. Anh Pó gợi ý tôi làm bẫy, hoặc mua các tấm dính. Câu chuyện về đám chuột lì lợm lọt vào tai cậu học trò nhỏ tên Páo. Ngày hôm sau, khi tôi đang nấu ăn, Páo xách đến lớp một cái túi vải, miệng buộc túm lại. Em rụt rè:

- Mèo nhà em để được sáu con, mẹ em bảo chia cho cô một con khỏe nhất để nó đuổi chuột. Cô đừng có sợ nữa nhé!

Thêm một món quà nữa khiến tôi cảm động. Tôi cảm ơn Páo và bế chú mèo nhỏ đốm trắng vàng ra khỏi túi. Tôi đặt tên nó là Mây. Từ ngày có Mây, tiếng chuột trên mái nhà vẫn còn đó, nhưng không hiểu sao tôi lại thấy ngủ ngon hơn. Mây hay ngồi thu mình trên bậu cửa sổ, mắt lim dim nhìn ra phía ngoài xa xa, thỉnh thoảng thấy lũ trẻ ra sân chơi là nó lại nhảy tót xuống, quẩn lấy những đôi chân lem luốc đất cát. Nhìn lũ trẻ túm tụm quanh con mèo, tôi bỗng thấy cái khoảng cách giữa mình và mười hai đứa nhỏ dường như đã gần đi rất nhiều.

Sang tháng thứ ba, trời quang mây. Lần đầu tiên từ lúc lên đây, tôi mới thấy cái thung lũng bên dưới hiện ra rõ mồn một, lúa chín vàng rực đỏ dọc theo những triền ruộng bậc thang như những vệt nắng bám chặt vào sườn núi. Khi tôi đang đứng ngẩn ngơ nhìn cái dải lụa vàng ấy thì Mỹ khẽ giật vạt áo tôi từ phía sau:

- Cô giáo ơi, đi theo bọn em đi!

Đám học trò dắt tôi lách qua những bụi rậm, đi sâu vào rừng theo một cái lối mòn chỉ vừa đủ đặt một bàn chân. Đi



Minh họa: A.J

được chừng ba mươi phút, cả đám dừng lại trước một gốc cây cổ thụ da dẻ xù xì, râu bám xanh ngắt. Bên dưới đồng lá mục ẩm ướt, một khóm lan nở muôn đang vươn lên, cánh hoa vàng rực như vệt lửa sót lại giữa bóng tối của rừng già.

- Mỗi năm nó chỉ nở một lần thôi cô giáo ạ! - Mỹ nói, tiếng Kinh của em vẫn còn vấp, ngắc ngư mãi mới ra câu - Bọn em sợ cô chưa kịp nhìn thấy cái hoa này thì cô đã bỏ bản mà về rồi...

Tôi đứng lặng đi, chợt thấy như tim mình thắt lại. "Sợ cô bỏ bản mà về". Hóa ra, đằng sau cái sự lằm lì, ít nói bấy lâu nay là một nỗi sợ rất thật. Học trò sợ tôi cũng giống như những người khách lạ từng ghé qua đây, chỉ nhìn sương mù một lát rồi quay lưng đi, chẳng bao giờ trở lại.

Rồi mùa đông cũng đến. Gió Bắc lùa qua khe vách sắc như dao cứa vào da thịt. Tôi cũng ít khi cầm đến cái điện thoại để dò sóng gọi về xuôi nữa. Chẳng phải vì bận gì to tát, chỉ là quanh quẩn với những việc không tên: ngồi chấm bài bên đồng củi cháy đượm, đuổi con Mây cứ chực nhảy vào nằm đè lên đồng vở, hay nghe Páo huơ tay múa chân kể chuyện nó theo ông nội đi đặt bẫy thú tận trên đỉnh núi cao.

Một chiều, trời đổ mưa to như muốn trôi cả điểm trường này xuống vực. Nước hắt qua cửa sổ, chảy lênh láng khắp sàn lớp. Đợi mưa ngớt, tôi cầm cái chổi quét nước, mười hai đứa học trò cũng tự động ở lại. Đứa cầm giẻ rách, đứa lấy vạt áo cũ, chúng nó lúi húi lau dọn hăng hái như đang dọn dẹp nhà mình. Mỷ đứng nhìn cái sàn gỗ đã khô ráo, bảo:

- Cô giáo này... lớp này bây giờ là của bọn em, cũng là của cô rồi đấy ạ!

Tôi khẽ mỉm cười, nhìn lũ học trò sao mà đáng yêu quá đỗi.

Cuối năm học, danh sách điều chuyển giáo viên gửi về phân hiệu. Tên tôi chưa có trong diện phải đi, nhưng anh đồng nghiệp cùng trường bảo nếu tôi viết đơn xin, năm sau chắc chắn sẽ được về xuôi. Đêm đó, tôi nằm thao thức, nghe tiếng Mây thở khò khè bên cạnh, nghe tiếng suối dưới thung xa vọng lại như tiếng người đang gọi nhau. Tôi cứ nhớ mãi cái gói lá chuối đựng ba khúc củ mài dính đất đỏ, nhớ cái túi vải bện bằng sợi lanh của thằng Páo, nhớ cả khóm lan vàng rực như lửa cháy âm thầm dưới gốc cây già.

Sáng hôm sau, tôi tìm gặp anh Pó lúc anh đang hí hục chẻ củ ngoài sân.

- Anh Pó này, tôi muốn ở lại đây thêm một năm nữa.

Anh Pó ngừng tay rửa, nhìn tôi một lúc lâu rồi chỉ gật đầu, chẳng hỏi lấy một câu tại sao. Anh Pó luôn vậy, không nói nhiều lời hoa mỹ để giữ chân nhau. Anh hiểu rằng khi cái tâm người ta đã muốn ở lại, thì cũng giống như cái cây rừng đã bén rễ vào lòng đất, cứ thế mà mọc lên, cứ thế mà đón lấy ánh mặt trời.

Bây giờ, tôi không còn thấy mình là người khách lạ đi mượn chỗ ngủ ở cái đất Rẻo Mây này nữa. Tôi đã biết nhìn đám mây vắt ngang đỉnh núi để đoán lúc nào mưa trút, biết hoa lan nở vàng rực là báo hiệu mùa gặt sắp về. Hóa ra cái lòng núi này có thứ ngôn ngữ riêng, chẳng cần phát thành lời. Yêu thương ở đây thô mộc như cái vạt áo sục mùi khói bếp, như những túi trứng gà luộc sẵn còn nóng hổi học trò giấu trong cặp tặng cô, và trong cái niềm tin chắc chắn rằng: cái trường này, cánh rừng này, bây giờ đã có tên tôi trong đó.

Ngoài kia, gió rừng vẫn thổi những luồng hun hút qua kẽ vách. Con Mây kêu khẽ một tiếng rồi lại rúc sâu vào đồng chăn mỏng, ngủ tiếp. Tôi cúi xuống mặt bàn gỗ xù xì, tiếp tục lật từng trang giáo án. Lòng tôi lúc này im lìm và mát lạnh, giống như cái mạch nước ngầm vẫn âm thầm chảy dưới lớp đá mờ côi ngoài thung sâu kia...

N.L

PHAN PHƯƠNG LOAN

Mẹ ơi con muốn biết

Bầu trời bao la thế
Giống biển xanh mùa hè
Những đám mây bông bẻ
Nhà có không mà về?

Con muốn nghe mẹ kể
Đường trên trời dài không
Có qua sông qua bể
Sao phải bắc cầu vòng?

Trời đêm cao lồng lộng
Ngân Hà chảy về đâu?
Thuyền trăng trôi mơ mộng
Cập bến bờ nông sâu?

Kìa ngôi sao Bắc Đẩu
Ai đặt giữa mệnh mông?
Chắc Thổ Ngọc nhanh nhẩu
Ngồi tròn xoe mắt hồng!

Từ gốc đa Cuội ngóng
Mong nhớ lấm quê nhà
Thương Cuội như chiếc bóng
Giữa bầu trời bao la

Mẹ ơi, sao mà lạ
Chân trời chẳng thấy đâu
Mà đi nhanh nhanh quá
Hết một ngày thật mau!

Những nét chữ xinh

Tùng nét chữ đầu tiên
Theo tay em uốn dẻo
Nét cong treo vắt vẻo
Đưa vông ru ời ời

Nét xiên nằm thanh thơi
Gối đầu thiu thiu ngủ
Bàn tay non búp nụ
Vẽ từng hàng hoa xinh

Nét khuyết đợi bình minh
Giăng buồm căng đón gió
Nét móc trên hỏ nhỏ
Nét ngang nằm làm chi?

Ừ... thì có đôi khi
Ngang dẫn lời ai đó
Mềm mại như ngọn cỏ
Nét thẳng đứng kiên cường

Khuyết dưới thật là thương
Vươn mình vào biển cả
Sóng xô cùng nghiêng ngả
Ngôn ngữ từ tay em!

P.P.L

Gió ngoan, gió hư

ĐẶNG TOÁN

Gió ngoan ve vuốt dịu dàng
Sắc hoa ngời bên sắc lá
Hương thơm quyện quanh đây đó
Khu vườn ấm áp bình yên.

Gió ngoan vỗ nhẹ mặt hồ
Sóng cười lăn tăn vui quá
Lim dim chú chim bói cá
Ngủ mơ quên cả bắt mồi.

Rồi gió vờn quanh lưng trời
Ghé môi thổi vang điệu sáo
Bầy trẻ hò reo nhón nháo
Tóc mềm bay giữa đồng xanh...

Sao chiều nay gió chẳng ngoan
Kéo theo cả dông, cả lốc
Bẻ cây, giật tung cửa lớp
Làm bao người sợ, người lo

Nếu mà gió vẫn cứ hư
Không ai bạn cùng gió nữa
Bọn mình bảo nhau chốt cửa
Ừ thềm chơi với gió đâu!

Trái tim Đan-kô bi kịch của lửa

MY TIÊN

(Giáo viên Ngữ Văn - Trung tâm GDTX- GDNN tỉnh Gia Lai)

Trong thần thoại Hy Lạp, thần Prô-mê-tê vì đánh cắp lửa cho nhân gian mà đắc tội với Thượng Đế, thần chịu hình phạt bị xiềng xích dưới chân núi đá, chịu cơn đau rủa gan của đại bàng. Từ khi có lửa, loài người đã phần nào chế ngự được bóng tối của đất trời, đã không còn sợ hãi thú hoang nhưng bóng tối trong tâm hồn thì khó lòng chế ngự nổi. *Trái tim Đan-kô* một truyện ngắn rút trong tập truyện *Bà lão I-déc-ghin* của Maxim Gorky (Sách giáo khoa Ngữ Văn Cánh Diều 11 tập 2) mang đến một ngọn lửa khác, ngọn lửa của trí tuệ và tình thương cao cả dẫn bước con người chạm đến sự tự do. Thế nhưng, chính ngọn lửa ấy lại mang trong mình một bi kịch sâu sắc - bi kịch bị ruồng bỏ bởi chính điều mà nó soi sáng.

Truyện bắt đầu với hình ảnh đoàn người bị xua đuổi vào "một khu rừng rậm chỉ có đầm lầy và bóng tối, cành lá quăn quýt dày đặc đến nỗi không còn nhìn thấy bầu trời nữa... những tia sáng khó khăn lắm mới lọt qua đám lá um tùm để rơi xuống mặt nước thì mùi hôi thối bốc lên đến nỗi họ phải lặn ra chết". Hình ảnh khu rừng là một ẩn dụ tượng trưng cho hoàn cảnh sống tăm tối, bế tắc, đầy rẫy hiểm nguy và cái chết luôn cận kề. Đó là không gian giam cầm tinh thần con người trong hoang mang, âu lo và tuyệt vọng. Đoàn người bị dồn đẩy từ không gian vật lý đến không gian tinh thần, tự hủy bằng sự lụn bại, kiệt sức ý chí: "không có gì làm suy mòn thể xác và tâm hồn người ta bằng những ý nghĩ buồn rầu. Người ta yếu đi vì lo nghĩ... nỗi khiếp sợ làm tê liệt những cánh tay rắn chắc của họ". Và như thế, con người rơi vào tình thế cam go buộc phải lựa chọn giữa hai con đường: cam chịu nô lệ hoặc kiếm tìm lối thoát. Tuy nhiên, sự hèn nhát, nỗi sợ hãi luôn nảy sinh và lây nhiễm cực nhanh trong đám đông, "tiếng khóc và cái chết khiến họ không còn sợ sống nô lệ nữa".

Ngọn lửa Đan-kô xuất hiện ở thời khắc ấy, một chàng thanh niên trẻ trung, đẹp đẽ bước lên với *"ánh mắt sáng ngời ánh lửa sôi nổi và nhiệt huyết"* thắp lên hy vọng giữa bóng tối thâm u: *"Hãy đứng lên, đi xuyên vào rừng, rừng cũng có chỗ kết thúc, mọi cái trên đời đều có chỗ kết thúc"*. Đan-kô - một người xuất chúng duy nhất có trái tim yêu thương cao cả và không sợ hãi trước cái chết đã đánh thức bản năng sinh tồn trong mỗi con người. Họ đứng dậy, nhất loạt tin tưởng và đi theo anh như vừa được ban cho ánh sáng Khải Huyền.

Nhưng hành trình nào cũng đầy gian khổ *"Rồi một hôm, đông bão gập ghềnh trên rừng, cây cối ồn ào ghê rợn... bao nhiêu đêm tối trên đời từ khi có rừng đều tụ cả lại... cây cối nom như những vật sống đang dang rộng những cánh tay dài ngoằn, đan thành một mạng lưới dày cổ ngằn chặn họ, trong đám lá tối tăm, có cái gì đáng sợ, u ám, lạnh lẽo, hắc ám nhìn đám người đang đi"*. Bao quanh ngọn lửa là thế lực hắc ám, là những thử thách sống còn của số phận. Đoàn người, một tập hợp của sự phẫn nộ và tiêu cực, Victor Hugo từng miêu tả về đám đông này trong *Nhà thờ Đức Bà Paris* bằng hình ảnh *"đám dẫu thô đen ngòm tràn ra từ các con hẻm"*, khi đối mặt với khó khăn, nỗi sợ hãi và sự yếu hèn lại trở dậy khiến họ một lần nữa trở nên mù lòa. Họ điên tiết, dữ tợn kết tội Đanko *"- Mi là kẻ hèn mọn làm hại chúng tao, mi dẫn chúng tao đi và làm chúng tao kiệt lực. Vậy mi phải chết"*. Họ căm thù chính người đang hy sinh cho họ, *"đoàn người biến thành bầy sói hung ác muốn lao đến xé xác người dẫn đường"*. Với hình ảnh ấy, Maxim Gorky đã khái quát được bản chất đám đông: hung ác và dễ bị kích động theo chiều hướng tiêu cực nhất. Ngay lúc ấy, Đan-kô hiểu rằng, nếu không giữ vững sự bình tĩnh, hành trình của anh sẽ trở nên vô nghĩa và đoàn người sẽ chết hết trong rừng sâu. Tình yêu thương trong trái tim bao la của anh lớn hơn mọi sự phẫn nộ và buồn bã, đôi mắt anh như hai ngọn đuốc sáng. *"Anh xé toang lồng ngực, gơ cao trái tim rực cháy, bóng tối sợ hãi lùi xa, bầy sói sợ lửa chột bùng tỉnh, cúi đầu ngoan ngoãn"*. Họ trở lại là bầy chiên ngoan đạo, rầm rập đi theo anh. Anh đã cho họ thấy sức mạnh vĩ đại của sự hy sinh và ngọn lửa yêu thương thuần khiết trong lý tưởng của mình. Anh thống trị họ bằng tình thương chứ không sai khiến họ bằng bạo lực. Và đó mới chính là nguồn sức mạnh thực sự khiến con người chịu khuất phục bằng cả linh hồn. Anh đưa họ trở lại với hành trình của sự giải thoát, chạm đến tự do. *Trái tim Đan-kô là biểu tượng của khát vọng cao cả, quên mình vì cộng đồng, vẻ đẹp chân lý của chủ nghĩa anh hùng. Là ánh lửa nhân loại khao khát từ thuở sơ khai cho đến trùng lai mà khi thiếu vắng, thế gian sẽ ngập chìm trong bóng tối của nỗi sợ hãi và mê muội.*

Tuy nhiên, trái tim Đan-kô - ngọn lửa tự thiêu để biến mình thành ánh sáng, vấp phải bi kịch của cái đẹp, cái cao cả khi đối diện với cái tầm thường. *"Thảo nguyên mệnh mông mở ra, ánh mặt trời rực rỡ và những ngọn gió tình"*

khô từ đại dương lồng vào phổi họ, cỏ ngời sáng vì những giọt mưa và dòng sông lấp lánh ánh vàng". Đoàn người đã được cứu sống, họ vui sướng và tràn đầy hy vọng, không ai để ý thấy: "Dưới ánh hoàng hôn, dòng sông đỏ như máu nóng hồi phụt ra từ bộ ngực rách nát của Đan-kô". Khi nhìn thấy trái tim can đảm vẫn cháy bùng bên cạnh xác anh, "họ sợ điều không hay xảy ra, liền giẫm chân lên trái tim kiêu hãnh ấy... Trái tim tóe ra một loạt tia sáng cuối rồi tắt ngấm". Họ chọn cách lãng quên anh để tồn tại, sự hy sinh của anh không được đền đáp và cái đẹp bị chà đạp không chút tiếc thương. Nhưng "Đan-kô bật lên tiếng cười đầy tự hào và gục xuống chết", hành trình của anh đã chạm đến thiên đường rực rỡ, không cần đoái hoài, không cần tưởng nhớ.

Đan-kô hy sinh trong cô độc vì sự nghiệt ngã của cuộc đời nhưng trái tim xuất chúng ấy vượt lên mọi sự vô tâm và ích kỷ của con người, anh không còn tồn tại cùng với họ, anh bất tử trong tiềm thức của họ. "Ánh lửa xanh leo lét giữa thảo nguyên" còn mãi để thắp sáng một huyền thoại anh hùng. Vùng đất mệnh mông ấy nuôi dưỡng tình yêu vĩ đại, chứng tích của một cuộc đời oanh liệt. Chính vẻ đẹp của sự cô độc và đau đớn ấy đã tạo nên sự ám ảnh khôn nguôi trong trái tim người đọc.

Trong tác phẩm *Trái tim Đan-kô*, giá trị nội dung đã được nâng lên phần nhiều nhờ những thủ pháp nghệ thuật. Bút pháp kể chuyện giàu chất huyền thoại kết hợp với sử thi đã xây dựng một nhân vật phi thường với những phẩm chất anh hùng được lý tưởng hóa. Dụ ngôn trong từng chi tiết tạo nên những biểu tượng xuyên suốt, cô đọng nội dung truyện. Hình ảnh một người thanh niên xé toang lồng ngực, gơ cao trái tim cháy sáng giữa khu rừng tăm tối vừa đẹp đẽ vừa bi thương đã tạo nên sức hút kỳ lạ. Qua lời kể của bà lão I-déc-ghin, câu chuyện hoang đường nhưng hàm chứa vô vàn giá trị nhân sinh, triết lý sống cao cả được mềm hóa thật thi vị và dễ khắc ghi.

Tác phẩm rất phù hợp giảng dạy trong chương trình phổ thông để truyền năng lượng tích cực cho học sinh, giúp các em biết trân trọng máu xương những người anh hùng đã ngã xuống, tự hào về lịch sử dân tộc. Từ đó, khơi dậy ở các em tinh thần sống tích cực, có lý tưởng và hoài bão, biết hướng tới những giá trị cao đẹp trong cuộc sống, tự mình thắp lửa soi cho chính mình.

M.T

DINH BÀ YĂ ĐỐ Ở XÃ CỬU AN

Không gian tín ngưỡng nữ thần và ký ức văn hóa Tây Sơn Thượng đạo

TS. VÕ MINH HẢI

Dinh bà Yă Đố trong cấu trúc tín ngưỡng vùng Tây Sơn thượng đạo

Dinh bà Yă Đố (thường gọi là dinh Bà) tọa lạc tại xã Cửu An, tỉnh Gia Lai, là một trong những di tích tín ngưỡng dân gian tiêu biểu gắn với không gian lịch sử - văn hóa Tây Sơn Thượng đạo. Không chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng thờ nữ thần, dinh Bà còn là một không gian ký ức đặc biệt, nơi lưu giữ và tái hiện mối quan hệ lịch sử, văn hóa giữa cư dân người Kinh và các tộc người bản địa Tây Nguyên trong tiến trình hình thành phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII. Trung tâm của không gian tín ngưỡng ấy là hình tượng Dinh bà Yă Đố, người phụ nữ Bahnar có mối quan hệ hôn phối với Nguyễn Nhạc, được cộng đồng địa phương tôn thờ như vị thần chủ.

Từ các nguồn văn bản Hán - Nôm, tư liệu điền dã và ký ức cộng đồng cư dân Cửu An, có thể khẳng định rằng tín ngưỡng thờ “Bà” tại dinh Bà không phản ánh việc thờ phụng một nữ thần đơn nhất, mà là kết quả của quá trình tích hợp và dung hợp nhiều lớp tín ngưỡng dân gian. Các lớp tín ngưỡng này bao gồm tín ngưỡng nữ thần Chăm - Thượng (Thiên Y A Na, Chúa Ngung man nương), tín ngưỡng Mẫu bản địa (Vạn Phước phu nhân - Mẹ Đất) và ký ức lịch sử gắn với phong trào Tây Sơn. Trong cấu trúc đa tầng đó, Dinh bà Yă Đố dần được cộng đồng địa phương xác lập như hình tượng trung tâm của tín ngưỡng thờ Bà, còn các nữ thần khác giữ vai trò phối thờ, tòng tự. Đây là một quá trình lựa chọn mang tính cộng đồng, phản ánh nhu cầu neo giữ ký ức lịch sử và bản sắc văn hóa của cư dân vùng trung du - cao nguyên.

Dinh bà Yă Đố là một trường hợp tiêu biểu của quá trình “lịch sử hóa nữ thần” và “thần thánh hóa nhân vật lịch sử” trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Bà vừa là nhân vật lịch sử có thật, gắn với hoạt động khai khẩn đất đai và việc hình thành căn cứ Tây Sơn Thượng đạo, vừa được dân gian hóa thành biểu tượng linh

thiên bảo hộ cộng đồng. Từ góc nhìn nhân học và văn hóa học, tín ngưỡng thờ Bà Yã Đổ phản ánh rõ cơ chế phong thần từ dưới lên, trong đó công lao đối với cộng đồng và vai trò lịch sử là cơ sở chính đáng cho việc thiêng hóa, không phụ thuộc vào hệ thống sắc phong chính thống của nhà nước quân chủ.

Quan trọng hơn, hình tượng Dinh bà Yã Đổ mang giá trị liên văn hóa sâu sắc, thể hiện sự giao lưu, tiếp xúc và hòa hợp giữa người Kinh và các tộc người bản địa Tây Nguyên trong tiến trình lịch sử Tây Sơn. Không gian tín ngưỡng dinh Bà vì vậy không chỉ là nơi thực hành niềm tin dân gian, mà còn là “ký ức văn hóa” sống động về quan hệ Kinh - Thượng, góp phần lý giải tính đa dạng và linh hoạt của tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng Tây Sơn Thượng đạo.



Dinh Bà Yã Đổ ở xã Cũ An. Ảnh: Huỳnh Bá Tính



Bình phong, trụ biểu phía trước dinh Bà. Ảnh: Võ Minh Hải

Đặc điểm kiến trúc dinh Bà Cũ An

Về mặt kiến trúc, dinh Bà Cũ An là một công trình tín ngưỡng dân gian có quy mô không lớn, song mang giá trị đặc thù ở chỗ phản ánh rõ tính bản địa và tính dung hợp văn hóa của không gian thờ Bà. Những dấu tích còn lại như bình phong và hệ trụ biểu cũ, có niên đại ước đoán cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, cho thấy ngôi dinh từng được kiến tạo theo mô thức kiến trúc đình - miếu truyền thống của người Việt, nhưng đã được điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán sinh hoạt tín ngưỡng của cư dân trung du - cao nguyên.

Không giống các miếu thờ nữ thần lớn ở vùng đồng bằng ven biển, kiến trúc dinh Bà không nhấn mạnh tính bề thế hay nghi trượng, mà thiên về sự giản dị, gần gũi, phản ánh quan niệm “linh tại tâm” trong tín ngưỡng dân gian. Đặc điểm này tương thích với tư cách của Dinh bà Yã Đổ - một nhân vật lịch sử gắn với đời sống khai khẩn, cộng đồng và biên địa, hơn là một nữ thần vương triều hay quốc gia. Kiến trúc vì vậy đóng vai trò như một “không gian ký ức”, nơi cộng đồng tái hiện

mối quan hệ lịch sử - văn hóa giữa người Kinh và người Thượng thông qua nghi lễ và thực hành thờ phụng. Tuy nhiên, hiện nay chánh điện và các cấu kiện cổ của dinh Bà đã xuống cấp nghiêm trọng, phản ánh một giai đoạn đứt gãy trong quá trình truyền nối kiến trúc truyền thống. Việc thay thế bằng kiến trúc tạm, sơ sài không chỉ làm suy giảm giá trị thẩm mỹ và lịch sử, mà còn khiến không gian thiêng mất đi tính biểu tượng vốn có.

So với các miếu thờ Thiên Y A Na ở vùng đồng bằng ven biển Bình Định và Phú Yên - vốn thường có quy mô lớn, bố cục chặt chẽ, kiến trúc bề thế và nghi trượng rõ ràng - dinh Bà Cửu An mang diện mạo khiêm tốn, giản dị và thiên về tính cộng đồng. Nếu các miếu thờ Thiên Y A Na ở ven biển nhấn mạnh quyền năng phổ quát của Bà Mẹ xứ sở trong không gian rộng lớn, thì dinh Bà Cửu An lại thể hiện sự bản địa hóa mạnh mẽ của tín ngưỡng thờ Bà, gắn trực tiếp với lịch sử khai khẩn, đời sống cư dân và hình tượng Dinh bà Yã Đố ở Tây Sơn Thượng đạo. Sự khác biệt này cho thấy kiến trúc dinh Bà không đơn thuần là một biến thể của miếu thờ Thiên Y A Na, mà là một dạng thức kiến trúc - tín ngưỡng riêng, phản ánh chiều sâu giao lưu văn hóa Kinh - Thượng trong không gian trung du - cao nguyên.

Một số kiến nghị bảo tồn

Từ các phân tích trên, có thể khẳng định rằng dinh Bà Cửu An là một công trình tín ngưỡng dân gian mang đậm tính bản địa, với quy mô nhỏ và hình thức kiến trúc giản dị, phản ánh rõ môi trường trung du - cao nguyên cũng như tính chất cộng đồng của tín ngưỡng thờ Bà. Kiến trúc của dinh không chỉ giữ vai trò là không gian thờ tự, mà còn là một "không gian ký ức" gắn liền với lịch sử Tây Sơn Thượng đạo và hình tượng Di bà Yã Đố, qua đó thể hiện sinh động sự giao thoa và tiếp biến văn hóa giữa người Kinh và các tộc người bản địa.

Trước thực trạng xuống cấp nghiêm trọng hiện nay, việc trùng tu, phục dựng dinh Bà đặt ra yêu cầu cấp thiết phải được tiến hành theo hướng tôn trọng tính nguyên gốc và tinh thần bản địa, tránh xu hướng đại tự hóa làm phai nhạt bản sắc riêng của di tích. Trên cơ sở đó, công tác bảo tồn cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản là dựa vào các dấu tích còn lại và tư liệu điền dã để bảo đảm tính nguyên gốc, bảo tồn hình thức kiến trúc phù hợp với môi trường trung du - cao nguyên, đồng thời gắn chặt việc trùng tu với diễn giải giá trị lịch sử - tín ngưỡng của Dinh bà Yã Đố. Chỉ khi đáp ứng được những yêu cầu này, dinh Bà Cửu An mới thực sự được bảo tồn như một di tích sống, góp phần làm nổi bật bản sắc văn hóa đặc thù của Quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo trong bối cảnh đương đại.

V.M.H

Pleiku, bản tình ca trong sương

NHẬT HẠ

Tôi đến Pleiku vào một buổi sớm mùa xuân khi sương còn vương nhẹ trên vai phở núi. Không gian như được phủ một lớp lụa mỏng, mờ ảo, dịu dàng, khiến từng bước chân tôi cũng chậm lại như sợ làm tan đi vẻ tĩnh lặng rất riêng của miền đất này.

Từ ban công trên tầng cao của khách sạn, tôi nhìn xuống phở núi vẫn còn đang ngái ngủ. Những con đường uốn lượn ẩn hiện trong màn sương, hàng thông đứng trầm mặc như những người gác cổng của thời gian. Xa xa, sắc hồng của hoa anh đào len lỏi qua lớp sương mờ, dịu dàng như một nụ cười vừa hé. Pleiku mùa xuân không ồn ào, không náo nhiệt mà đẹp theo cách riêng, khiến người ta phải lặng im để cảm nhận.

Tôi tìm đến Biển Hồ Tư Nưng khi mặt trời chưa lên. Con đường dẫn vào hồ phủ đầy sương trắng, hàng thông hai bên hồ đứng lặng yên, chỉ có tiếng gió khẽ lùa qua tán lá. Đi giữa con đường rải nhựa dẫn xuống hồ nước xanh trong, con đường như sống mũi, hai bên là “đôi mắt biếc tròn trong”, tôi mới hiểu thế nào là “đôi mắt Pleiku”. Mặt nước phẳng lặng như một tấm gương khổng lồ, phản chiếu bầu trời cao vợi vợi. Những dải mây trôi chậm, hòa vào làn nước khiến ranh giới giữa trời và nước dường như tan biến. Thỉnh thoảng, một làn gió nhẹ đi qua, mặt hồ khẽ gợn sóng như một cái chớp mắt rất khẽ. Theo truyền thuyết người Jrai, hồ hình thành từ nước mắt đàn làng khóc than sau trận đại hồng thủy. Đặc biệt dù nằm trên đỉnh cao nguyên nhưng hồ chưa bao giờ cạn, lúc nào cũng ướt, long lanh tựa đôi mắt người thiếu nữ.

Rời Biển Hồ, tôi đi men theo những con đường nhỏ dẫn về phía những hàng thông xanh rì, cao vút. Con đường uốn lượn, lúc ẩn lúc hiện trong màn sương mỏng, như

một dải lụa vắt ngang sườn đồi. Hai bên, những thân thông cao vút vươn lên trời, thẳng tắp và trầm mặc. Lớp vỏ thông xù xì, bạc màu theo năm tháng, mang theo dấu vết của gió, của mưa và của thời gian. Đi dưới tán thông, tôi có cảm giác như đang lạc bước vào một miền ký ức. Ánh nắng len qua từng kẽ lá, rơi xuống mặt đất thành những vệt sáng loang lổ. Gió thổi qua, những tán thông khẽ rung lên, tạo nên âm thanh rì rào như lời thì thầm của đại ngàn. Càng đi sâu, cánh rừng thông mở ra mênh mang và tĩnh lặng. Không gian nơi đây mang một vẻ đẹp rất riêng: vừa hùng vĩ vừa dịu dàng. Mùi nhựa thông thoang thoảng trong không khí, hòa cùng hơi lạnh của sương tạo nên một thứ hương vị rất khó gọi tên. Giữa rừng thông ấy, tôi thấy mình trở nên nhỏ bé nhưng trong lòng lại khoan khoái lạ thường. Mọi ồn ào dường như lùi lại phía sau, chỉ còn lại tiếng bước chân, tiếng gió và cảm giác bình yên lan tỏa. Tôi chợt hiểu vì sao người ta yêu Pleiku không chỉ vì cảnh đẹp, mà vì nơi đây có những khoảng lặng đủ để níu giữ tâm hồn của bất cứ ai từng ghé qua.

Nắng lên. Sương dần tan. Không gian như bừng tỉnh. Và rồi, tôi sống lại khi bắt gặp những vườn cà phê đang mùa nở hoa. Hoa cà phê trắng muốt, nhỏ bé nhưng kết thành từng chùm dày đặc, phủ kín cả cành lá. Từ xa nhìn lại, cả khu đồi như được bao phủ một lớp tuyết trắng tinh khôi. Hương hoa thoảng trong gió, ngọt ngào mà quyến rũ mang theo cái tinh khiết rất riêng của đất trời cao nguyên. Hoa cà phê trắng muốt, thơm ngọt như gọi mời. Tôi hít một hơi thật sâu, cảm giác như đang giữ lại cả mùa xuân trong lồng ngực. Người thương hái một chùm hoa nhỏ, đưa cho tôi: “Đẹp và sáng trong như em”.

Có lẽ điều đáng nhớ không phải là bông hoa... mà là khoảnh khắc này. Giữa màu trắng của hoa cà phê, sắc hồng của hoa anh đào lại nổi bật lên như những nét chấm phá đầy thi vị. Những con đường Pleiku bỗng trở nên mềm mại hơn, lãng mạn hơn. Tôi một du khách phương xa lại thấy tim mình rung lên trước cảnh vật thơ mộng ấy.

Buổi chiều, Pleiku lại khoác lên mình một màu sắc khác. Sương bắt đầu trở lại, không dày đặc mà lững lờ trôi như một dòng ký ức đang chậm rãi quay về. Pleiku không níu chân người bằng những điều rực rỡ. Nơi đây giữ người lại bằng sự bình yên, bằng cái se lạnh rùng mình của buổi sớm, sương chiều lảng bãng, bằng hương cà phê dịu ngọt và bằng những sắc hoa anh đào mong manh phơn phớt hồng.

Rời phố núi, tôi mang theo mình một chút sương, một chút hương và rất nhiều thương nhớ. Để rồi khi nghĩ về Pleiku, trong tôi luôn hiện lên một bức tranh dịu dàng. Nơi ấy có Biển Hồ mờ sương, rừng thông trầm mặc, hoa cà phê trắng xóa, hoa anh đào hồng phai... và một mùa xuân cứ mãi ngân nga trong ký ức. Tôi chợt nghĩ, có những nơi đẹp vì khung cảnh dịu dàng đi sâu vào lòng người như phố núi Pleiku và cũng bởi nơi đây một người đã cùng tôi đi qua mùa xuân phố núi, bản tình ca trong sương rất khẽ, rất dịu dàng...

N.H



Vị quê

TRẦN THU HÀ

Tháng Tư, nắng như đổ lửa, tôi rời thành phố về với mẹ để tìm chút hương đồng gió nội. Đường về với mẹ bao giờ cũng gợi lên trong tôi nhiều cảm xúc, nhất là nghĩ đến lúc sẽ được xì xà xì xụp thưởng thức những món quà quê, cùng một vài người bạn gần bó từ thời quãng khăn đỏ. Quê tôi giống như một thung lũng nhỏ, bốn bề là núi, bây giờ dù đường xá nhà cửa đã khang trang hiện đại không thua kém bất cứ một đô thị nào trong cả nước, thì với tôi, cái thung lũng nhỏ nhỏ ấy vẫn cực kì quê kiểng bởi những món ăn chưa bao giờ thay đổi như bánh hời, bánh dây, bánh bèo, bánh lá, banh canh, bánh xèo vỏ, ốc hút... và bánh canh chính là món ăn khoái khẩu của tôi.

Chẳng biết có phải vì rốn đất trung du đặc biệt này đã mang đến cho hạt gạo quê tôi cái vị ngọt thanh, thơm đậm hương đồng gió nội hay không mà vỏ bánh canh được làm ra lại ngon đến thế? Những sợi bánh mới làm ra tươi và phủ một lớp áo bột gạo trắng mịn màng, chạm tay vào là cảm nhận được ngay cái mát lạnh, mềm mượt đến nao lòng. Chục năm trước, một góc nhỏ trong chợ Mộc Bài sẽ là nơi quen thuộc tôi tìm đến, ngay buổi sáng đầu tiên về với mẹ. Ở đó, có gánh bánh canh cô Hiền, có tuổi thơ tôi và ký ức của bao người dân quê tôi. Vì tuổi cao, cô Hiền nghỉ bán và truyền nghề lại cho cô con gái lớn nhưng hình như gánh hàng bánh canh của cô chỉ còn là "huyền thoại". Tôi nhớ như in mùi vị bánh canh dân dã đặc trưng không trộn lẫn mà cô Hiền gần như dành trọn tâm huyết và cả cuộc đời mình vào đó. Một tô bánh canh chỉ có sợi bánh, lát đặc thịch bằm

và chả cá cắt nhỏ kèm dăm cọng hành tươi, một thìa dầu ớt vàng thơm cay xè vậy mà chỉ cần đi muộn sau bảy giờ sáng là không còn cơ hội được thưởng thức. Tôi không thể diễn tả lại trọn vẹn cái mùi vị ấy, dù nó vẫn luôn phảng phất trong tâm trí và vị giác của mình, nhưng tôi tin mình là một trong những người may mắn từng được bung tô bánh canh cô Hiền giá chỉ có năm nghìn đồng, nóng hổi, mà hít hà, mà mãn nguyện. Bây giờ, nhiều người bán món ăn này thêm vào những phụ phẩm chất lượng như xương sườn, chân giò, cá lóc, chả cá nhìn bắt mắt hơn, giá vẫn rẻ nhưng vị quê thì đã khác nhiều rồi.

Không biết tự lúc nào, cái con bé từ nhỏ đến lớn là tôi chỉ biết học hành, nhảy múa hát ca, làm thơ, viết lách linh tinh và làm nhiều thứ việc linh tinh khác nữa, cho đến khi tốt nghiệp đại học, lập gia đình rồi mới mày mò tập nấu ăn lại có sở trường nấu món bánh canh, mà phải là nấu từ vỏ bánh canh mua ở chợ Mộc Bài quê mới chịu. Thế nên, hành trang của tôi, sau mỗi lần về thăm mẹ, thể nào cũng có dăm ký vỏ bánh canh vừa để biếu bạn vừa để dành trong ngăn đá, mỗi khi thèm vị quê lại lăn vào bếp. Mỗi lúc chuẩn bị nguyên liệu nấu bánh canh, tôi lại nhủ thầm, bạn có thể bắt đầu muộn nhưng nếu bạn thực lòng yêu thích và đam mê một điều gì đó, cuộc sống sẽ dạy bạn biết cách chinh phục nó. Nghe có vẻ to tát và triết lý nhưng thực tế là vậy. Tôi đã trở thành một người phụ nữ của gia đình thực thụ, biết chế biến nhiều món ăn đơn giản mà ngon miệng cho những người thân yêu của mình, từ sự mời gọi của mùi vị bánh canh quê nhà, từ những gì chân quê nhất mà tôi đã từng gắn bó, khi còn thơ bé.

Người ta thường nói rằng, khi có tuổi chúng ta hay hoài niệm, hoài niệm không phải để tiếc nuối mà để nhận ra, những điều nhỏ bé mà ta từng lãng quên lại chính là điểm tựa vững chắc cho ta trở về với cội nguồn để tự hào, để hạnh phúc vì ta đã được lớn lên ở một vùng quê như thế. Thung lũng nhỏ giữa bốn bề là núi, quê tôi có cái tên gọi luôn nhắc nhủ tôi, dù có đạt đến đỉnh cao nào, dù có thưởng thức bao nhiêu cao lương mỹ vị trên đời cũng đừng đánh mất vị quê từ tô bánh canh mộc mạc, rất đỗi bình thường ấy.

Cái tên nhắc nhớ mãi những ân tình - Hoài Ân!

T.T.H

Mơ

Nhạc và lời: Hoàng Thông

Ta mơ giấc êm đêm hôm qua mơ áo tím trong chiều mênh mang
Mơ nón lá ai về nghiêng che mơ câu hát trên dòng Hương giang
Ta mơ giấc mơ về xa xưa mơ giây phút ta là quân vương
Mơ đôi cánh tay ngà giai nhân mơ môi mắt ru hồn đêm trăng
Ta lang thang tìm trong cõi mộng gom du dương vào muôn ý thơ
Đem trăng sao hòa tan mắt biếc cho câu ca còn mãi trên môi
Ta đi mãi đi hoài trong mơ dù ta biết mơ là xa xôi
Ai quyến rũ tâm hồn thi nhân cho ta cứ mơ về nơi đây.

* Tác phẩm từ Trại sáng tác "Huế quyến rũ"

Từ đại ngàn hát gửi biển xanh

Vừa phải - tình cảm Nhạc và lời: Nguyễn Thế Tuyên

The musical score is written in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 2/4 time signature. It features a melody with various rhythmic values including eighth and sixteenth notes, and rests. There are several triplet markings (indicated by a '3' above the notes) and a 'Fine' ending at the bottom right. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes of the melody.

Tôi hát khúc ca từ rừng xanh đại ngàn Gửi những tâm tình về biển
xanh yêu thương Cùng gọi sóng trắng dâng gọi bờ cát thân
thương Gọi mặt trời lên ngày mới bắt đầu
Ồi Duyên hải Cao nguyên đất trời hoà quyện
ánh mắt thân thương triệu trái tim chung nhịp đập Trống Tuồng rộn
ràng Công chiêng ngân vang Gia Lai Đông
Tây về chung một nhà Chư Đăng Ya Biển Hồ gọi về Kỳ Co Eo
Gió Hương cà phê hoà cùng mùi hương tôm cá
Gia Lai Biển bạc rừng vàng Hư hư hư hư
hư hư hư Đêm nghe kể Khan Tây Nguyên Thương nhau
mấy núi cũng trèo Nghe câu Bài Chòi xưa Nấu cho mình về bên
nhau Huyền thoại Đam San Truyền thống Quang Trung
Người Gia Lai hôm nay kể vai sát cánh bên nhau Cùng dựng
xây quê hương mãi mãi đẹp giàu Fine

Mùa hè

Nhạc và lời: Trần Văn Lộc

Mùa hè xanh, hoa phượng đỏ thắm Bầu trời
Vườn trưa vắng, ta nằm trên lá nhìn mây
xanh, đất trời mênh mông Lòng quẩn quanh nỗi buồn xa
trắng bay về nơi đâu? Dòng sông trôi, chân trời xa

1.
vắng Mùa hè ơi gọi nhớ mênh mông Vườn trưa

2.
lâm Lòng như nắng cuối trời về đâu Mùa hè
ơi gọi nhớ mênh mông Dòng thời gian trôi về phương
nào Mùa hè đi còn mình ta sao mãi nơi
này Dòng sông nắng cho bờ bến vắng Chiều ra
đứng bên bờ lau thưa Hồn thả trôi trôi về quá
khứ Người yêu dấu bây giờ về đâu

Về thăm Quy Nhơn Đông

Slowrock

Thơ: Nguyễn Kim Chúc
Nhạc: Phan Thanh Hùng

The musical score is written in a single system with 14 staves. It features a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 6/8 time signature. The melody is accompanied by a simple harmonic structure. The lyrics are written in Vietnamese and are placed below the corresponding musical notes. The piece concludes with a double bar line and the word 'Fine'.

Anh đưa em về thăm Quy Nhơn Đông Bình minh Eo Gió ừng hồng chân
mây Kỳ Co sơn nữ ngủ say san hô Bãi Dứa ngắt ngây lòng người Dân
chài tung lưới xa khơi Hòn Càn Hòn Sẹo mực soi cá ngư Bãi rêu xanh mát xa
vời Hòn Khô thơ mộng biển trời trong xanh Em về Khe Đá cùng
anh sang cầu Thị Nại trắng thanh gió ngàn Khu công nghiệp rực ánh đèn Rộn ràng tiếng
máy vang rền vào ca Quy Nhơn Đông đất hiền hoà thắm Giếng đồng lúa vào mùa tốt
tươi Tưng bừng lễ hội Cầu ngư Nức lòng du khách hân hoan reo hò
Quê hương nay rợp bóng cờ
Chung tay xây dựng cơ đồ Việt Nam Quy Nhơn Đông lắm tiềm năng Vươn tầm trên
những đôi chân vững vàng Phố phường sáng đẹp huy
hoàng Quy Nhơn Đông khúc tình ca dịu dàng Về đây vui đón xuân
sang Tỉnh ta đẹp mãi nồng nàn sắc hương Về
đây em nhớ người thương Quy Nhơn Đông đón muôn phương hẹn hò Đông
lòng hợp sức điem tô Quy Nhơn Đông dệt văn thơ giao hoà *Fine*

HỘP THƯ

Trong thời gian qua (01.02.2026 - 30.4.2026), Tòa soạn tạp chí Văn nghệ Gia Lai đã nhận được tác phẩm văn học, nghệ thuật của các bạn gửi cộng tác:

Trương Thị Diễm Phúc, Nguyễn Thiên Trúc, Chu Phương Thảo, Đỗ Hoàng Quân, Trần Như Luận, Lê Bá Duy, Phạm Ngọc Huy, Võ Ngọc Thọ, A.K Thủy, Trúc Phùng, Nhiên Đăng, Lê Hứa Huyền Trân, Lê Minh Kha, Võ Minh Hải, Nguyễn Mỹ Linh, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Trần Thanh Trúc, Nguyễn Xuân Sang, Đỗ Văn Minh, Vinh Tuy, Hương Văn, Phạm Hữu Hoàng, Trần Hà, Đào Viết Bửu, Thuận Ánh, Hồ Hoàng Vinh, Trần Hà Nam, My Tiên, Lâm Tới, Lê Từ Hiên, Hồ Thế Sinh, Nguyễn Tiến Lập, Nhật Khoa, Nguyễn Kim Chúc, Phan Thanh Hùng, Đặng Phước Tấn, Lê Xuân Tùng, Nguyễn Thiên Trúc, Cao Kỳ Nam, Bùi Quang Vinh, Dương Thanh Huy, Khắc Hùng, Trần Văn Lộc, Thế Tuyên (Gia Lai); Cao Văn Quyển, Nguyễn Hưng, Thanh Minh, Lê Thị Ninh, Ngọc Linh, Tăng Hoàng Phi, Nguyễn Thiên Thành, Trần Xuân Trọng, Mạnh Hào, Trịnh Minh Hiếu, Nguyễn Thị Luyến Nhớ, Nguyễn Thị Lê Nga, Nguyễn Thị Loan, Lê Thị Hiệp, Thùy Linh, Cao Thanh Minh, Nguyễn Văn Hùng (Hà Nội); Hà Ngọc Hoàng (Quảng Ninh); Bùi Nhật Lai, Ngô Thúy Hà, Phương Uyên (Thái Nguyên); Bùi Việt Phương, Vũ Thị Huyền Trang, Vũ Kim Liên, Hà Thành, Lê Gia Hoài (Phú Thọ); Nguyễn Hồng Quang (Tuyên Quang); Phạm Thị Yến (Sơn La); Nguyễn Hà Hải (Bắc Ninh); Bùi Thị Nhung, Bùi Cao Thế, Đặng Toán (Hưng Yên); Mai Thị Trúc, Nguyễn Thị Thủy, Đường Xuân Hùng, Đặng Văn Thắng, Đoàn Trung Phong, Cao Tiến Kỳ, Lê Khắc Dinh (Nghệ An); Lê Khánh Nhâm (Ninh Bình); Lê Ngọc Sơn (Thanh Hóa); Linh Châu, Lê Thị Xuân, Trần Anh Đức (Hà Tĩnh); Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Loan (Huế); Nguyễn Thành, Nguyễn Đại Duẩn (Quảng Trị); Phạm Thị Mỹ Liên, Lam Khuê, Vũ Ngọc Giao, Mỹ An, Lê Văn Huân, Thu Hiên, Lê Thị Diễm, Minh Vũ, Huỳnh Minh Tâm (Đà Nẵng); Hoàng Lê Ân, Nguyễn Ngọc Hưng, Trần Thu Hà, Nguyễn Hoài Ân (Quảng Ngãi); Nguyễn Thị Bích Nhàn, Y Nguyên, Trần Quốc Cường, Nguyễn Hồng Chiến, Hoàng Hà Thế, Hoàng Anh Tuấn, Huỳnh Văn Quốc (Đắk Lắk); Nguyễn Thị Hoa, Trương Thị Bích Chi, Khuê Việt Trường, Trần Xuân Thụy (Khánh Hòa); Trần Thanh Thủy, Nguyễn Thị Kinh Sơn (Lâm Đồng); Ngô Nữ Thùy Linh, Lưu Thiện Vương (Đồng Nai); Đặng Thành Trung, Kim Loan, Trần Thị Ngọc Ánh, Nguyễn Hoàng Duy, Nguyễn Ngọc Minh Anh, Nguyễn Thanh Vũ, Phan Phương Loan, Thạch Bích Ngọc, Nguyễn Gia Long, Trần Thái Học, Võ Đào Phương Trâm, Bùi Thị Kim Loan, Thanh Trắc Nguyễn Văn (TP.HCM); Nguyễn Lê Hải Đăng, Nguyễn Duy Minh, Đặng Hoàng Thám (Cần Thơ); Nguyễn Thị Ngọc An, Tịnh Bình, Nguyễn Văn Tài (Tây Ninh); Phan Đại Duy, Huỳnh Thị Quỳnh Nga, Mai Gia Huy, Y-Thái Byă (Đồng Tháp); Ngô Trọng Nghĩa, Trần Thành Nghĩa, Lê Thị Ngọc Nữ, Trần Thái Học, Bùi Bá Đông, Nguyễn An Cư (Vĩnh Long); Xuân Thảo, Nguyễn Chí Ngoan, Ngô Quốc Toàn, Huỳnh Ngọc Phước, Trần Thương Tính, Vinh Thông (An Giang) Trần Kim Chi, Nguyễn Thị Thu Phương, Trần Đôn (?)

Tòa soạn tạp chí Văn nghệ Gia Lai xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của các bạn. Nếu tác phẩm được chọn đăng trên tạp chí, biên tập viên từng chuyên mục sẽ liên lạc trực tiếp với các bạn qua địa chỉ email hoặc điện thoại.

Rất mong sự cộng tác tích cực của các bạn.